

NHẬT QUANG

RỪNG THIÊN

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LỜI ĐẦU SÁCH

Rừng thiên – Từ muôn đời cây lá hoa cành muôn sự muôn vật tươi màu sức sống. Một trật tự thom nệp an bày và cứ thế đời đời sinh tồn, không không sắc sắc. Bao la, rực sáng.

Tất cả toàn thông, muôn lối hài hòa nhi nhiên. Không tiếng động, không mô hình, không vương mắc. Uyên nguyên như thế, tỏa sáng trầm hùng như thế. Từ đây sức sống tuôn trào vô tận, dạt dào suối ngọc. Kẻ đứng ngoài kia với nắng gió âm thanh, chưa một lần ngoảnh mặt làm sao biết đượ? Ai đã nghe tiếng thác vọng vỗ bờ, ai đã đi giữa nước mắt nụ cười, thử một lần dừng lại. Nhìn xem. Là gì? Chỉ một làn hương.

Ở đây, thanh thanh rừng già, thanh thanh nhựa sống chưa thành vóc, chẳng nên hình. Dịu mà thoảng, nhẹ mà tỏa, ngan ngát hương định, hương tuệ, hương giải thoát. Rừng thiên rắc là vi vu sao không thành tiếng động, gió mát thanh lương sao chẳng gọi bóng trúc la đà? Có phải tâm vật nhất như, động tĩnh bật dẫu? Chà chà! Chớ để môi mép khua động hồn rừng, làm lụy đến muôn đời.

Thôi thì,

Hãy thử một lần bước vào. Đây khung trời không cảm địa, đây áp trắng sao tỏa sáng, chẳng ngần ngại những bước chân lữ thứ quay về. Chung vui với Rừng thiên.

Thiên Viện Thường Chiếu
NHẬT QUANG



KHẮC TRỊ NHỮNG BỆNH TẬT ĐỂ TU

Buổi sinh hoạt đạo lý này, chúng tôi nói về những trở ngại trên bước đường tu tập của chúng ta. Trong công phu tu, dĩ nhiên không khi nào ta được như ý trăm phần. Chỗ này nếu người nào chưa nhận định được chính xác có thể dễ nản lòng, thoái tâm Bồ-đề. Vì vậy hôm nay chúng tôi sẽ đưa ra những cách Khắc phục bệnh tật để tiến tu.

Nhiều vị có thời gian học đạo, tu đạo lâu dài nhưng rồi cũng bị thoái tâm. Vì quá trình thực hiện công phu đòi hỏi nhiều công sức, nhiều quyết tâm và nhất là phải có trí tuệ sáng suốt đi đúng đường. Có trí tuệ mới thấy rõ các bệnh tật làm ngăn trở bước tiến đạo của mình, từ đó ta khắc phục loại trừ nó. Trong huynh đệ chúng ta chưa ai dám đảm bảo mình tu một năm, hai năm hay năm mười năm thành đạo cả. Tại sao? Vì trong công phu ai cũng nếm trải quá nhiều điều bất như ý, những cay đắng không ngờ trước được. Cho nên nhiều người đã tủi lòng khóc than trước Phật, Bồ-tát hoặc thầy mình, với những lời bộc bạch tức tưởi vì nghiệp chướng chưa chịu buông tha. Thật là khổ.

Khi nghe những lời trình bạch ấy, các bậc thầy lại cười. Vì sao? Vì không phải nghiệp chướng chưa chịu buông tha mình, mà là tại mình chưa chịu buông nghiệp chướng. Trong trường hợp như thế, các Ngài cũng không làm sao hơn. Bởi vì Phật, Bồ-tát còn chẳng thể đưa chúng ta lên Niết-bàn, huống là các bậc thầy. Thầy cũng không có pháp thuật nào đảm bảo cho quá trình tu tập của chúng ta được an toàn.

Chúng ta có thầy bạn, có pháp, chuẩn bị đầy đủ tiện nghi rồi mà những ưu tư phiền não không buông được là lỗi tại mình thôi. Nhiều người than rằng, không biết phiền não là cái gì mà nó hiện đủ thứ hình ảnh quấy rầy tôi. Thì hôm nay chúng ta sẽ điểm mặt một vài tên phiền não ấy, xem thử nó là gì?

Đã nhiều lần tôi nói “Phiền” giống như một loại lửa nóng bức, thiêu đốt trên đầu chúng ta. Phiền làm cho mình không yên, buồn dầu dầu hoặc cay cú khó chịu, không bình thường. Quý vị thử tưởng tượng cái đầu bị lửa đốt, làm sao chịu được. Huống là lửa này đốt ở trong tim, trong gan, trong phổi của mình, không bất an bất ổn sao được! “Não” là gì? Là bồn chồn xốn xang, khó chịu. Hôm nào ta la lên “tôi bực bội quá”, đó là hiện thân của não. Người biết tu không ai đại gì nuôi chứa phiền não. Nhưng khắc phục nó thì ta chưa khắc phục được, nên rồi cứ phiền não. Nói nghe như lẩn quẩn, song đó là những vấn đề hiện thực trong sinh hoạt tu tập hằng ngày của chúng ta.

Phiền não có hai loại: căn bản phiền não và tùy phiền não. Nói căn bản tức là gốc gác, gốc gác này có là do chúng ta không tỉnh sáng. Thế nên khi nào ta sống không tỉnh, không sáng là đã làm sai lời Phật dạy, nên chuốc phiền não. Hiểu như vậy, chúng ta mới thấy quả thực phiền não là do tự mình thôi. Thế nên muốn trị phiền não chúng ta phải tỉnh, phải sáng, phải tích cực phấn đấu loại trừ nó. Một trong những cách phá tan phiền não là sự xả bỏ, buông hết, tha thứ hết thì phiền não sẽ không còn. Lẽ thật như vậy.

Chúng ta để ý xem thái độ của người đang phiền não ngộ lắm, hề buồn là cúi gằm mặt xuống. Như mình đang giận ai đó, gặp họ không muốn ngó, thành ra ta ngó xuống. Phải chi khi buồn ta ngó lên cười, mở con mắt to ra, mở rộng lòng tha thứ thì nhẹ nhàng biết mấy. Việc tu như thế đâu có khó khăn gì! Đàng này ta buồn là cúi xuống, rút lại, đóng cửa rào, khóa cửa phòng, rồi nằm thui thủi một mình, thế là buồn lại thêm buồn. Rõ ràng tự mình thôi, chớ có ai làm gì mình đâu?

Bao giờ chúng ta còn vui buồn, tức giận khi đụng chạm những cảnh bên ngoài là biết mình chưa tỉnh, nhất định căn bản phiền não sẽ nổi lên. Căn bản phiền não là gì? Là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Bọn này trời lên một lúc thì chúng ta hoàn toàn thất thế, giống như tướng lãnh ra trận không có quân lính vậy. Bây giờ chỉ còn nước nạp mình cho nó muốn làm gì thì làm. Vì vậy khi tham sân tật đồ kéo đến, hiện hình của mình bấy giờ là ma quái. Mặt đỏ, môi run, tay chân quơ quào, miệng há hốc la lối... Còn đâu là hình bóng từ bi, trí tuệ, giác ngộ, giải thoát? Chúng ta vẫn biết khi phiền não nổi lên thì dở lắm, nhưng vẫn không đủ sức mạnh thắng nó, nên rồi cuối cùng cũng hiện hình theo nó.

Có thể nói phương pháp hữu hiệu nhất để thắng phiền não là “phải tỉnh”. Trong công phu tu thiền, tỉnh giác luôn được xem là tướng tiên phong của thiền sinh. Chữ “Tỉnh” là tự tỉnh, chữ “Giác” là sáng suốt. Tự mình tỉnh táo, sáng suốt. Tất cả sáng suốt từ ngoài đem vô, do người khác chỉ vẽ chưa phải là sự sáng suốt của mình, nên ta không thể đương đầu với hiện cảnh trước mắt. Học hỏi kinh nghiệm từ những bậc trưởng lão đi trước là điều cần thiết, nhưng cuối cùng người quyết định vẫn là mình. Được hay không, nên hay hư, tốt hay xấu, thành công hay thất bại đều do chúng ta hết, chớ không phải ở người khác. Như mình tu không được là tại mình, không thể đổ thừa tại Phật, tại Bồ-tát, tại ông thầy... Rõ ràng như vậy.

Có tỉnh giác mới được an ổn. Tỉnh thường đi chung với định mới đúng. An ổn ở đây là làm chủ được mình, khắc phục, loại bỏ những lăng xăng không cần thiết. Cho nên người xuất gia, đệ tử Phật nên có thời gian nhập thất, để tránh bớt duyên, tránh tiếp xúc mới dễ lắng tâm lăng xăng của mình được. Người thế gian thấy như thế là tiêu cực, trốn đời nhưng thật ra không phải. Đây là những người can đảm, dám ngồi nhìn lại thật rõ những lăng xăng điên đảo của mình. Để từ đó quật ngã nó bằng sự tỉnh giác, bằng trí tuệ của chính mình.

Tóm lại, muốn trị được phiền não trước phải tỉnh giác, muốn không bị vọng tưởng kéo lôi phải có sức định. Vì vậy người xưa nói có định mới có tuệ. Quả thật nếu tâm chúng ta yên tĩnh, trí tuệ mới sáng suốt. Như khi đang ở chỗ đông người ồn náo, mình nghĩ điều gì cũng khó thông suốt, bấy giờ ta tìm nơi vắng lặng, ngồi yên định tâm sẽ bừng sáng ra vấn đề. Đó là gì? Là từ sự yên lặng, tâm được định nên trí tuệ phát sáng. Thiếu thiền định, thiếu sự yên lặng, là không có nền tảng để phát huy trí tuệ sáng suốt. Bởi vì sự sáng suốt này không phải từ ngoài đem vô được, mà từ bên trong của chúng ta phát ra. Lắng được, yên được, tỉnh được, buông bỏ được thì tự nhiên mình sáng suốt. Điều này rõ ràng như vậy.

Khi ta ngồi thiền, tiếp khách, ăn cơm, tụng kinh, làm những công việc bình thường mà lòng yên lặng thì việc làm rất sâu sắc, khéo léo, tinh nhuệ. Bởi vì lúc

đó ta làm với một tâm định tĩnh, có trí tuệ ngự trị thì phiền não không phá rối, nhiễu loạn được. Giống như sáng với tối, hễ có ánh sáng thì bóng tối phải lui; còn đây bóng tối thì biết không có ánh sáng.

Ai tu mà không muốn tỉnh sáng, ai tu mà không ngăn phiền não, cho nên nhiều người đã cất cốc riêng để khỏi phiền não. Nhưng càng trốn tránh phiền não chừng nào nó càng bám sát chừng ấy. Vì phiền não không phải do cảnh bên ngoài, mà nó nằm trong tâm ta. Không dám nhìn thẳng nó, không dám ruồng tận hang ổ của nó thì dù ta có chui xuống đất hay bay lên trời, nó vẫn rượt theo như thường. Quan trọng là biết nhận diện phiền não và biết cách khắc phục nó. Chỉ có tỉnh sáng là phương pháp thẳng tắt nhất để trị liệu phiền não mà thôi.

Khi thấy mình còn phiền não thì cố gắng tỉnh, chớ không thể khóc lóc cầu Phật, Bồ-tát dẹp phiền não giùm mình được. Nó nằm trong ta, làm sao các Ngài vào đó dẹp được? Cho nên chúng ta có an lạc, có sáng suốt hay không là từ công phu, từ sự thể nghiệm của mình, chớ không từ đâu cả. Không thể mỗi ngày chỉ ngồi thiền hai tiếng đồng hồ là thấy ta tu ngon rồi, xả thiền xong đi vòng vòng nổ lốp bốp. Tu kiểu đó không thể nào sáng được việc của mình, không thể nào thành Phật được. Điều này huynh đệ chúng ta cần phải ý thức rõ, để có con đường thoát. Miễn sao trong công phu không có phiền não, không có sở đắc là được an lạc.

Như chúng tôi đã nói, ngoài căn bản phiền não còn có tùy phiền não nữa. Đám tùy phiền não này mới rắc rối. Tuy nó không quan trọng như căn bản phiền não, nhưng nó xúi giục, hỗ trợ cho căn bản phiền não dấy loạn. Một khi căn bản phiền não dấy khởi thì đám phụ thuộc này hòa theo, nên thế lực chúng rất mạnh, nhiễu loạn ta đủ cách. Nếu mình không khắc phục được cội gốc phiền não thì ngọn ngành cũng chịu thua. Trong cuộc sống hằng ngày những ngọn ngành đó biết bao nhiêu mà kể. Ra ngoài chợ mua đồ không vừa ý cũng bực bội ... Ngọn ngành này cộng với căn bản phiền não thì sanh chuyện lớn.

Đám tùy phiền não này ở đâu ta không biết, nhưng nó âm ỉ thâm thâm bên trong, xúi bảo rất hay. Như buổi chiều mình định đi bách bộ một chút rồi tụng kinh, tọa thiền. Nhưng khi gặp người bạn tâm đầu ý hợp, họ đề nghị gì đó ta ưa thích. Thế là giờ tụng kinh cho qua, vượt mất công thứ nhất. Đến giờ tọa thiền, con ma vọng tưởng, ma tùy phiền não vẫn len lén rủ rê nữa, vậy là qua luôn công thứ hai. Có khi ta chạy theo nó tới nửa đêm, công phu đã hụt hẫng mà còn mỗi một luôn cả trong giấc ngủ. Từ những hình thành nhỏ như thế, lâu ngày tồn đọng thành lớn, rất trở ngại cho việc tu hành của chúng ta.

Người xưa khi hạ thủ công phu rất sợ những thứ tạp nham này, mới nhìn nó không ra gì, nhưng lần lần thành vấn đề không hay. Huynh đệ chúng ta cần phải lưu ý điều này. Thành ra, đối với phiền não gốc như tham sân tật đố, dĩ nhiên chúng ta phải đề cao cảnh giác, việc đó đã đành rồi. Nhưng đối với những thứ phụ thuộc, những anh trợ lý của căn bản phiền não, chúng ta cũng phải đề dặt, không thể xem thường.

Nhìn chung, đối với căn bản phiền não hay tùy phiền não, lúc nào ta cũng cảnh giác, tỉnh táo thì mới đủ sức đương đầu với nó. Bằng không thì thôi, buông trôi. Đã buông trôi thì công phu bao nhiêu năm cũng không thể sáng được việc của

mình. Chúng ta tu hành có một điều rất tủi hổ, tại sao người xưa khi nhận ra được lý đạo rồi, thời gian sáng đạo, thành tựu đạo của các Ngài rất mau. Còn chúng ta lại mệnh mang không biết chừng nào, không biết bao giờ, vô định. Đó là điều tôi thấy rất xấu hổ.

Cũng con người, cũng có tất cả phiền não, cũng biết tu hành như nhau, nhưng tại sao người xưa tu được, tới mình lại không tu được? Chúng ta có thể đặt ra vấn đề này để tự khắc tỉnh, chỉnh đốn lại công phu của mình. Đó là tôi nói về hai thứ, căn bản và tùy phiền não.

Bây giờ còn một loại nữa là nội trước phiền não và ngoại trước phiền não. Chữ “Nội” là bên trong, chữ “Trước” là dính mắc, nắm chặt. Nội trước phiền não là những thứ chấp, những thứ dính mắc trong lòng mình. Dính mắc cái gì? Hình như cái gì ta cũng dính mắc được cả. Chúng như những chất keo, khởi lên cái gì mình dính cái ấy, làm cho ta hoàn toàn mất hết chủ lực. Trong cuộc sống này, nhà cửa, bạn bè, ăn uống, ngủ nghỉ, cây cảnh... cái gì mình cũng dính được hết. Chính vì thế mà chúng ta không giải thoát được.

Giải thoát là mở ra, mà nội trước là trói lại, trói chặt lại ở bên trong. Giống như cái còng, càng cục kịch càng nhúc nhích nó càng siết mình lại. Ta có thể hình dung nội trước phiền não tương tự như vậy. Những chấp thủ của chúng ta nhiều quá đi, không biết bao nhiêu mà kể. Ví dụ mình nhớ lại, hồi năm sáu tuổi còn đi học tiểu học, dần dần lên trung học, rồi đại học. Thế là không hiểu ai bảo mà tự nhiên mình thấy ta là người có văn hóa, văn minh, ta khôn hơn thiên hạ, ta có địa vị, danh vọng, quyền lực v.v... thế là những thứ chấp trước lòi ra. Ngô vậy!

Có lần tôi nói chuyện với một huynh đệ, gần như ông khẳng định trong gia đình mình, tất cả mấy anh chị em đều có mái tóc đẹp. Đó là mái tóc đen, tóc dày, tóc to v.v... tóc sao đó tôi cũng không biết nữa. Nhưng ông bảo người được mái tóc như thế là người thông minh. Chẳng những nó đẹp mà còn biểu trưng cho một sức khỏe tốt, một trí óc thông minh, nhớ dai, học giỏi, giàu sang... Do khẳng định như vậy nên nói chuyện với huynh đệ khác một hồi là có gây cần. Bởi thấy gia đình mình được như vậy, những gia đình khác ít được, nên ông rất tự hào về mái tóc nhiều đạm tố của mình. Nhiều người nghe thế, họ nói thiếu chi kẻ trán trọt lớt, tóc đâu mất hết trơn mà vẫn thông minh học giỏi hơn người, thì sao? Cho nên lý lẽ của ông bị lung lay, bị chối lại. Nhưng ông cứ khẳng định như vậy. Tôi nói đó là một loại nội trước hay còn gọi là định kiến. Con người dễ sanh sự bởi những cố chấp lạ như vậy. Có những vấn đề thông thường như đồ chơi, nhưng nếu ta không tỉnh giác, nó sẽ trở thành cái nôi phát sinh phiền não. Giống như ổ vi trùng ban đầu rất nhỏ, nhưng khi nó sinh trưởng rồi thì trở thành bệnh nặng khó có thể trị được.

Nội trước phiền não tuy độc hại như vậy, nhưng nhà thiền nói nó không thật. Với người có tu tỉnh, có công phu liên tục thì không sợ nội trước phiền não. Ở đây tôi nhấn mạnh công phu chớ không nói thời khóa tu tập thông thường. Công phu là sức nội hàm, nội tĩnh của từng người, cái này mới trị được nội trước phiền não. Nếu chúng ta không lo trị loại phiền não này, nó sẽ trói buộc siết chặt mình, không làm sao giải thoát được. Ngay bây giờ không giải thoát thì đến lúc chết làm sao giải thoát được?

Khi gần chết sợ nhất là cận tử nghiệp, tức những năng lực dồn lại trong cả đời của chúng ta. Năng lực đó sẽ quấy động, làm cho mình không buông được thân hư giả, cảnh hư giả, tâm hư giả này. Bà con, quyền thuộc, tài sản, địa vị... đều buông không được. Nếu nặng phần nào thì theo phần ấy mà thọ sanh, tiếp tục chịu khổ đau nữa. Tôi nhớ câu chuyện thế này.

Hoàng Đình Kiên là một ông quan Thái sử ở Sơn Cốc. Tuy làm quan nhưng ông không bị danh vị, tiền tài khống chế, thường lui tới với các Thiền sư, các bậc tôn túc đệ học đạo. Nhưng vì văn hay chữ tốt, tuy học thiền mà văn chương lúc nào cũng trào dâng. Ông bị vướng vào cái vòng ấy. Ông đến với một Thiền sư lỗi lạc đương thời. Biết bệnh của ông, nên Thiền sư hỏi: “Ông tu thiền học đạo mà cứ mê văn chương, dùng văn chương mà mê người ta, làm sao sáng đạo, làm sao giác ngộ giải thoát được?”

Thiền sư liền dẫn chuyện Lý Bá vẽ ngựa để khuyên nhắc Hoàng Đình Kiên. Lý Bá có tài vẽ ngựa siêu lắm, người xem có cảm tưởng như thấy ngựa thật. Nhưng do đam mê vẽ đến nỗi nhập tâm, cuối cùng Lý Bá bị sanh vào trong bào thai ngựa. Hoàng Đình Kiên nghe thế nói: “Chẳng lẽ Ngài lại đem tôi để trong bụng ngựa sao?” Thiền sư bảo: “Tôi nói thế để nhắc ông. Nếu dùng văn chương trau chuốt, ủy mị làm động lòng dâm của người trong thiên hạ, chẳng những bị sanh trong bụng ngựa mà còn rớt vào trong địa ngục, chịu khổ vô lượng nữa kìa”. Hoàng Đình Kiên nghe lời cảnh cáo này đâm hoảng mới xin sám hối. Từ đó giảm bớt việc văn chương, chuyên tâm học đạo, sống khổ hạnh cầu giác ngộ giải thoát.

Trên con đường tu hành, nếu chúng ta gặp được các vị thầy sáng như thế, luôn dìu dẫn nhắc nhở, nói thẳng cho ta biết những bệnh tật của mình để thức tỉnh sửa đổi, đó là cơ hội rất tốt, rất quý. Cho nên người học đạo chân chính không sợ bị chỉ lỗi, mà còn cần cầu được thầy bạn nhắc nhở để ta biết bệnh của mình mà trị liệu. Có thể việc học đạo, tu đạo mới đi đến kết quả tốt đẹp.

Tôi xin nhắc lại, định kiến tức là sự cố chấp, bám víu của chúng ta, nếu vin vào đó, kẹt trong đó thì nhất định phải chuốc quả khổ trong tương lai. Như một họa sĩ tài danh chuyên vẽ ngựa và chấp vào tài năng của mình, để cuối cùng nhận lấy kết quả sanh vào trong bụng ngựa, thật đáng sợ! Từ những đấm trước, những vướng mắc không giải thoát được nên chúng ta phải chuốc quả khổ. Nghiệm lại bản thân dường như cái gì chúng ta cũng đấm trước được. Như thiên hạ chửi mình một câu thô tục gì đó, nó có đáng để ta đấm trước đâu, nhưng mình vẫn cứ đấm trước, bỏ không được. Người ta chửi mình, mình liền chửi lại. Rõ ràng chúng ta mắc mứu, không có giải thoát tí nào cả.

Nếu là người có đời sống nội tâm vững vàng, chúng ta sẽ không như thế. Nghe, biết đây là những lời thô tục, có đáng gì đâu liền bỏ, tự nhiên mình yên. Còn đặng này, nghe lời chửi thô xấu chùng nào, mình càng đấm trước, càng móc moi những lời chửi độc hại hơn để trả lại. Ta tự đặt mình thành đối tượng, giống như cái trống để cho người đánh, mỗi khi đưa dùi vô là nghe thình thình. Ít có ai dám tinh táo, xem thường những lời chửi mắng lắm. Nếu ta đừng đặt đối tượng nào cả, như không có trống thì người ta đánh chỉ như đánh vào hư không, đâu có vấn đề gì.

Nói thế nhưng chỗ này rất khó, không phải đơn giản. Nội trước phiền não rất khó trừ. Vì nó thuộc về thói quen, chủng tử, tập khí của chúng ta. Có người cho rằng đấm trước về văn chương, văn hóa có tội lỗi gì đâu. Dĩ nhiên chúng ta phải học, phải nhớ, phải có đời sống văn hóa. Đồng ý là như thế, nhưng người học cho biết, cho có cuộc sống tốt đẹp khác với người đấm trước. Cho nên đấm trước là có sự trói buộc, mà trói buộc là mất tự do, là đau khổ, dù là đấm trước một thể loại, một hình thức nào. Khi nó đã thành vết hằn thì gây trở ngại trên bước đường thực hiện đạo lý giải thoát của chúng ta.

Ở đây đứng trên lập trường giải thoát mà nói, thì tất cả mọi sự đấm trước đều không hay. Bởi không hay nên Phật dạy người tu phải buông bỏ tất cả chủng tử thiện cũng như ác. Buông để chi? Buông để được giải thoát, buông nhiều thì giải thoát nhiều, buông sạch sẽ hết thì giải thoát hoàn toàn.

Sau này Hoàng Đình Kiên đến học đạo với ngài Hối Đường, cũng là một vị Thiền sư nổi tiếng đương thời. Ông thỉnh cầu: “Xin Hòa thượng chỉ cho con con đường thẳng tắt”. Ngài Hối Đường dẫn lời Không Tử nói với học trò: “Ta có giấu giếm gì các ngươi đâu!”. Khi đã nắm được đạo lý rồi, không còn nghĩ ngợi gì nữa, bây giờ ông chỉ muốn có một đường thẳng tắt để sáng được việc lớn thôi. Thiền sư dẫn lời Không Tử nói tức là đã chỉ thẳng. Bởi chỗ ấy nằm ngay trong tất cả động dụng hằng ngày của chúng ta, đâu có giấu giếm bao giờ.

Một hôm ngài Hối Đường lên núi, Hoàng Đình Kiên được đi theo. Thấy hoa quế rụng đầy dưới đất, thơm ngào ngạt, Ngài hỏi: “Ông có nghe mùi thơm hoa quế chẳng?”. Ông thưa: “Dạ nghe”. Ngài Hối Đường bảo: “Ta không giấu giếm gì ông cả!” Bấy giờ Hoàng Đình Kiên có chỗ tỉnh liền sụp xuống lạy: “Hòa thượng đối với con thật là tâm lão bà tha thiết”. Thiền sư cười nói: “Chỉ cần ông về đến nhà thôi”.

Chỗ này thật hay, nhưng nếu không khéo chúng ta sẽ không nhận ra được. Như bây giờ có loại hoa nào rơi rụng đầy trước mắt chúng ta, mùi thơm của nó, ai cũng thường thức được hết. Người ngồi trên cao cũng thường thức được, kẻ ngồi dưới thấp cũng thường thức được, vì tất cả chúng ta đều có lỗ mũi, đều có khả năng ngửi được các mùi. Lại nữa mùi hương kia đâu có nói dành riêng cho ai. Cho nên Thiền sư nói “Ta không giấu giếm gì cả”. Phật, Tổ và chúng ta không khác nhau cái đó.

Nếu chúng ta nhận lại và sống được với nó thì không còn bị ràng buộc, không còn cố chấp vào định kiến riêng tư của mình. Như vậy là giải thoát rồi. Chỉ khi nào ta không nhận như vậy, không sống như vậy thì mới bị cột trói, bị nội trước nên không thể đi trên con đường thẳng tắt. Như vừa nghe mùi thơm, ta liền suy nghĩ phân biệt đây là mùi thơm gì, đáng thích hay không đáng thích, mùi thơm này của ai v.v... Cứ lao theo một chuỗi phân biệt hư giả như thế, nên ta đánh mất đi cái hiện tại, tức là cái đang ngửi mùi thơm đây.

Có một vị tăng suốt đời đi học đạo khắp nơi nhưng vẫn không được gì. Khi lớn tuổi, sức khỏe mỗi mòn kiệt quệ, bệnh hoạn sắp chết, vị tăng này hết sức buồn khổ, than khóc suốt ngày. Chúng tăng thấy thế đưa vào nhà Niết-bàn, tức bệnh xá để chữa trị. Đứng trước tình cảnh đó, chư tăng trình lên Hòa thượng đường đầu.

Hòa thượng nói: “Ngày mai tôi sẽ xuống thăm”. Khi tới nhà Niết-bàn, Hòa thượng nói: “Ta nghe người bệnh hoạn nặng, trong lòng buồn khổ lắm phải không?”. Nghe tới đó, vị tăng kia mũi lòng khóc thối là khóc: “Con cả đời tu hành trôi sông, chẳng ra làm sao. Giờ này sắp chết, đạo lý không sáng, không biết nghiệp sẽ dẫn đi đâu?” Để vị tăng giải bày hết nỗi lòng của mình xong, Hòa thượng chỉ cái lồng đèn hỏi: “Người thấy không?” Tăng thưa: “Bạch thầy, thấy”. Hòa thượng bảo: “Cái thấy đó của người, của ta, của Phật không khác”. Ngay đó vị tăng ngộ đạo, liền xuất mồ hôi hạn, hết bệnh.

Các Thiền sư bao giờ cũng chỉ thẳng cái bất sanh bất diệt của mình. Nó nằm ngay nơi sáu căn của chúng ta, chớ đâu phải ở đâu xa xôi. Cái đó nhà thiền gọi là bản lai diện mục, là ông chủ v.v... rất nhiều tên, nhưng đều để chỉ cho cái sẵn có nơi mỗi chúng ta. Như vị Hòa thượng đã nói: “Cái thấy của người, của ta, của Phật không khác”, vị tăng kia nghe xong liền ngộ đạo. Chúng ta cũng thấy chứ, như cái quạt đang quay ở đây, tôi thấy, quý vị thấy, có ai không thấy đâu. Nhưng mình thấy mà chạy theo nó, chớ không nhận lại tánh thấy hằng hữu của ta. Vừa thấy cái quạt liền khởi nghĩ cái quạt này sản xuất tại Đồng Nai hay ở Thành phố, quạt nội địa hay ngoại nhập, tốt hay xấu, bền hay không bền v.v... Bởi nghĩ như thế nên lao碌, mắc mứu cái quạt, thành ra không thấy đạo.

Mỗi chúng ta đều có tánh giác. Khi căn tiếp xúc với trần, ta không ngược xuôi dong ruổi theo các trần cảnh bên ngoài, mà quay về nhận lại, sống lại với tánh giác của mình. Sống lại với cái biết, cái nghe của mình, đó là liễu liễu thường tri. Sống như vậy mới không bị trần cảnh bên ngoài cũng như vọng tưởng điên đảo bên trong quấy rầy, gây phiền não cho chúng ta. Đó là ta đã chiến thắng được phiền não nội trước.

Đến loại thứ hai là phiền não ngoại trước. Ngoại trước tức là kẹt đắm bên ngoài. Vừa thấy sắc liền dấy khởi nghĩ, vừa nghe tiếng liền dấy khởi nghĩ... Ví dụ chúng ta nghe người bạn nói đến một người thân của mình gặp nạn hay quê nhà bây giờ tao loạn, bà con tứ tán hết, ta buồn ngay. Người nói cũng bên ngoài, người thân gặp nạn cũng bên ngoài, cảnh quê cũng bên ngoài nhưng ta lại thấy đau buồn, tức là kẹt nơi ngoại trước. Một loại phiền não do chạy theo các cảnh duyên bên ngoài mà ra.

Đối với người thế gian, chuyện đau buồn do tức cảnh sanh tình như thế không có gì quan trọng, nhưng với người tu hành thì khác. Vì buồn là phiền não, mà phiền não loại nào cũng làm chướng đạo. Một chúng sanh còn phiền não là không thể nói đến chuyện ngộ đạo, không thể nói đến chuyện giải thoát được. Phiền não gốc cũng không được, mà phiền não ngọn cũng không được, nhánh lá ngọn ngành gì của phiền não cũng cột trói cả. Phải dẹp sạch sẽ phiền não mới sống được với cái liễu liễu thường tri. Sống được với cái thường thấy thường biết không phân biệt, không chạy theo ngoại cảnh thì mới hết khổ, hết phiền não.

Kể đến là tùy miên phiền não và hiện hành phiền não. Tùy miên tức là ngủ ngầm, hiện hành tức là hiện ra. Tùy miên phiền não là phiền não ngủ ngầm bên trong chúng ta, nó không thể hiện ra ngoài. Hiện hành phiền não thể hiện ra ngoài

rất rõ khi các giác quan chúng ta tiếp xúc với trần cảnh hoặc thuận hoặc nghịch. Thuận thì vui vẻ ưa thích, nghịch thì bực bội khó chịu.

Trong kinh kể lại thời đức Phật còn tại thế, một hôm Thế Tôn cùng các vị đại đệ tử lên cõi trời. Bấy giờ các thiên nữ, thiên tử trỗi các âm nhạc vi diệu nhất để cúng dường đức Phật và hội chúng. Trong số các đại đệ tử có Tôn giả Ca Diếp, Ngài nghe nhạc trời tấu lên thì thân liền uyển chuyển nhịp nhàng theo các nốt nhạc. Các vị đại đệ tử kia thấy lạ, vì bình thường Tôn giả Ca Diếp tu hành rất nghiêm chỉnh, khổ hạnh, có uy đức nhất trong hàng đệ tử của Thế Tôn, không hiểu tại sao hôm nay lại lạ lùng như vậy. Thế nên các Trưởng lão thưa hỏi nguyên do trên với đức Thế Tôn. Phật bảo đó là chúng tử ngủ ngâm từ thuở trước của Ca Diếp. Thuở quá khứ, Ngài là một nhạc công nổi tiếng, nên bây giờ gặp duyên chúng tử ấy khởi dậy.

Nhà Phật gọi đó là “tùy miên”, nó thuộc về tập khí ngủ ngâm sâu bên trong. Khi gặp duyên trúng tần số nó hiện ra, nhưng trúng loại thường nó không hiện ra đâu, phải loại đặc biệt mới được. Ví dụ người giỏi về thơ, gặp người biết làm thơ nhưng là thơ thần thì không ăn thua gì, họ chê toàn là thơ tào lao. Nhưng nếu gặp đại thi hào, nói câu nào xuất thần nhập thánh câu đó, tự nhiên động tới hồn thơ họ, bấy giờ nó mới trào tuôn lai láng. Cho nên phiền não ngủ ngâm bên trong quan trọng ghê lắm!

Đối với phiền não tùy miên, phải có năng lực công phu, trí tuệ tròn đầy mới làm chủ nổi nó. Bởi nó ngủ ngâm sâu bên trong, gặp đúng duyên nó mới xuất hiện nên ta khó khám phá, khó diệt trừ. Về loại phiền não này, không ai giống ai hết. Nên có những cảnh, những sự việc hay hình ảnh nào, ta không chút khởi niệm, nhưng người khác bị kích động.

Có lần, tôi cùng một số huynh đệ thời học tăng đón xe lam đi đâu đó. Trên đường cũng có người đón xe như chúng tôi, trông họ có vẻ lam lũ nghèo khổ. Khi thấy mấy thầy, chủ xe mời lên, nhưng ông lại không rước số bà con nghèo khổ kia. Tôi lên xe cũng không để ý gì, nhưng đến tới về tới chùa mới hay trong số mấy anh em, có một thầy bất bình chuyện hồi sáng. Suốt đêm anh không ngủ, làm hàng chục bài thơ thán oán, trách móc cuộc đời đen bạc, xã hội bất công, vì anh thương các bà con nghèo khổ kia đón xe không được. Tôi thật không ngờ anh đã cảm xúc tới như vậy.

Thật ra thầy này rất dễ cảm xúc. Có lần thầy kể cho chúng tôi nghe. Hồi trước một vị Phật tử gần nhà thường hay cúng dường tiền cho thầy đi học. Lúc đầu thầy cũng vui vẻ nhận. Nhưng một hôm thầy bỗng gặp người Phật tử đó đang bươi bọc nylon trong những đồng rác lớn của thành phố để kiếm tiền sinh sống. Thấy thế rồi, thầy về khóc suốt đêm, cũng làm hàng chục bài thơ. Sau này anh trở thành thi sĩ, chớ không phải tu sĩ nữa. Một người hay xúc động như thế làm sao tu được! Hiện tượng đó là do có chúng tử ngủ ngâm bên trong.

Với người tu chúng ta đối trị phiền não tùy miên như thế nào? Có thể nói nếu đạo lực không có, trí tuệ không hoàn bị, công phu tu hành không chuẩn, thì khó trị được tùy miên phiền não. Cho nên phải có đạo lực, có trí tuệ, công phu miên mật mới trị được phiền não này. Nó làm chúng ta hơi buồn, hơi lo, lòng

không yên, ăn không ngon, ngủ không được, xanh xanh mét mét, rồi đau bao tử. Đi đứng nằm ngồi đều không yên, làm sao tu được. Người nào vướng phải loại phiền não thì công phu rất khó tiến.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đừng quên phiền não gây chướng ngại bước tu đạo, mà cũng chính ngay nơi phiền não, chúng ta thành tựu quả vị giác ngộ giải thoát. Trong nhà thiền có câu chuyện của Thiền sư Huệ Nam. Trước kia Ngài là một thiền tăng rất lanh lợi, từng đi tham vấn nhiều nơi, nhưng chưa triệt ngộ. Một hôm Ngài đến hội của Thiền sư Từ Minh. Từ Minh nghe danh Ngài nên hỏi thử vài câu, Ngài trả lời không thông, Từ Minh bảo: “Tuởng ta không thể làm thầy ông, nhưng bây giờ thì ta đủ tư cách làm thầy ông rồi. Hãy đánh lễ đi”. Ngài đánh lễ cầu pháp với Từ Minh.

Một hôm Ngài y áo lên thưa hỏi đạo lý bị Từ Minh mắng cho một trận. Buồn tủi quá, Ngài khóc sụt sướt và cuối cùng thưa với Thiền sư Từ Minh: “Chính vì chưa hiểu nên con mới thưa hỏi Hòa thượng cầu quyết nghị. Mắng chửi đâu phải là quy củ thí pháp, sao Hòa thượng lại mất lòng từ bi đối với kẻ hậu sinh như vậy?” Ngài Từ Minh trợn mắt nói: “Những lời ấy là mắng chửi sao?” Ngay đó Huệ Nam ngộ đạo đánh lễ ngài Từ Minh, thưa: “Tới bây giờ con mới nhận ra được yếu chỉ của Thầy”. Sau khi ngộ đạo rồi Ngài thay đổi hẳn, trở nên thâm trầm, sâu sắc, không bồn chồn lanh lợi như thời trước nữa.

Đó là từ phiền não mà thành tựu đạo nghiệp. Cho nên ta cũng không nên buồn nếu có phiền não, nhưng phải biết cách sử dụng, phiền não mới trở thành Bồ-đề, Niết-bàn. Ngược lại nếu không biết cách sử dụng thì phiền não sẽ phá tan tành đạo nghiệp của chúng ta. Cho nên người tu quan trọng nhất là phải biết khắc trị phiền não, tức khắc trị các chứng tâm bệnh. Ngay nơi phiền não gắng gổ phấn đấu chiến thắng nó, đừng để nó nhiễu loạn lôi kéo làm chướng ngại việc tu hành của mình. Được vậy hy vọng tất cả chúng ta sẽ thành công trên con đường tu hành.



THẤP ĐUỐC

Hôm nay chúng tôi sẽ nói về cách “Thấp đuốc” trong nhà Phật. Thiền gia có từ “Truyền đăng” nói đủ là “Truyền đăng tục diệm”, tức nối đèn tiếp lửa. Ở đây tôi dùng từ Thấp đuốc. Nghĩa là chúng ta phải tu như thế nào, áp dụng đạo lý như thế nào trong cuộc sống, để xứng đáng là người Phật tử, biết thấp ngọn đuốc tâm sáng mãi.

Trong kinh, Phật dạy: “Người nào biết cầm đuốc sáng đi vào ngôi nhà tối, dù cho ngôi nhà tối bao nhiêu năm nhưng có ngọn đuốc sáng thấp lên thì nó sẽ hết tối ngay lập tức.” Cũng thế, người tu chính là những người biết thấp đuốc. Chúng ta tu là giữ cho ngọn đuốc của mình đừng bị tắt, đừng bị lay động bởi phong ba bão táp, tức là đừng bị các duyên bên ngoài làm cho ngọn đuốc tắt đi. Chư Phật thị hiện ra nơi đời chỉ mong mỗi thế thôi. Làm sao ngọn đèn tâm của chúng ta được truyền thừa mãi mãi.

Như chúng ta đã biết, từ Phật xuống bao nhiêu đời Tổ sư cho tới thời kỳ của chúng ta, luôn luôn có những vị biết nối đèn tiếp lửa, các Ngài thấp đuốc ngọn đèn tâm của mình và giữ cho ngọn đèn ấy còn mãi trên đời. Phật tử không cần cầu nguyện cho Phật pháp còn hoài, chỉ mong sao tất cả những người con Phật nói chung, ai cũng biết thấp đuốc ngọn đuốc tâm của mình sáng mãi. Được thế thì Phật pháp còn hoài, chúng ta xứng đáng là người con của Phật.

Trong cuộc sống này, chung quanh có bao nhiêu thứ duyên sẵn sàng làm chao đảo cây đèn tâm của chúng ta. Bây giờ nương theo các phương tiện Phật đã dạy, tùy mỗi người sắp xếp việc tu học cho mình, làm sao ngọn đèn tâm đừng bị tắt. Bằng mọi cách chúng ta bảo vệ ngọn đèn ấy, không để bất cứ cảnh duyên nào làm trở ngại, làm lung lay khiến nó mờ tối hoặc tắt mất. Muốn thế chúng ta phải biết cách tu, biết cách giữ gìn ngọn đèn ấy. Lời Phật dạy ban đầu rất giản dị, nhưng về lâu xa con người phần nhiều yếu đuối, nên cổ đức lập bày những nhiều phương tiện khác nhau, cốt tạo điều kiện cho chúng ta tu được. Vì vậy các pháp môn được ra đời để đối trị với tâm bệnh của chúng sanh.

Như người tu thiền phải làm sao cho tám gió thổi không động. Tám gió gì? Đó là lợi, suy, hủy, dự, xung, cơ, khổ, lạc. Gặp gió lợi lộc thổi đến chúng ta không rung rinh vì vui thích. Hoặc bị gió suy kém thổi ta không lo buồn, sầu não. Được người khen ngợi hoặc bị khinh chê không chao động v.v... Tóm lại những quan hệ trong cuộc sống, trong sinh hoạt hằng ngày giữ lòng mình yên ổn, làm sao đừng bị động bởi những duyên chung quanh, đừng bị động bởi bất cứ thứ gió nào. Đó là người biết tu thiền.

Nghiên cứu trong kinh điển của Phật chúng ta thấy, nói về tu hành thật ra rất giản dị, bình thường, không có gì khó khăn hết. Nhưng vì nghiệp tập của chúng ta quá sâu dày, các duyên bên ngoài lại quá nhiều nên việc tu trở thành khó. Thời Phật còn tại thế, có câu chuyện thế này. Một vị cư sĩ giàu có, vừa phát tâm cúng dường các thầy Tỳ-kheo, vừa phát tâm tu học Phật pháp. Được tin ai muốn tu, vị này đều tìm cách giúp đỡ ủng hộ cho người đó tu dễ dàng. Đại đa số, người nào có duyên gặp bà đều tu hành có kết quả. Một số thầy nghe danh bà, muốn đến thử

xem vị thí chủ này có thể giúp mình tu được không? Với mục đích một là thử nghiệm bà già, hai là các thầy cũng muốn trong mùa an cư việc tu tập của mình được tăng tiến.

Bàn bạc với nhau xong, khoảng mấy chục thầy đến xin phép Thế Tôn tới trú xứ của bà già kia hạ thủ công phu. Hay tin, bà già sẵn sàng, vui vẻ nói: “Quý thầy đến đây bao nhiêu cũng được, mùa hạ này tôi sẽ tận tâm tận lực trợ duyên cho thầy tu hành đạt được kết quả tốt.” Chỗ của bà đất rộng, vườn cây thuận lợi cho việc hành thiền. Bà thưa: “Bây giờ quý thầy khỏi phải đi khát thực, trong ba tháng an cư tôi nguyện cúng dường đầy đủ hết, quý thầy yên tâm tu.” Thế là mỗi thầy chọn một gốc cây tĩnh tọa, không ai nói chuyện với ai, để xứng đáng với lòng nhiệt thành của bà lão.

Song sự việc ấy khiến cho bà già đâm nghi. Bà thắc mắc tại sao một số đông như vậy mà không thấy nói chuyện, hay là mấy thầy giận nhau? Quý thầy tu hành có hòa hợp nhau không? Bởi vì tinh thần hòa hợp, đoàn kết là truyền thống của đạo Phật, thiếu yếu tố này không còn ý nghĩa Tăng nữa. Cuối cùng, không chịu nổi bà mới hỏi một thầy trong số các thầy đó: “Tại sao tôi không hề thấy quý thầy bàn bạc với nhau điều gì. Mỗi người chỉ im lặng ngồi hoặc đi, đứng một mình?” Vị thầy này trả lời: “Trước khi đến đây, chúng tôi đã nhận pháp tu nơi Thế Tôn và nguyện trong thời gian ba tháng phải nỗ lực công phu quyết liệt, tu hành miên mật không để tâm tán loạn, làm sao qua mùa an cư này tất cả đều đạt được Thánh quả, báo đền ơn Phật. Do đó chúng tôi đồng ý với nhau, mỗi người tìm một nơi vắng vẻ chuyên tâm thiền định. Không nói chuyện tạp là để tâm chuyên chú tu hành, chớ không phải giận nhau. Chúng tôi rất quý kính và sống tuân thủ hoàn toàn theo pháp lục hòa của Phật dạy. Làm sao phát huy trọn vẹn trí tuệ, thấp sáng ngọn đuốc của mình”.

Bà già nghe nói đặc biệt quá, hỏi nào tới giờ chưa từng nghe. Bà mới hỏi: “Như thế quý thầy tu pháp tu gì?” Vị thầy ấy kể các pháp tu như quán thân bất tịnh, quán thân tứ đại: Đất, nước, gió, lửa. Những chất cứng như xương thuộc về đất; những chất lỏng thuộc về nước, chất nóng như hơi ấm trong thân thuộc về lửa, chất động như hơi thở ra vào thuộc về gió. Thân này tạm dùng được là nhờ bốn thứ ấy hòa hợp. Một trong bốn thứ này trắc trở thì thân không dùng được nữa. Quý thầy nhờ thiền quán như vậy nên không chấp thân thật, không chấp thân bền chắc, do đó không đắm luyến thân. Nhờ thế chúng ta sống trong Niết-bàn an lạc, thật sự thanh tịnh giải thoát.

Bà già có duyên đặc biệt với Phật pháp nên sau khi nghe chư tăng giảng dạy sơ lược về cách thức tu hành, bà rất thích hỏi: “Như vậy già này có thể tu được không?” Quý thầy đáp: “Ai tu cũng được hết, nếu bà muốn tu, chúng tôi sẽ hướng dẫn cho”. Được sự chỉ dạy của một Trưởng lão trong số các thầy Tỳ-kheo ở đó, bà già tu chỉ trong vòng một tuần lễ liền chứng Tam quả tức A-na-hàm. Tức là bà chứng quả trước quý thầy. Sau khi chứng quả rồi, bà được Tha tâm thông nên quyết định dùng tâm này xem xét quý thầy cần gì để hỗ trợ cho việc tu của quý thầy mau đạt được Thánh quả.

Vị Tăng nào bệnh bà đem thuốc tới, vị nào muốn ăn món gì bà liền cung cấp đúng như sở nguyện. Bà săn sóc quý thầy từng chút, mong sao qua ba tháng an cư tất cả đều chứng A-la-hán. Đó là niềm vui duy nhất và cũng là cách bà đền ơn quý thầy đã độ bà tu đến quả thứ ba. Quý thầy ngạc nhiên khi bà già cung cấp những thứ cần dùng đúng như ý mình muốn, nên càng giữ tâm thanh tịnh, không dám khởi niệm bậy, sợ bà biết. Nhờ thế qua ba tháng an cư quý thầy đều chứng Thánh quả. Ngày đánh lễ Thế Tôn, chư Thánh đệ tử kể rõ nhân duyên thành tựu A-la-hán quả của mình cho đức Phật nghe. Thế Tôn rất tán thán quý thầy và bà già thiện tri thức kia.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo nghe qua sự việc trên, thầy xin đức Phật muốn đến đó để được bà lão chu cấp như ý nguyện. Thế Tôn chấp thuận. Trên đường đi, thầy khởi vọng tưởng phải chỉ đến nơi được bà lão chuẩn bị giường tòa cho mình nghỉ ngơi, dọn những món mình từng thích v.v... Quả nhiên như thế, thầy vừa tới nơi, bà già đã đón sẵn từ ngoài cổng và nói: “Mời Thượng tọa vào, tôi sẵn sàng lo lắng phụng sự cho Thượng tọa như nguyện”. Vị Tỳ-kheo vừa vào trong nhà, hết sức ngạc nhiên khi thấy bà già đã chuẩn bị đầy đủ tất cả những gì thầy muốn trên đường từ chỗ Phật tới đây. Ban đầu thầy rất thích thú, nhưng sau thầy đâm ra hoảng sợ. Vừa muốn ăn thứ gì bà liền sai người đem tới ngay. Thầy nghĩ gì bà cũng biết, sợ mình thường xuyên nghĩ bậy bà già sẽ nắm hết thầy đâm ra kinh hãi và xin rút lui.

Về gặp Phật, thầy thưa thật không dám ở chỗ bà già nữa, vì sợ nghĩ bậy sẽ làm mất uy tín của Tăng đoàn. Đức Thế Tôn quán sát thấy nhân duyên ngộ đạo của vị Tỳ-kheo này đã đến, nên Ngài khuyên thầy hãy quay trở lại chỗ bà già ấy. Vâng lời đức Phật, một lần nữa thầy quảy đũa đến trú xứ của bà lão. Quả thật lần này thầy không dám khởi một chút niệm tạp, vừa có niệm khởi liền bỏ đi. Tinh chuyên chánh niệm như vậy chẳng bao lâu, thầy liền chứng quả A-la-hán quả, thành tựu quả vị thanh tịnh giải thoát rốt ráo của người tu. Từ đó thầy xem bà già là vị đại ân nhân của mình, đứng thứ hai sau đức Phật.

Qua câu chuyện, chúng ta thấy việc tu không phải quá khó nhưng nếu mình không trừ bỏ được tập khí sâu dày từ nhiều đời thì công phu rất chậm tiến. Đồng thời cũng nói lên công đức tu hành dù là người tại gia nhưng nếu họ chịu thấp được thì cũng sáng tỏ, cũng chứng Thánh quả. Nên biết Thánh quả không dành riêng cho hàng xuất gia mà cư sĩ tại gia cũng có thể dự vào. Người nào tâm thanh tịnh, các phiền não lặn hết, vừa có niệm khởi liền buông, hoàn toàn làm chủ mình, người đó cũng có thể đạt được Thánh quả thứ ba, tức A-na-hàm. Câu chuyện có tác dụng nhắc giới xuất gia tu hành cần phải miên mật. Nếu không như thế e sẽ thua sút hàng cư sĩ tại gia độc chí tu tập.

Nhiều người tu hành không tiến, mà còn lui sụt nữa. Lui sụt như thế nào? Nhiều vị tu năm mười năm mà vẫn không có kết quả gì, dụng tới là phiền não lầy lừng, trong tâm vọng tưởng điên đảo không thể điều phục. Chúng ta kiểm điểm lại, nếu thấy mình như vậy là biết tu không có tiến. Hằng ngày thọ nhận của đàn na thí chủ tứ sự cúng dường, bao nhiêu nợ nần chồng chất mà tu hành không tiến, là biết tự chuốc họa vào thân rồi đó. Vì vậy đôi khi cũng có tâm niệm như vị thầy kể trên,

định quảy gói đi cho xong. Cho nên trong cuộc đời tu hành của chúng ta, rất cần có những bà già như tôi vừa kể, để đạo nghiệp của mình chóng thành tựu.

Tu hành rất kỳ mong cầu, vì càng mong cầu thì càng vọng động. Mà vọng động dấy khởi tức là mình quay lưng với tâm thanh tịnh giải thoát rồi. Cho nên tuy nói tu đơn giản nhưng trong công phu phải hết sức tế nhị mới được. Không khéo chẳng những chúng ta tu không có kết quả, mà còn chuốc tai họa nữa. Cần phải cảnh giác nhận diện các thứ vọng động bên trong, đừng để nó kéo lôi mình. Đồng thời luôn khắc tỉnh với các duyên bên ngoài, không cho nó dụ dỗ dẫn dắt. Cho nên trong kinh Phật dạy người biết thấp đuốc là người biết tu. Người biết tu là người biết dụng công, nhất định trong thời gian sẽ có kết quả. Nên nhiều thầy chỉ qua một mùa an cư thành tựu được thánh quả. Còn chúng ta ngày nay tu năm mười năm vẫn chưa thấy gì.

Phật lại dạy: “Người thật tâm học đạo sẽ thấy rõ đạo”. Ở đây, Phật nói người thật tâm học đạo thì sẽ thấy rõ đạo. Làm sao công phu của chúng ta thật tâm là được, thật tức không phải giả. Chúng ta kiểm lại, nếu mình thật tâm thì sẽ thấy đạo. Từ xưa tới nay rất nhiều người đạt được như vậy. Thật tâm chính là biết thấp đuốc, giữ cho tâm mình sáng suốt, đừng vọng động, đừng chạy ngược xuôi theo duyên trần lãng xăng bên ngoài. Việc này ai cũng làm được, không dành riêng cho trình độ nào, tất cả chúng ta đều có thể thực hiện. Hiểu thế, công phu tương đối cũng dễ dàng, chớ không phải quá khó khăn.

Phật nói kệ:

Như người cầm đuốc sáng,
Đi trong chỗ tối tăm,
Bóng tối sẽ tự diệt,
Sáng suốt luôn hiện tiền.

Người thật tâm giống như người cầm đuốc đi trong bóng tối vậy. Cây đuốc còn cháy sáng thì đi tới đâu bóng tối tan tới đó. Trừ khi cây đuốc bị tắt thì bóng tối chụp lên mình, nếu cây đuốc lúc nào cũng cháy sáng thì bóng tối nhất định phải diệt. Bóng tối là gì? Là những ma mị vọng động, những đam mê đắm trước theo trần cảnh. Khi ánh sáng hay trí tuệ của chúng ta hiện tiền thì tất cả những bóng tối ấy lạng hết.

Chúng tôi không bắt buộc quý Phật tử phải tụng bao nhiêu thời kinh trong một ngày hay phải niệm bao nhiêu chuỗi Phật v.v... mà làm sao phải thật tâm. Đó là cách thấp đuốc. Kế nữa là giữ cho ngọn đuốc của mình cháy sáng, trí tuệ hiện tiền thì bao nhiêu những ràng rịt, những đắm trước ngược xuôi, những mắc mứu ta bị kẹt bị vướng chi chi đó, tất cả đều tan hoại hết, không còn nữa. Như vậy việc tu có gì khó khăn đâu, miễn sao ta sáng thì hết tối ngay. Như ngôi nhà hoang tâm tối đóng cửa từ bao nhiêu năm, nếu chúng ta thấp đuốc ngọn đuốc sáng thì ngôi nhà ấy sẽ hết tối tăm ngay. Ngôi nhà đã sáng thì tất cả đồ đạc trong đó ta đều thấy rõ ràng. Điều đó không có gì để nghi nữa.

Ngọn đuốc sáng là gì? Là tâm của chúng ta. Tâm ta khi đã ngay thẳng chân thật, sáng suốt thì nhất định mình sẽ bình tĩnh an ổn, không bị ai kéo lôi. Phật chính là tâm chân thật, sáng suốt, bình tĩnh ấy. Từ đó trí tuệ đầy đủ, chiếu soi thấu

tỏ tất cả, không thiếu thứ chi. Thấp đước chính là sống với tâm chân thật ấy. Cho nên Phật nói như người cầm đuốc sáng đi vào chỗ tối tăm, bóng tối sẽ tự diệt, sáng suốt luôn hiện tiền. Tâm ta lúc nào nó cũng bình thường, an ổn, vui vẻ, không mắc mứu gì hết.

Khi đã sống được với tâm chân thật rồi, chúng ta vẫn cứ nhìn cứ nghe, cứ ngửi cứ nếm, cứ xúc chạm... nhưng thứ nào trả về thứ ấy, không vướng kẹt ở đâu cả. Ví dụ như mắt tôi nhìn cây quạt đang xoay, thì cái quạt cứ xoay, con mắt tôi cứ nhìn, không thêm cái gì nữa hết. Tôi không suy nghĩ rằng cây quạt này của Việt Nam hay của ngoại quốc... Tâm tôi là tâm tôi, cây quạt là cây quạt. Cái thấy của tôi rõ ràng như thế. Nếu chúng ta áp dụng được như vậy trong mọi tình huống, trong mọi sinh hoạt, thì chắc chắn ta sẽ an ổn. Thấy người giàu người nghèo đều biết hết, nhưng không dấy niệm thứ hai. Cái biết ngang chừng đó thôi rồi trả về các pháp, tâm là tâm. Đó là cách tu thẳng tắt trong nhà thiền.

Nếu chúng ta chịu khó áp dụng công phu miên mật, liên tục, kết quả sẽ đến không nghi. Giống như các vị Tỳ-kheo vừa kể ở trên, nhờ ở tại trú xứ của bà già đó, các thầy cố tâm tu tập, không để thì giờ nói chuyện tạp, mỗi người lo việc của mình nên đều thành tựu Thánh quả. Tu như vậy thì cuộc sống sẽ an lạc, thánh thiện, cuộc sống của chúng ta đúng nghĩa là cuộc sống của những người tu. Quý vị cứ nghĩ đi, cái nhà cái xe, con người, cây cảnh, nắng gió, tất cả những thứ ấy đều ở bên ngoài mình. Chúng chỉ phụ thuộc vào cuộc sống này thôi, lẽ ra mình phải làm chủ nó, tại sao ta lại để nó làm chủ mình?

Chạy theo đòi hỏi vật chất của thế gian là bị ngoại cảnh bên ngoài làm chủ rồi. Ví dụ như ta cất nhà là để che mưa che nắng, chớ đâu phải cất để chạy theo kiểu vẽ bên Tàu bên Tây. Ở Việt Nam này xưa, các Thiền sư cất một am tranh, hoặc chui vô hang đá là sống được rồi. Nếu suy nghĩ một chút chúng ta sẽ thấy chạy theo sự cầu kỳ của thế gian là si mê. Vì chạy theo các pháp nên ta khổ, mê các pháp bên ngoài thì bỏ quên cái thật của mình. Người không biết tu thì tâm dính mắc đủ thứ. Nhà cao cửa rộng đâm ra nhiều phiền não, thấy chỗ này dơ chỗ kia bẻ bộn, tối ngày la hoài. Quét đằng trước rồi chưa quét đằng sau, quét đằng sau rồi chưa lau cái bàn, lau cái bàn rồi chưa dọn cái bếp... Từ sáng tới tối không còn một chút thì giờ để lo tu hành, có phải si mê không?

Bây giờ muốn trí tuệ được hiện tiền, chúng ta đừng vướng bất cứ thứ gì bên ngoài hết. Phật dạy, chạy ra bên ngoài tức là bỏ quên cái tâm của mình. Người như vậy không bao giờ thấp đước được. Muốn cho trí tuệ hiện tiền, cây đuốc của mình phải sáng. Phật dạy:

Ai nhận rõ lý này,
Trong tâm không còn mê,
Bao giờ cũng sáng suốt,
Đấy chính là chân tâm.

Ai thấp đước được, sẽ nhận rõ tất cả mọi thứ chung quanh đều không thật, không có gì đảm bảo, người đó không phải là người mê. Lâu nay chúng ta thường nghe Phật nói chúng sanh mê lắm, vậy mê cái gì? Mê có nghĩa là không buông được những thứ hư giả chung quanh, chứ thật ra ta khôn ngoan hơn ai hết. Có kẻ

ngồi đây mà biết chuyện cả thế giới, chuyện năm châu bốn biển, ai đánh ai, ở đâu, biết hết. Như vậy đâu phải ngu tối. Tại sao Phật nói đó là người mê? Cái ngu mê Phật nói ở đây là chúng ta không buông được mọi chuyện, mọi cảnh chung quanh, cứ tưởng nó là thật rồi chạy theo, mắc mưu.

Bây giờ tu là làm sao đừng tưởng những thứ ấy thật nữa, để mình không bị lệ thuộc bởi nó, cuộc sống luôn an ổn tự do tự tại. Đặc điểm của người tu Phật là hiện luôn an ổn. Bởi đệ tử Phật thì đời sống phải thanh tịnh mới có thể đi đến giác ngộ giải thoát. Phật tử chưa hoàn toàn thanh tịnh như người xuất gia thì ít nhất cũng phải có cuộc sống tương đối an lạc. Muốn an lạc phải làm sao? Trước hết là đừng dính mắc. Cái gì quý vị cũng muốn ôm giữ hết thì làm sao an lạc được? Làm tạo cho mình thế yên ổn, từ đó tăng tiến dần theo hướng thanh tịnh giải thoát. Đó là tinh thần Phật dạy.

Như tên thợ rèn kia,
Trừ hết các sét ri,
Thì sắt ấy làm nên,
Món đồ dùng tốt đẹp.

Phật nói là như người thợ rèn, muốn có được những món đồ dùng tinh xảo phải loại hết những sét ri ra, chỉ thuần loại sắt thép. Đó là người thợ rèn có đủ năng lực, đủ phương tiện để tạo nên những món đồ tinh xảo, tốt đẹp. Việc tu hành của chúng ta cũng thế. Tăng Ni, Phật tử cố gắng loại được những thứ sét ri trong lòng ra thì tâm mới an lạc. Sét ri ấy là gì? Là những cố chấp nhỏ hẹp, những tật đố ích kỷ, những tâm niệm tầm tối v.v... Làm sao trong lòng mình không còn những thứ đó thì mới tu được. Không bắt buộc nhất thời chúng ta loại được hết tất cả, từ từ nhưng phải chịu khó trong một thời gian dài. Người yếu đuối lười biếng sẽ không đủ nghị lực để tu tập loại trừ tập khí trong thời gian dài. Do đó chúng ta phải biết nuôi dưỡng ý chí tiến tu.

Phật dạy rõ ràng, như ông thợ rèn muốn rèn được món đồ tinh xảo thì phải loại hết những thứ ri sét ra. Chúng ta cũng vậy, tu là loại những ri sét trong tâm ra, tức thấp sáng ngọn đuốc của mình lên, làm cho trí tuệ hiện tiền. Tu không phải là nói rồn rảng cho mọi người nghe rằng đừng dính mắc bên ngoài v.v... mà từng bước chúng ta phải kiểm điểm lại mình. Đối với chung quanh ta còn vướng mắc nhiều hay ít? Nếu nhiều thì ráng tu thêm, mạnh lên một chút, gan thêm một chút, buông bỏ nhiều hơn nữa. Dần dần thấy mình được nhẹ nhàng thì biết gần đến được chỗ an ổn rồi đó.

Ngày xưa, có một cư sĩ muốn xuất gia nhưng không được gia đình hoan hỷ. Mặc dù mọi người trong nhà rất mực yêu thương, chăm sóc cho ông đầy đủ, nhưng từ khi biết Phật pháp, ông hiểu rõ tất cả những thứ ấy mỏng manh không trường cửu. Ông chứng kiến rõ sự vô thường của những người thân trong gia đình, sáng vui chiều buồn, còn đó mất đó, rồi con cái của anh chị hư hỏng dạy dỗ không được, công việc làm ăn sa sút thất bại v.v... nên ngao ngán không muốn sống đời sống thế gian nữa. Cho nên dù trong gia đình, biết mình là người duy nhất kế thừa sự nghiệp nhưng ông nhất định đi tu. Sau khi dứt khoát như vậy, ông đã xuất gia.

Sau khi xuất gia, ông nhận thấy người tu muốn đạt được lý tưởng tối hậu phải có sự gia tâm nỗ lực, quyết chí hành trì liên tục mới đạt được kết quả. Lúc còn tại gia tuy sống đời phong lưu, nhưng khi xuất gia rồi ông quyết chí tu khổ hạnh. Vì vậy kết quả đến rất nhanh, sau một thời gian ông đạt được thánh vị. Sau khi thành tựu thánh vị rồi, ông trở về nhà định độ thân tộc. Nhưng bấy giờ toàn gia đình đều thay đổi. Cha mất, mẹ cũng qua đời, anh chị, bà con đi đâu hết, không còn ai ở đó cả. Nhà cửa đồ đạc nát hết, không còn vết tích gì, chỉ còn cái nền thôi. Thấy tình cảnh như vậy Ngài cũng cảm xúc vì đây là nơi chôn nhau cắt rún mà. Bấy giờ nghĩ muốn báo ơn cha mẹ, Ngài gầy dựng một ngôi thất nhỏ trên nền cũ rồi trụ lại đó. Từ đó những người bà con trong xóm, lần hồi tập trung về đông dần. Ngôi thất vì thế lần lần biến thành ngôi chùa nhỏ xinh xinh ở miền quê.

Có một điều lạ, đêm đó dân làng thấy chung quanh am của Ngài phát ra ánh sáng đặc biệt, hương thơm xông ngát. Bấy giờ những vị lớn tuổi trong làng mới đến hỏi: “Thưa thầy! Không hiểu vì sao hằng đêm chúng con thấy chung quanh chùa phát ra ánh sáng và có mùi thơm đặc biệt?” Khi ấy Ngài mới bắt đầu thuyết pháp cho họ nghe: “Do công đức tu hành nhiều đời của tôi, cho nên cha mẹ được sanh thiên. Đó là ánh sáng của song thân tôi từ cõi trời về đây viếng thăm, đồng thời hỗ trợ cho việc phát triển tu học tại ngôi chùa nhỏ này. Vì vậy quý vị mới thấy được ánh sáng và nghe được mùi hương đó. Đây chính là ánh sáng của những vị thiên tử, hào quang và mùi thơm của họ lan tỏa như vậy”. Phật tử nghe thế càng thêm kính tin quý trọng Ngài. Từ đó ngôi chùa dần dần biến thành đạo tràng rộng lớn sung thịnh. Dưới sự giáo hóa sâu rộng của Ngài, rất nhiều người tu hành có kết quả.

Trở lại vấn đề của chúng ta. Tu muốn đạt được kết quả như vậy phải quyết chí, mạnh mẽ, không thể yếu đuối mà thành tựu được. Người tu hành thanh tịnh, như thấp sáng tâm của mình, đừng để mắc mưu theo các duyên bên ngoài. Được thế, chẳng những cuộc đời mình có ích lợi mà những người thân như cha mẹ, bà con có liên hệ với mình cũng đều được hưởng phúc lạc.

Một người thấp sáng được ngọn đuốc của mình, sống đúng với chánh pháp thì ảnh hưởng rất lớn lao đối với mọi người chung quanh. Như vậy nếu chúng ta thật tâm thấp sáng ngọn đuốc của mình, nhất định bản thân ta thanh tịnh giải thoát, mà còn ảnh hưởng đến tất cả bà con quyến thuộc cũng đều hướng về chánh pháp. Như quý Phật tử học đạo chân chánh, tổ chức được đời sống đúng chánh pháp, thì trong gia đình từ cha mẹ, vợ chồng cho đến con cháu đều được chuyển hóa, nhất định là như vậy.

Người Phật tử tại gia đừng nghĩ rằng đạo lý nhà Phật chỉ dành riêng cho quý Thầy quý Cô thôi, còn quý vị vô phân. Không phải thế, ai cũng có thể thực hành được hết. Có một cô Phật tử, đệ tử của Hòa thượng Viện trưởng. Cô là dược sĩ, gia đình đang làm ăn phát đạt. Ông chồng của cô ngày xưa là cậu ấm, tức con quan, người ăn kẻ ở hầu hạ đủ cả. Cô kể lại với tôi: “Từ khi lập gia đình con mất hết tám chín mươi phần trăm cuộc đời thầy ơi! Suốt một thời gian dài, cho tới nuôi con cái lớn khôn rồi mà con vẫn không có chút tự do nào hết...” Nhưng sau đó cô được

quy y Tam bảo, nghe băng giảng của Hòa thượng, của quý thầy cô. Nhưng phải nghe lén, vì ông nhà không thích.

Khi ông thấy cô mở băng giảng là ông mở nhạc rần rần lên. Mấy đứa nhỏ vô tư nhưng nó rất thương mẹ. Cô một mực chịu đựng, không dám mở miệng phiền hà gì ông. Thấy vợ cứ im lặng không cãi vã, không phản kháng những hành động độc đoán của mình, ông bắt đầu suy nghĩ. Sau đó ông lén cô nghe thử vài đoạn băng giảng của Hòa thượng, xem tại sao vợ mình mê nghe như vậy. Nghe hết đoạn này, lại nghe thêm đoạn kế, ông nói: “Không ngờ Hòa thượng nói hay quá”. Bữa đó tự nhiên ông hỏi vợ: “Bà có bao nhiêu băng của Hòa thượng, của mấy thầy giảng?” Cô đâm sợ ông quậy nên hỏi lại: “Ông hỏi chi vậy?” Ông nói: “Hôm đó bà bận chuyện, tôi có nghe một đoạn băng thấy ông thầy nói hay quá, có lý quá. Lâu nay tôi chưa nghe ai nói như vậy, nên muốn mượn thêm ít băng nghe nữa”.

Cô vui mừng quá liền lựa mấy băng giảng thực tế, phổ thông của Hòa thượng cho ông nghe. Thời gian sau, ông đề nghị “Bữa nào bà dẫn tôi gặp thầy đi!”. Cô nói: “Được! Ông muốn thì tôi sẵn sàng, thầy ở trên núi Vũng Tàu”. Thế là cô dẫn ông bạn ra gặp Hòa thượng. Lần đầu gặp thầy nói chuyện, là ông xin quy y luôn. Sau đó không buổi giảng nào của Hòa thượng mà thiếu ông. Sau này có dịp nói chuyện, tôi rất cảm thông ông. Ông có một đứa con gái út, cưng ơ là cưng. Lên núi ở ngày thứ nhất, thứ hai tới thứ ba là bắt đầu nhớ con gái út rồi, nhớ tới không ngủ được. Vậy mà sau này ông lại xuất gia tu hành rất tinh tấn, cô vợ chạy theo không kịp. Nhưng mỗi lần gặp chúng tôi cô đều cười nói: “Con giáo hóa được ông nhà là nhờ nghe băng của Hòa thượng và quý thầy”.

Cho nên việc tu không phải dành riêng cho giới nào cả, chỉ cần chúng ta gan dạ thôi. Người tu phải gan dạ và có sức chịu đựng. Đức Phật trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới thành tựu đạo quả, hạnh nhẫn nhục đạt tới độ không có ai bì kịp. Người tu bị chửi vẫn không buồn không giận, cho đến đối người ta đánh đập mình cũng không buồn giận. Phải gan dạ chịu đựng như vậy mới được. Muốn thế chúng ta phải sáng suốt, tu mà không sáng suốt thì cả đời chẳng đi tới đâu.

Có bài kệ thế này:

Người sẵn giống trí tuệ,
Chẳng sanh lòng tham đắm.
Lúc nào cũng tỉnh giác,
Không quên mất chánh niệm.

Phật dạy tất cả chúng ta đều có hạt giống trí tuệ, sở dĩ ta tham đắm thế gian là vì tập nhiễm. Hồi mình mới sinh ra, chưa biết gì thì đâu có tham đắm. Cho nên tham đắm rõ ràng là do tập tục của cuộc đời, những thứ mình mới huân tập trong cuộc sống, chứ bản chất của chúng ta không phải tham đắm. Người tỉnh giác thì không tham đắm, lúc nào cũng sống với chánh niệm, với trí tuệ chân thật của chính mình.

Ở trong chánh pháp ta,
Tu tập hạnh giải thoát.
Chẳng bỏ quên trí tuệ,
Vì quên trí tuệ rồi,

Chẳng phải người học đạo.

Cũng chẳng phải người tu.

Người tu nhất định phải là người có trí tuệ, sống đúng chánh pháp, luôn luôn thấp sáng ngọn đuốc của mình với chánh pháp. Ngày xưa Phật đã dạy như vậy, bây giờ chúng ta tu cũng phải tu như vậy. Việc tu thật ra không khó nhưng đòi hỏi chúng ta phải có sự hiểu biết, rồi gan dạ áp dụng một cách tuân tữ mới có kết quả được.

Người thấp sáng được trí tuệ như thuyền bè vững chắc có thể vượt qua khỏi biển sanh tử phiền não, tức là hết khổ. Có trí tuệ thì phiền não không sanh được. Khi nào trí tuệ vắng thì phiền não mới sanh. Nghe người nói xấu mình, lúc đó không đủ sáng suốt ta liền sanh phiền não. Nếu sáng suốt thấy tất cả lời nói đều không thật thì phiền não làm gì? Quý vị thử tưởng tượng người có hai cái môi không đủ, cái lưỡi thụt vô, hai hàm răng rụng hết, họ nói mình nghe được không? Không được đâu. Họ nói như ngọng vậy, nghe không rõ gì cả. Bây giờ mình tưởng tượng kẻ nói xấu mình cũng như thế, sở dĩ họ phát âm được là nhờ môi trên môi dưới, hai hàm răng rồi lưỡi đầy đủ. Nếu các thứ không thật có thì lời nói xấu kia làm sao có thật được. Hiểu như vậy rồi, những lời chửi mắng là vô hiệu với mình thì làm gì phát sanh phiền?

Nên người có trí tuệ,

Như ngọn đèn vĩ đại,

Soi sáng chỗ tối tăm.

Người có giống trí tuệ,

Là vị thuốc hay nhất,

Chữa hết mọi bệnh khổ.

Nói tóm lại người có trí tuệ là người hết khổ, người có trí tuệ là người vĩ đại nhất, người có trí tuệ là người biết tu, biết thấp sáng ngọn đuốc tâm của mình và là người giải thoát. Giống như anh thợ rèn bỏ hết những rỉ sét, chỉ còn kim loại thuần túy, mới luyện được những món đồ tốt. Người bỏ được tất cả những lăng xăng phiền não ngược xuôi bên ngoài mới sống với thanh tĩnh giải thoát an ổn. Nói rõ hơn người đó sống được với tâm, với ông Phật của mình.

Tôi kính chúc toàn thể quý Phật tử đều thấp được ngọn đuốc sáng của mình, để tự chiếu soi và đem nguồn lợi ích an vui đến cho mọi người.



TRÒN ĐỨC NHẪN ĐỀ TU

Tinh thần nhẫn nhục trong nhà Phật được xem như một yếu tố rất quan trọng của người tu hành. Nếu như sự nhẫn chịu của chúng ta còn non kém, không hoàn chỉnh thì việc tu khó đi đến kết quả viên mãn. Vì vậy chúng ta phải làm sao Tròn đức nhẫn đề tu.

Trong kinh dạy, nhẫn là mẹ của tất cả các công đức nên có nhẫn mới thành tựu được đạo nghiệp. Vì vậy nhẫn là đỉnh cao để chúng ta hướng đến thành công. Nếu chưa đầy đủ đức nhẫn huynh đệ chúng ta cần phải kiện toàn cho đầy đủ. Vì khi đầy đủ đức nhẫn, dù đi chưa tới đích nhưng chúng ta đã có niềm tựa vững vàng, mình có thể quan sát rõ ràng đường đi cũng như chỗ đến. Chỉ cần quyết tâm và trí tuệ sáng suốt nữa là xong.

Để thực hiện trọn vẹn được công phu chúng ta cần phải khẳng định niềm tin nơi chính mình. Người xưa làm được, ta làm được, đó là điều tất yếu. Tổ Qui Sơn nói: “Người xưa trọng phu thì ta cũng trọng phu”. Người xưa với chúng ta không khác. Nếu có khác là hôm nay chúng ta có quá nhiều thuận lợi, quá thông minh, nên dễ phóng tâm, dễ kẹt với trần cảnh nên cũng dễ bị ràng buộc. Đó là hơn mà hóa ra lại tệ, hơn cái tệ. Nếu biết nhìn thẳng, nói thẳng, thực hiện thẳng thì ta cũng sẽ thành tựu như người xưa.

Trong thời đại văn minh hiện nay, cuộc sống sung túc hơn ngày xưa nhiều, chúng ta ít gặp khó khăn về mọi mặt, do đó đức nhẫn cũng ít được trui rèn. Tuy nhiên môi trường quá thuận lợi càng làm cho chúng ta phải có đức nhẫn nhiều hơn, đó là an nhĩn tri túc, không dám hưởng thụ nhiều. Là người tu, những gì không cần thiết, không có lợi cho đời sống phạm hạnh, làm vướng víu bận bịu cho công phu, thì ta phải gạt ra bớt. Cho nên đời sống vật chất nhiều thì đời sống tinh thần đạo đức thiếu. Hai phương diện này thường tỷ lệ nghịch với nhau. Tại vì khi đắm mê thụ hưởng vật chất là tăng trưởng lòng tham, tăng trưởng tạo nghiệp ác, nên dĩ nhiên đạo đức phải bị tuột dốc thôi. Điều này cũng dễ hiểu. Cho nên người chân tu phải nhẫn với thuận cảnh cũng như nghịch cảnh mới được.

Người xưa không có miếng đất cắm dùi mà nhảy thẳng vào đất Như Lai, thật sự an ổn. Còn chúng ta bây giờ nhiều mẫu đất thênh thang, mà không nhảy vô đâu được hết, chỉ đi lòng vòng bên ngoài thôi. Nhìn cây cảnh, núi non, trời trăng mây nước mà không nhảy vào chỗ an ổn thực sự, nên cứ bất an hoài. Người thâm nhập lý đạo, khi nhìn vào một cảnh nào đó vẫn không bị cảnh ấy kéo lôi, tâm không dao động, không vướng mắc. Điều này tế nhị một chút chúng ta sẽ thấy. Lúc nào lòng rỗng rang, mọi thứ chung quanh không làm gì được ta. Nghe âm thanh, gió mát, mọi thứ hiện bày trước mắt đều an lạc, đều là Phật pháp. Ngược lại, khi trong lòng ngổn ngang trăm mối, lúc đó dù cho quạt máy quạt vù vù mình cũng thấy nổi nóng như thường. Trời mưa thì bực bội sao mưa hoài, trời nắng thì hậm hực sao nắng quá ... Bởi trong lòng không yên nên mọi thứ bên ngoài cũng rối tung lên. Nên Phật nói tâm làm chủ tất cả là vậy, do tâm mà các cảnh đổi khác.

Nguồn thiền tại Việt Nam được khai sáng đầu tiên bởi tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Ngài được truyền thừa từ Tam tổ Tăng Xán ở Trung Quốc. Sau khi Tam tổ

truyền tâm ấn cho, dạy Ngài nên qua phương nam truyền bá Thiên tông. Vâng lời thầy Ngài đến Việt Nam, gầy dựng chiếc nôi Thiên tông đầu tiên tại trung tâm Luy Lâu, tức chùa Dâu bây giờ, ở phủ Thuận Thành, Bắc Ninh. Trung tâm thiên thứ hai do tổ Vô Ngôn Thông cũng từ Trung Quốc truyền sang, khoảng thế kỷ IX. Vô Ngôn là không nói, vì Ngài thâm trầm ít nói mà hiểu biết thâm hậu nên có danh hiệu như thế.

Ngài đến pháp hội của Thiên sư Bách Trượng, nghe vị tăng hỏi:

- Thế nào là pháp môn đốn ngộ của Đại thừa?

Tổ Bách Trượng trả lời:

- Đắt tâm nếu không, mặt trời trí tuệ tự chiếu.

Ngay câu trả lời này Ngài hoát nhiên đại ngộ. Qua sự đối đáp của tổ Bách Trượng với một vị tăng khác mà Ngài ngộ đạo, thật là trí tuệ quá nhạy bén, chớ không phải thường.

Từ câu trả lời này, chúng ta có thể soi thủng được chỗ nào không, có tuệ nhứt tự chiếu không? Cái nghe, cái ghi nhận của chúng ta chỉ hời hợt bên ngoài, vì chạy theo lời nói, âm thanh để suy tư phân biệt nên không có mặt trời trí tuệ chiếu soi. Với người có công phu thâm hậu, một phen nghe liền nhảy thẳng vào chỗ an ổn. Ngược lại, kẻ đa ngôn đa lự chạy theo thanh sắc, không vào được chốn ấy thì mang gông đội cùm suốt đời suốt kiếp.

“Tâm địa nhược không” là đắt tâm nếu không thì “tuệ nhứt tự chiếu” tức mặt trời trí tuệ tự chiếu. Đắt tâm chúng ta đầy các thứ tạp nhiễm, làm sao ánh sáng trí tuệ chiếu thủng hết đây? Nhảy vô đắt tâm thanh tịnh mát mẻ không được thì phải đi bộ chứ sao bây giờ! Làm cách nào để nhảy vô chỗ này? Tâm chúng ta nếu không phiền não, không vướng mắc gì hết thì nhảy vô được thôi. Bởi vì chính mình làm cho nó đầy ứ các thứ ô uế, thì bây giờ cũng phải chính mình làm cho nó không. Đâu thể hỏi xưa mình làm nó như thế rồi bây giờ nhờ ai lọc lừa giùm được.

Hồi ta chưa biết gì hết, chừng bốn năm tuổi bố mẹ dẫn vô trường mẫu giáo, vừa thả tay ra mình khóc ầm trời đòi dính với mẹ, liền với bố không tách rời được. Tâm địa bây giờ có gì đâu. Đến khi lớn lên một chút có bạn bè nọ kia, rồi dài dài cho tới về sau thôi thì mặc tình tiếp thu, nuôi dưỡng, phát huy không biết bao nhiêu vấn đề của cuộc đời. Tâm ta đầy kín đủ thứ thế sự. Nào là văn hóa, văn minh, khoa học kỹ thuật... Bây giờ nó thành một cái kho. Vị nào càng lớn tuổi thì cái kho ấy càng lớn, chắc bằng khuôn đất 52 mẫu này. Đó là nói theo hình thức giới hạn cho vui thôi, chớ cái kho ấy vô tận, bao nhiêu nó cũng chứa hết, ngồn ngang hàng trăm hàng vạn thứ, cái này chồng lên cái kia, cái kia tông lên cái nọ.

Bây giờ làm sao chúng ta rọi ánh sáng trí tuệ vào đó cho nó tan hết. Nào là thương, ghét, cây, đá, nhà lầu, xe hơi, địa vị, tiền tài, sắc đẹp v.v... cho một pha vào là quét sạch hết. Đó là ngọn đèn tâm. Một khi tâm ta sáng lên thì bóng tối ngàn năm lui mất. Cho nên Tổ dạy “đắt tâm nếu không” là mở cửa cho chúng ta vào. Ngộ là gì? Là nhận ra. Người xưa chỉ một câu nói thôi, liền thấy được cửa vào, đó là nhờ biết dùng ánh sáng trí tuệ chiếu soi. Hòa thượng Viện trưởng thường dạy, tánh giác của chúng ta, dù mình có cố tình nhuộm nó với các thứ tạp nhiễm thế gian, nó vẫn không bao giờ ô nhiễm. Ô nhiễm là các thứ rác rưởi bên

ngoài thôi, chớ tâm ta luôn luôn trong sáng thanh tịnh. Cho nên chỉ cần dứt trừ các thứ bên ngoài kia thì bản tâm hiện tiền, không chạy tìm kiếm ở đâu xa.

Lời đáp của tổ Bách Trượng về pháp môn đốn ngộ của Đại thừa là như thế. Ngài Vô Ngôn Thông một phen nghe qua liền ngộ, đây gọi là đốn ngộ. Chữ “Đốn” là nhanh chóng, vượt qua, thẳng tắt. Thế nên dòng thiền thứ hai có mặt ở Việt Nam chúng ta là thiền Vô Ngôn Thông. Ngài đến làng Phù Đổng chùa Kiến Sơ khai mở dòng thiền tông. Bây giờ ngôi chùa đó vẫn còn. Tổ Vô Ngôn Thông đến đạo tràng này, thể hiện triệt để sở trường của mình là biết mà không nói. Đây là chỗ tôi rất thích. Chúng ta đừng mặc cảm mình không biết nói gì hoặc nói năng không lưu loát nên không thể hành đạo, hóa đạo. Thừa, không phải đâu. Cốt ở tâm giác ngộ, triệt ngộ hay không thôi.

Mỗi vị đều có một sở trường, vị nào nấu ăn ngon thì ngộ đạo rồi sẽ dùng tài nấu ăn của mình, nấu được cơm Hương Tích. Tất cả thức ăn qua tay vị này đều biến thành trân tu thượng vị cúng dường chư Phật, Bồ-tát. Cúng dường chúng sanh ăn cũng khiến chúng sanh được lợi lạc. Phật pháp bất ly thế gian pháp. Thiền là gì? Là sự sống tinh thức, thể hiện tràn đầy, đi đứng nói năng, ngồi nằm tiếp xúc gì, đều tuệ nhứt tự chiếu. Nếu lòng mình bình thản không bị ràng buộc linh kinh bởi bất cứ thứ gì thì đất tâm rõ ràng là không.

Khi tu chúng ta cố gắng phát huy sở trường của mình. Tuy nhiên, chủ yếu nhất vẫn là đức nhẫn. Thiếu đức nhẫn chúng ta không thể phát huy, kiện toàn được sở trường của mình. Nhẫn là chịu đựng, âm chữ Hán có kèm theo chữ nhục, nhưng không phải chịu nhục như người ta thường nói. Người nhẫn nhục là người có sức mạnh, gây dựng vững chắc nền tảng công phu tu tập. Có thể nói, tu bất cứ hạnh nào nhưng thiếu nhẫn cũng không thành tựu cả. Chúng ta nhẫn tùy theo phương thức, hoàn cảnh, điều kiện, làm sao luôn luôn nội tạng đức nhẫn ở bên trong.

Ở nước ta có chuyện Quan Âm Thị Kính, trải qua nhiều lần oan khiên thấu trời nhưng bà đều nhẫn được hết. Từ đòn roi tra tấn cho đến lời mắng chửi thậm tệ của người đời, bà đều vượt qua tất cả. Nhưng khó làm hơn cả là bồng đứa con của Thị mầu vào chợ xin sữa nuôi nó. Chấp nhận tiếng đời dị nghị, chớ không nỡ để một sinh linh phải chết vì bị mẹ bỏ như thế. Đó là những điều kiện thành tựu đức nhẫn của bà. Ngày nay người ta ca Bồ-tát Quán Thế Âm đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn là nhờ những đức nhẫn ấy của Ngài.

Làm sao để có sức nhẫn như thế? Phải gây dựng từ nội tạng trải qua một thời gian dài, nó mới phát thành năng lực đặc biệt. Quý vị đừng nghĩ với hoàn cảnh bây giờ chúng ta không nhẫn được, làm được chứ. Thời nào cũng có những người gan dạ vô cùng. Như bây giờ người ta dám ngồi trên phi thuyền đổ bộ lên nguyệt cầu, lên hỏa tinh, thổ tinh v.v.. rõ ràng người thời nay gan dạ và sức chịu đựng rất lớn. Vừa hiểu biết vừa có một sức chịu đựng. Tôi nghe nói muốn đổ bộ xuống nguyệt cầu, phải từ trong phi thuyền mẹ bắn ra, mới đáp xuống được nguyệt cầu. Chỗ đó hoàn toàn khác địa cầu của mình, qua vùng khí quyển lạnh cắt da, mêng mông thiên địa, phiêu lưu ghê gớm. Vậy mà con người vẫn dám làm, thế tại sao chúng ta tu không dám gan dạ buông xả, loại trừ các tập khí xấu của mình.

Tới chiếc nô Thiên tông thứ ba là ngài Thảo Đường, tức vào thời vua Lý Thánh Tông khoảng thế kỷ XI, XII. Và cuối cùng là Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử thời Trần, một dòng thiền thừa hưởng tất cả tinh ba của các phái thiền kia, nhào nặn lại thành một phái thiền thuần túy Việt Nam. Ngày nay Hòa thượng đang phục hưng lại dòng thiền này. Các vị Phật tử thời Trần và các thiền tử mười phương tập trung về Yên Tử tu hành đạt đạo dưới sự trực tiếp hướng dẫn của Sơ Tổ Trúc Lâm, tức Điều Ngự Giác Hoàng.

Bây giờ nhìn lại hoàn cảnh, điều kiện sống của chúng ta, huynh đệ đều biết mình có rất đầy đủ các phương tiện tu hành. Nhưng còn thiếu một cơ dụng gì đó để chúng ta vào được chỗ chân thật. Các Thiền sư thường nói: “Ngộ được thì ngay đó liền ngộ, không ngộ được thì suốt kiếp mang lông đội sừng”. Nói nghe dữ dằn như thế. Đừng nói suốt kiếp mang lông đội sừng, nội những bức xúc rối rắm trong lòng cũng đủ làm cho chúng ta khổ lắm rồi. Tu hành không có niềm vui ngay trong hiện đời đã thấy chuốc quả khổ. Thế nên Hòa thượng thường khuyên Tăng Ni siêng năng sám hối. Sám hối để chi? Để những nghiệp tập nhiều đời, do vô minh ta lỡ gây tạo, bây giờ sám hối để được mười phương các bậc thiện hữu tri thức phủ giám, hỗ trợ cho mình voi nhẹ đi. Đồng thời cũng để tự mình răn chừa những lỗi lầm cũ, không gây tạo vướng kẹt nữa.

Nếu chúng ta tu hành không ngộ đạo, không vào được chỗ an ổn, cũng nên nhờ những trợ duyên của chư Phật, Bồ-tát, các bậc thiện hữu tri thức giúp mình có thêm sức mạnh, thêm nhân lực để tiến tu. Không nhảy vào được đất thật thì ta mang gánh những hình thức mê muội này hoài. Như trời trưa nắng gắt, gánh nặng đường xa, bây giờ muốn cho gánh nhẹ đi mau thì bỏ bớt đồ đạc không cần thiết đi. Người khôn là người thấy ra, thấy hết ra. Thấy đến cái gánh cũng quăng luôn mới được thành thoi leo núi.

Tôi nói thế không có nghĩa bảo quý vị bỏ hết thời khóa tu tập bình thường. Mà chúng ta phải nhẫn nhục chịu đựng những thương tổn, không chấp thân này tâm này của mình, buông xả hết để vượt qua chính mình. Thành công của người tu là sống bình thường trôi chảy trước tất cả những hiện tượng thuận nghịch của cuộc đời. Người đã kiện toàn công phu, đức nhẫn rất ráo sẽ có một nội tại thâm hậu, trầm lắng. Khi nhìn lá cây, nhìn con người, sự vật... cũng đều có sự thâm nhập.

Ở đây tôi hay bày đá, hòn non đồ v.v... vì đá cứng tượng trưng cho định vị. Những ngọn đèn đá thấp sáng trong bóng đêm tăm tối tượng trưng cho trí tuệ phá tan vô minh. Tuy nhiên đó cũng chỉ là những hình ảnh biểu trưng bên ngoài thôi, chính yếu là ở lòng mình. Tâm có định tĩnh rồi, thì thấy đá thấy đất gì cũng vững vàng, bất động. Cho nên các Thiền sư nhìn cảnh vật bằng tâm, chớ không nhìn bằng mắt. Còn chúng ta chẳng những nhìn cảnh vật, mà nhìn mọi thứ trên đời đều bằng đôi mắt phàm tục, phân biệt tốt xấu này nọ, nên sanh ra điên đảo sai lầm.

Ngày xưa, thiếu gì các Thiền sư nhìn cây, nhìn đá, nhìn hoa đào nở... ngộ đạo. Biết đâu những cảnh duyên này sẽ là những duyên tố tích cực, hỗ trợ cho việc các thiền tăng hay tất cả huynh đệ trong đạo tràng này có thể phát huy được trí tuệ của mình, đất tâm bỗng rỗng rang sáng suốt. Được vậy thì quý biết chừng nào! Nhân cảnh bên ngoài mà nhận ra ông chủ bên trong của mình. Ông chủ là cái gì?

Là những thấy nghe hiểu biết luôn có sẵn nơi sáu căn của chúng ta đây, nhìn cảnh duyên cảnh thì ông chủ mắt, nhìn cảnh biết mình hay có cái thấy biết thì ông chủ hiện tiền. Ngay đó nhận ra ông chủ thì vĩnh viễn không còn bị các cảnh duyên kéo lôi nữa.

Công phu của chúng ta bây giờ là nhân cảnh duyên, nhân đời sống, nhân thân này mà ta nhận ra ông chủ của mình, để sống như thật sống. Nhận được ông chủ, hằng sống với ông chủ thì tự tại giải thoát. Chúng ta sẵn đủ tánh giác như người xưa, không thiếu gì hết, lúc nào cũng có nhưng vì quên thôi. Ngài Huyền Sa dạy chúng thế này: “Những bậc lão túc các nơi nói tiếp vật lợi sinh, vậy bỗng gặp một người có ba thứ bệnh đến, làm sao tiếp? Người bệnh mù cầm chùy, dựng phất y chẳng thấy. Người bệnh điếc thử ngữ ngôn tam muội y chẳng nghe. Người bệnh câm dạy y nói thì nói chẳng được. Phải làm sao tiếp? Nếu tiếp không được, Phật pháp trọn không linh nghiệm.”

Ngài Huyền Sa đưa ra một cái cơ đặc biệt để nghiệm người. Có thể trở về với chúng ta, bây giờ mình có mù không? Không mù. Chúng ta có điếc không? Không điếc. Chúng ta có câm không? Không câm. Vậy chúng ta có được tiếp chẳng? Hãy nghe tiếp thoại: Có vị tăng đem việc trên hỏi Vân Môn, Môn bảo: “Ông lẽ bái đi”. Tăng lẽ bái đứng dậy, Môn lấy cây gậy đưa tới, tăng liền lùi ra sau. Môn bảo: “Ông chẳng mù”. Môn gọi: “Lại gần đây!” Tăng lại gần, Môn bảo: “Ông chẳng điếc”. Môn dựng cây gậy lên, hỏi: “Hội chẳng?” Tăng thưa: “Chẳng hội”. Môn bảo: “Ông chẳng câm”. Ngay đó vị tăng liền có chỗ vào.

Người xưa cũng thấy như thế nhưng các Ngài ngộ, ngày nay chúng ta cũng thấy như thế sao không ngộ? Mình không mù, không điếc, không câm nhưng tâm không sáng nên không thể vào được chỗ chân thật an ổn. Chúng ta có được diễm phúc là các giác quan không bị hỏng, đó là thuận duyên để tiến đạo. Vì con đường trở về với cái chân thật từ sáu giác quan này mà thôi. Huynh đệ người lớn kẻ nhỏ, ai cũng thấy nghe bình thường hết là có đầy đủ của báu rồi. Nếu quý vị không thấy nghe rõ ràng thì những ngày Hòa thượng thuyết pháp, quý vị không có lên Giảng đường ngồi làm chi?

Nói tóm lại, chúng ta không thua người xưa trên các giác quan, chỉ thua trực giác nhạy bén bên trong thôi. Vì sao thua? Vì quen chạy theo trần cảnh bên ngoài hoài, không chịu dừng lại nên không nhận được chính mình. Những gì chúng ta đem vô, ôm giữ rồi phát huy từ thời bé thơ cho tới bây giờ, bỏ ra không được thì thử hỏi bao giờ dứt tâm mới trống không? Muốn bỏ những thứ đó thì cũng tự chúng ta, chớ không ai thay thế được hết. Bao giờ quý vị nhận thấy như thế, mới được tự tại.

Thường chúng ta cục bộ trong một quá trình, một giới hạn nào đó nên không có được cái thấy toàn bích toàn triệt. Quả thực mình là người không thông, nhưng có cái tật không chấp nhận mình không thông. Bởi thấy mình thông nên sanh chuyện, đụng chạm, phiền não. Các giác quan của chúng ta có sự nhận biết nhưng rất hạn hẹp. Ta lại cho đó là cái thấy biết thật của mình nên thành ngăn ngại, chết đứng một chỗ. Bây giờ mở thông ra, đừng chấp cứng nữa thì dứt tâm sẽ không. Mở thông ra đến mức độ người ta nói mình con bò cũng được, không thấy

tức giận chút nào cả. Mà quý vị nghiệm xem, họ nói con bò nhưng mình có mọc sừng, mọc đuôi trâu mà đánh chính, cãi vã. Hoặc có người đem con bò tới nói đây là con trâu, mình nói sao đây? Nếu cãi lại đây là con bò thì chắc một hồi đầu khâu. Đầu khâu không xong thì thui nhau, thui nhau không đủ liền rủ thêm anh em bà con tới ầu đả. Thế là oan khiên với nhau đời này qua đời khác, khổ không có ngày cùng.

Chỗ hóa giải của người tu chúng ta là đả thông ngay chỗ đó. Thôi thì con bò cũng được, con trâu cũng được. Tính chất của nó là gì? Là giả danh, giả tướng. Hãy để cho đất tâm được không thì mặt trời trí tuệ mới soi chiếu. Chứ “con bò” biết chiếu chỗ nào, mà “con trâu” cũng không có chỗ chiếu nữa. Rõ ràng cố chấp vào chuyện hơn thua phải quấy thì không thể sáng suốt, lấy gì soi chiếu được. Chúng ta càng học Phật pháp, càng phải thâm nhập lý thượng thừa của Phật pháp. Những gì huyền hóa không thật không nên đắm trước. Những gì chân thật không sanh không diệt phải nhận lấy để sống với nó. Chúng sanh thường đi ngược lại điều này, cái giả cho là thật, cái thật lại quên mất, vì vậy Phật nói chúng sanh si mê điên đảo. Bây giờ mở rộng tâm ra để đừng làm lẫn nữa, có thể ta mới bình thân sắp đặt ổn định cho cuộc đời của mình.

Nên nhớ các giác quan của mình không thiếu, không thua ai cả. Từ xưa đến nay mọi người đều bình đẳng như nhau. Mỗi thời đại sự hiểu biết con người có thay đổi, song nhìn chung tất cả đều là thể trí sanh diệt, không chân thật. Nếu chúng ta chấp cứng cố định ngang đó, tê liệt ngang đó thì phải giải phẫu khối u xơ đó đi. Giải phẫu cái hiểu biết sanh diệt thế gian thì mình bằng người xưa, biết hết mọi thứ mà không chấp gì cả. Đả thông khối u xơ đó thì mặt trời trí tuệ chiếu soi. Đây là mặt trời trí tuệ không sanh không diệt, chớ không phải mặt trời bình minh sáng mọc lên chiếu lặn xuống. Mặt trời trí tuệ đây là mặt trời của mình, một khi ánh sáng này chiếu soi thì phá tan mọi bóng tối vô minh, phiền não trần lao đều tan biến hết. Chúng ta vẫn sống, vẫn sinh hoạt mọi thứ, ăn mặc, ngủ nghỉ, tiếp xúc nhưng tâm trùm khắp, không bị hạn cuộc, kẹt dính ở bất kỳ chỗ nào. Nhà thiền thường nói tánh giác trùm khắp, tâm thể rỗng rang sáng suốt chính là mặt trời trí tuệ này vậy. Từ đó chúng ta phăng ra và nhảy vào chỗ an ổn thôi.

Trở lại đức nhẫn. Tôi nêu lên những phần trên để chúng ta chuẩn bị công phu của mình. Làm thế nào phải đủ nhẫn lực để phẫu thuật tất cả u xơ còn cù cặn trong lòng mình, cho mặt trời trí tuệ chiếu sáng. Đồng thời mình cũng vững vàng như núi như non, đừng bị động bởi những thứ lăng xăng bên ngoài.

Muốn thế, cái nhẫn thứ nhất là thuận sanh nhẫn. Thuận sanh nhẫn là không kiêu căng tự đắc khi được khen ngợi, đây là những bệnh thông thường của chúng ta. Có người tu được trong điều kiện thuận, có người tu không được. Ví dụ như được người ta công khen, mình hui hui tự đắc, thành ra không tu được. Bây giờ làm sao trong chỗ thuận ta vẫn bình thường, điều này khó chớ không phải dễ. Người tu khi gặp thuận duyên phải biết tự kèm chế, không ý lại, không tự cao, làm chướng ngại công phu của mình. Đây gọi là thuận sanh nhẫn.

Thứ hai là nghịch sanh nhẫn. Như người thiếu phước sinh ra trong gia đình nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc, thiếu học hành, cực khổ trôi giạt, làm thuê làm

mưón vát vả, những người như thế mặc cảm lớn lắm. Với họ chỉ có Phật pháp mới khai thông nỗi thôi. Mặc cảm là những u xơ rất độc, đừng cho dao rựa vô đó, không khéo nó di căn một cái là nín thở liền. Những người này ngó xuống là phủng đất, ngó lên là thủng trời, chứ không ít. Trong hoàn cảnh như thế, người tu phải biết nhẫn nhục gọi là nghịch sanh nhân. Không bực tức, thù ghét trước sự bạc đãi khinh khi của người khác.

Nhiều người bảo: “Chửi có lý do tôi nhịn được, chứ chửi vô lý làm sao nhịn được?” Người ngu ngốc mấy cũng không thích nghe lời chửi. Nếu hiền lành không chửi lại cũng nói móc vài câu hoặc sùng sùng trong bụng, nhất định không bao giờ bình thân được. Đây là những thứ cù cặn trong công phu tu hành của mình. Là người tu chúng ta phải bỏ đi, phẫu thuật nó đi. Bằng mọi cách chúng ta phải trị nó, trị một lần không xong đâu, phải trị nhiều lần mới được. Tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền v.v... là những cách thức sơ đẳng nhất để trị các thứ bệnh u xơ này. Người khá hơn trong khi làm việc, đi đứng nằm ngồi gì cũng trị nó. Có thể mới giữ được thể an bình của đất tâm. Nếu mình không trị được nó, nhất định nó sẽ nội kết thành khối và làm cho ta đau khổ thôi.

Hòa thượng ân sư thường dạy, những dây niêm, tơ tưởng vọng động đều phải buông bỏ hết, đó là cách trị nó. Mà muốn buông bỏ nó, chúng ta phải có định tĩnh, sáng suốt. Do định nó không kéo lôi được, do sáng suốt biết nó là không thật, nó không dối gạt lừa mị ta được. Cho nên trong nhà thiền thường dạy định tuệ song tu. Chúng ta kiện toàn đầy đủ định tuệ thì việc tu tiến lên dễ dàng, không khó khăn gì. Định tuệ này không thể kiếm ở đâu hết, không thể nhờ ai cho được mà từ chúng ta gạn lọc hết những cấu uế trong tâm, thì định tuệ sẵn bên trong liền hiện tiền.

Thứ ba là nội pháp nhân. Tức không bị phiền não che khuất, tâm luôn luôn thanh tịnh sáng suốt. Thường thường tâm chúng ta luôn bị bức xúc, dẫn vật bởi việc nọ việc kia trùng trùng lớp lớp. Cho nên cái nhân thứ ba là nhân phiền não. Muốn nhân phiền não phải làm sao? Mặt trời trí tuệ soi thì phiền não mới tan. Tâm không thì mặt trời trí tuệ tự chiếu, giống như ta bật công tắc điện đèn sáng lên thì tấm tối tự rút lui. Cho nên muốn hết phiền não thì đừng nuôi nó nữa, để tâm trống không đi. Không nghĩ hơn nghĩ thua, không chấp ta chấp người, ngay đó còn gì nữa mà phiền não.

Lại nữa, phiền não đâu có thực mà kéo lôi được mình. Tuy nó làm khổ ta nhưng nó không thực. Nếu biết bản chất phiền não hư dối không thật, nó sẽ không làm khổ ta nữa. ai không nắm được nguyên tắc này thì bị nó làm khổ dài dài. Nó không thật mà làm khổ mình mới là kỳ, nếu nó thật thì thôi chết. Tâm không buông bỏ được phiền não thì chẳng thể làm gì nổi, đừng nói tới tu. Bước ra cửa, thấy cái cửa đóng không đàng hoàng là phiền não. Ngồi vào bàn, mấy tài liệu của mình ai quăng đâu hết cũng phiền não. Vô ăn cơm, cơm sống lại phiền não... Trời đất ơi, cái gì cũng phiền não, quả thực là nguy hiểm. Nó không thật mà sao làm khổ mình dữ vậy! Cho nên người có chút công phu phải xoáy mạnh vào sào huyệt này của chúng, xem nó là gì? Có thể mới mong nhảy vào chỗ đất không, làm chủ được phiền não.

Thứ tư là ngoại pháp nhẫn. Tức chiến thắng mọi khó khăn đời rét lạnh nóng, nhân duyên thời tiết bên ngoài v.v.... Chiến thắng được những thứ này gọi là ngoại pháp nhẫn.

Tóm lại, chúng ta tu hành cần phải thực hành các pháp nhẫn trên một cách thuần thực. Cảnh thuận nhẫn, cảnh nghịch nhẫn, phiền não nhẫn, đời rét lạnh nóng nhẫn. Được vậy còn sợ khó khăn gì trên đời này nữa. Giả dụ như ai chờ vô nhà mình năm bảy chục xe hàng phiền não, cũng chẳng ăn thua gì. Người nắm vững nhân quả, dễ thực hành pháp nhẫn. Vì sao? Vì biết nhân trước như thế nên bây giờ quả như thế. Ngày trước ta gây nhân thiếu gạo, cướp gạo của người ta, bây giờ mình thiếu gạo, không có gạo ăn là phải rồi, cho nên nói nhẫn mà thật ra có gì đâu phải nhẫn. Mình làm mình chịu, công bằng thôi, ức hiếp chi mà phải nhẫn. Nhân trước mình chửi bới người ta bây giờ người ta chửi lại, chuyện đó đương nhiên có gì đâu mà phiền. Nhờ thấy như thế nên ngay khi nhẫn ta cũng không nghĩ mình nhẫn. Đó mới thật là người hành hạnh nhẫn nhục ba-la-mật.

Với tư cách người tu nhất là tu thiền, chúng ta ngồi bình tĩnh lại thấy rõ nhân như thế, đưa đến tình trạng quả báo như thế. Đã biết nhân quả báo ứng không sai chạy thì ta đừng gây nhân xấu nữa, rõ ràng vậy. Nhân chính ta gây thì quả chính ta nhận, không có đổ thừa. Được vậy ta có đầy nhẫn lực vượt qua các chướng duyên, tâm không phiền hận não loạn. Từ đó dần dần đất tâm sẽ không, trí tuệ sẽ phát sáng.

Như sống trong tập thể, anh em cùng một lieu mấy chục vị. Tất cả đều được phát mền xanh, riêng có hai ba anh đắp mền len là có vấn đề rồi. Tại sao mình đắp mền chỉ mà huynh đó được mền len? Ta chỉ so sánh mà không cần tìm hiểu nguyên do. Tại Thầy đó bệnh hay họ có những điểm nào ưu nên được xử đặc biệt hơn. Nếu không có những nguyên nhân trong đời này thì cũng có nguyên nhân của đời trước, chớ không phải ngẫu nhiên. Theo nhân mà quả tương ứng.

Hoặc, tới tết Trung Thu ai cũng có bánh, còn mình không có. Thế là ta quay mặt vào vách không thèm dòm ai hết, nhưng không phải quay mặt như Tổ sư, mà quay mặt để phiền não! Những tâm lý nhỏ nhỏ như vậy thôi, nhưng nếu chúng ta không chịu tu, không tinh sáng, đất tâm của chúng ta không rộng rang sáng suốt thì chúng ta sẽ bị chết đứng ở chỗ tối tăm ấy mãi.

Tóm lại, muốn tròn đức nhẫn để tu, chúng ta phải chịu đựng được tất cả những hoàn cảnh thuận cũng như nghịch. Lòng thanh thản rộng rang thì mới tu được. Chứ còn cứ nhìn hiện tượng này hiện tượng kia thì nhất định chúng ta không tu được. Huynh đệ chúng ta cố gắng phấn đấu chỗ này, nội tại mà tôi muốn nói là chúng ta điều phục được những phiền não, để có sức mạnh bên trong. Còn hiện thân và các cảnh bên ngoài thì tùy theo nghiệp duyên chúng ta đã tạo mà có những quả báo tương ứng. Bây giờ tu rồi thì cố gắng chuyển hóa nghiệp cũ, chứ biết làm sao hơn.

Mong rằng với những lời nói chân tình, những kinh nghiệm nhỏ nhoi gửi đến quý huynh đệ, đạo tràng chúng ta sẽ vững tiến trong công phu tu hành của mình, xứng đáng là đệ tử của Phật Tổ, của Hòa thượng ân sư.



VẤN ĐỀ NỘI TÂM

Tinh thần tu tập của đạo Phật thường được bắt đầu bằng tinh thần tỉnh giác. Trong nhà thiền, các thiền tổ hay nói tu mà không tu, chứng mà không chứng. Nhưng hiện tại chúng ta chưa đến chỗ thấu triệt ấy, cần phải có công phu, tức là phải có tu nhưng không kẹt chấp vào sự tu ấy. Đây là vấn đề nội tâm cần phải chín chắn tế nhị mới không bị lầm lạc.

Khi nói đến tu thì sự tỉnh giác là điều kiện đầu tiên làm bàn đạp cho chúng ta tiến lên. Tinh thần này có hay không do tự ta gây dựng, không phải tìm kiếm bên ngoài hoặc do ai tạo. Người xưa nói “Lau bụi chớ không lau gương”, lau bụi bám bám trên gương để gương được sáng, không có bụi thì gương sáng. Gương sáng ở đây muốn nói là trí tuệ. Như vậy tỉnh giác sáng suốt là cái có sẵn nơi chúng ta, cũng giống như gương vậy. Sở dĩ mình không sáng được là tại vì bụi bám, vì không tỉnh. Thành ra yêu cầu trước tiên của người tu là phải tỉnh.

Làm sao lúc nào ta cũng tỉnh, đừng để gương bị bụi bám là mình có tu có sáng. Nhìn vào công phu tu hành, tự chúng ta có thể khám nghiệm biết mình tu tốt hay không tốt. Nếu ta thường tỉnh, không để bụi mờ bám trên gương tâm của mình là có tu. Còn dù ta nói Tu, mà không tỉnh, để bụi phủ kín trên gương thì chưa phải thật tu. Hằng ngày trong mọi sinh hoạt, những dấy niệm của chúng ta giống bụi mờ đó, nếu biết nó là bụi, ta buông đi thì lòng tự sáng. Đó là tu thiền. Căn cứ trên từng tâm niệm của mình, với một tinh thần tỉnh giác cao độ, vừa có dấy niệm gì, ta phủ đi, buông đi, tức là có tỉnh sáng. Chúng ta không để những thứ bụi bám dấy niệm làm tâm bị khuất lấp. Như vậy dần dần trí tuệ soi chiếu sáng tỏ.

Trong kinh Lăng Nghiêm dẫn chuyện anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa, mỗi ngày anh cứ nhìn vào gương, thấy dáng vẻ mình trong đó cho là đẹp, là thật. Nhìn quen như vậy nên anh quên mất con người thực của mình. Đến một hôm chiếc gương bể, không còn nhìn thấy đầu mặt mình nữa, anh hoảng hốt ôm đầu chạy la mất đầu. Ví dụ cho thấy chúng ta cũng vậy. Hằng ngày, trong từng phút giây mình không tỉnh, sống lan man để dấy niệm lăng xăng, tức bụi bám bên ngoài phủ lên. Lâu ngày quen thuộc với vọng niệm như thế, ta tự nhận đó mình thật. Để rồi một hôm nào đó choàng tỉnh ra, tức là khi bị mất mát những bóng dáng lâu nay ta cho là mình hay của mình, thì hốt hoảng vì không thấy nó nữa. Bấy giờ ta tưởng đã mất mình.

Bởi chúng ta chỉ nhận toàn những thứ bên ngoài giả tạm cho là mình thật, đến một lúc nào đó nó tan rã mình khổ vì nghĩ là đã mất mình. Vì vậy nên chúng sanh khổ và khổ mãi thôi. Người xưa luôn luôn nhắc nhở ta, đừng bao giờ nhận cái bóng mà quên cái thật. Nếu người nhận bóng quên cái thật là người không nhận cái tâm của mình. Đó không phải là người tỉnh, người sáng suốt.

Bóng là những gì? Tức những hiện tượng lăng xăng trước mắt chúng ta. Chúng chỉ là bóng dáng hư huyền, không tồn tại lâu dài. Luôn cả cái thân của chúng ta cũng không tồn tại mãi. Thế nhưng mình cứ nhận những thứ đó là thật, là mình, của mình, vì vậy mới khổ. Phật bảo người nghĩ tưởng như vậy là người mê, không có trí tuệ. Nhân khổ đã tạo thì quả khổ nhất định chuốc lấy, không ở đâu xa.

Có hai nỗi khó khăn đối với người tu chúng ta. Thứ nhất là nhận những thứ bên ngoài, như hoàn cảnh hay thân này là thật của mình. Thứ hai là làm chấp những suy nghĩ, toan tính bên trong là tâm mình. Rõ ràng lúc nào chúng ta cũng bị vướng hai thứ làm chấp này nên bị trở ngại trong việc tu đạo. “Tôi nghĩ như vậy”, “Tôi tính như vậy”, “Tôi sắp đặt như vậy”... Lúc nào cũng có một cái khung cứng chắc vây hãm lấy ta, nó làm cho mình không có lối thoát. Tâm vọng tưởng luôn suy nghĩ lằng xằng ấy không chế và lôi ta đi trong sanh tử từ đời này sang đời khác. Người xưa nói kẻ nào để cho vọng tưởng bu bám như vậy là vô minh.

Do vô minh chấp thân này thật, tâm này thật, từ đó có thói xấu khen mình chê người, tạo nghiệp oan trái nhiều đời với nhau. Có những tai hại như vậy. Thành ra chấp ngã là một thứ chấp rất khó phá, nếu ta không công phu tu hành sâu dày khó có thể phá được. Tuy nhiên, nếu người đầy đủ tinh lực, không bảo thủ ngã kiến, mở sáng con mắt trí tuệ thì người đó có thể phá vỡ được những làm chấp này bằng trí tuệ sáng suốt của mình. Dĩ nhiên chúng ta chưa có đạo lực nhiều thì việc phá chấp về thân là chuyện khó. Nhưng chấp tâm, lại còn khó hơn nữa, cả hai đòi hỏi phải có công phu. Phật tử chúng ta phải có công phu tu hành như thế nào để trị được hai căn bệnh vô minh này là xong việc.

Nói như vậy để chúng ta thấy việc tu hành chỉ là chuyển mê thành giác. Còn làm tức là mê, hết làm tức là giác, hai cái này không có biên cương. Khi ta còn bám giữ bất cứ thứ gì tức là còn làm, buông được là tỉnh giác, chỉ trong chớp nhoáng thôi. Ngược lại chúng ta cứ làm mê, chấp thủ mãi không chịu buông ra thì vô minh ngàn đời không có lối thoát. Chúng sanh với Phật đồng một thể tánh, không sai khác nhưng chỉ vì mê nên ta là chúng sanh, còn các Ngài giác nên là Phật, Bồ-tát. Khi thành Phật rồi, không có ông Phật nào khác ngoài ông chúng sanh vừa mới hết mê này. Hiểu rõ như vậy tu hành mới không quanh quẩn hoài công.

Tánh giác là gì? Là cái sáng suốt sẵn có nơi mỗi chúng ta, nhưng phải bỏ hết những vọng niệm lằng xằng nó mới hiện ra. Chữ mê cũng có nghĩa là quên, quên tánh giác của mình. Tánh giác ta có sẵn nhưng lâu nay bỏ quên, bây giờ muốn đừng quên thì phải tỉnh, tỉnh để nhận lại. Nhận được ông chủ rồi mới là sống yên ổn, đầy đủ chủ quyền, không còn bị ai gạt gắm lôi kéo nữa. Nhận được ông chủ trong nhà rồi, ta không làm bởi những người khách lằng xằng. Nếu là chủ thì không có lằng lằng xằng, khách có tới lui xuôi ngược, nhưng chủ thì ngồi yên một chỗ.

Việc tu hành của chúng ta cũng vậy. Ở đây nhắm thẳng vào tánh giác, vào ông chủ. Chúng ta nhận được tánh giác, nhận được ông chủ, sống được với tánh giác, với ông chủ tức là không còn bị ngược xuôi bởi khách trần phiền não nữa. Việc tu hành của chúng ta hiện nay cũng như là người lạc đường muốn trở về nhà vậy. Từ lâu mình lạc bước, cứ làm chạy mãi không biết ngày nào mới có cơ hội quay về. Chợt một hôm ta có cơ hội nhận lại dấu vết cũ và muốn quay về. Vì vậy ta phải tìm cho đúng đường xưa lối cũ để không bị lạc nữa. Phăng tìm đó là tức là nhận lại tánh giác của mình.

Như ở trước cổng Thường Chiếu, quý vị muốn đón xe về thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng khi ra cổng, lại đón xe ra Vũng Tàu. Vậy đó, lên xe rồi, còn lớn tiếng cho mọi người biết rằng “Tôi không phải là người không biết đường, tôi thuộc lòng đường về thành phố Hồ Chí Minh, tôi không thể đi lạc được!”. Dù gào thét, nhưng với việc lên xe ra Vũng Tàu như vậy cũng đủ cho thấy kẻ đó chưa hề biết đường. Kết quả chắc chắn họ sẽ đi lạc.

Ở đây tôi muốn nói người lạc bước, nếu có cơ hội chợt nhận ra mình đã đi lầm thì dừng lại ngay, đừng tiếp tục đi nữa. Nếu cứ cất bước, cứ lạc mãi thì không biết chừng nào mới quay về được. Chỗ này hết sức quan trọng, đòi hỏi chúng ta phải có một cái nhìn chín chắn. Bởi vì giữa tỉnh và mê không có biên cương. Nếu chúng ta tỉnh thì liền tỉnh, giác thì liền giác, còn không thì mê, mê mãi thôi. Mà đã mê thì ai chỉ vẽ cũng không tin, không nghe theo. Do đó mê lại càng mê, không biết bao giờ mới hết mê để quay về bờ giác.

Nói mê là nói căn bản vô minh, còn giác là nhận được ông chủ, phá vỡ căn bản vô minh đó. Thành ra người bắt đầu công phu đòi hỏi phải có cái nhìn sáng suốt, tinh anh, làm sao phá vỡ được căn bản vô minh mới không uổng công phu. Sự giác ngộ này không phải tìm ở đâu mà tự nơi chúng ta thôi. Người giác ngộ là người có trí tuệ, nên nói “Có trí tuệ mới biết sai lầm nhận ra điều chân thật. Trí tuệ là ngọn đuốc sáng, soi phá vô minh tối tăm”. Một khi chúng ta có trí tuệ rồi thì mới nhận biết được những sai lầm lâu nay của mình. Thấy được sai lầm rồi, ta mới không giẫm lên vết cũ. Cho nên việc tu hành cần nhất là thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ.

Lâu nay chúng ta thường nghe nói về tánh giác, nhưng thực sự mình cũng không biết tánh giác là gì? Ở đây, chư Tổ dạy chỉ khi nào giác ngộ, không còn vô minh che lấp nữa mình mới nhận ra tánh giác. Cho nên tánh giác là tính chất giác ngộ của chính chúng ta. Mình nhận được cái đó rồi thì hết khổ. Thế nên giác ngộ là biết mình có tánh giác, đơn giản như vậy thôi. Biết một cách rõ ràng chớ không phải có cảm tưởng mình biết. Bởi vì tánh giác là bản thể chân thật của mình, chớ không phải cái bên ngoài hoặc của ai để ta tưởng tượng về nó. Nhận được bản thể chân thật của mình tức là nhận được tánh giác. Đó là cái gì? Là cái rõ ràng thường biết của chính mình, là tâm.

Như vậy tâm chúng ta là gì? Là cái rõ ràng thường biết đó. Tất cả chúng ta ai cũng có sẵn cái đó hết. Quả thực không ai không biết một cách rõ ràng. Ví dụ bây giờ chúng ta đang ngồi đây, mọi hiện tượng chung quanh ta đều thấy biết rõ ràng. Nghĩa là không có vị nào thấy cái cửa mà nói là cái nhà, thấy nhà mà nói là xe, thấy xe mà nói là cây. Không có chuyện đó, vì tất cả quý vị đều thường biết rõ ràng. Công phu đến giai đoạn này là giai đoạn nhận được tâm mình. “Cái thường biết rõ ràng”. Thế nên lâu nay chúng ta cho cái tâm suy nghĩ lăng xăng hoặc những cảm nhận, tưởng tượng là tâm mình, điều này hoàn toàn sai lầm.

Tâm thường biết rõ ràng này, tuy hay nhận biết mà không có phân biệt, không có chạy theo. Ví dụ tôi đang ngồi đây nói chuyện nhưng vẫn nghe tiếng động của máy nổ, tiếng người, tiếng chim v.v... Nghe chỉ là nghe, vẫn sáng suốt bình thường, không tạp loạn, không chạy theo những tiếng ấy. Nếu chúng ta

thường nghe như vậy, đó là nuôi dưỡng được cái thường biết rõ ràng của mình, nuôi dưỡng được tánh giác của mình. Đây là điều chúng ta cần phải nhận và sống đúng như vậy. Lâu nay mình cũng nghe, nhưng nghe cái gì liền phóng tâm chạy theo cái đó. Ví dụ nghe tiếng kèn liền nghĩ kèn của xe nào nên lao ra ngoài xem. Đó là chạy theo tiếng mà bỏ quên tánh thường biết rõ ràng của mình.

Người tu nhất là tu thiên, làm sao phải nhận và sống lại với cái thường biết nơi các giác quan của mình. Bởi vì tâm chúng ta là cái thường biết rõ ràng hồn nhiên, tự tại, sẵn vậy. Ngay đây, nó thấy nghe rõ ràng, không có gì khuấy lấp cả, cái đó tất cả chúng ta đều có. Tại sao mình không nhận và sống với nó, lại chạy theo những bóng dáng giả dối tạm bợ bên ngoài? Tóm lại, tâm của chúng ta là cái thường biết rõ ràng, nếu chúng ta sống được với nó thì mình thường biết rõ ràng mà không trôi giạt theo các cảnh duyên bên ngoài nên không khổ.

Trở lại câu chuyện soi gương. Diễn Nhã Đạt Đa lằm nhận dáng vẻ trong gương là mình, đến khi gương bề anh chạy sáng la nói mất mình. Chúng ta có giống như vậy không? Thân này, tâm suy nghĩ vọng tưởng phân biệt này cho là mình. Đến khi nó mất, ta đau khổ vì nghĩ đã mất mình, không ngờ có cái chân thật thường hằng luôn ở bên ta mà mình lại bỏ quên. Vì vậy khi mất thân hoặc mất những gì sở hữu của mình ta đau khổ kêu la, giống hệt như chàng Diễn Nhã Đạt Đa kia. Nếu ngay đây, thức tỉnh biết mình có cái thường biết rõ ràng, tức là tâm chân thật, sống được với nó thì ta đâu còn sợ mất cái tạm bợ hư giả bên ngoài nữa. Sống được như vậy thì con đường luân hồi khổ đau chấm dứt. Đó là kết quả hiện thực của người tu Phật.

Chúng ta ít khi nào chịu sống với tâm chân thật của mình, cứ theo con khi vọng lãng xăng, nhãn mặt nhãn mày cả ngày để rồi khổ. Thật tình cái thường biết rõ ràng đó không có vấn đề gì hết. Thấy thì biết, nghe biết, xúc chạm biết rõ ràng. Chúng ta không sống được với cái nhẹ nhàng tinh túy đó, cứ ồ ạt lãng xăng nên dao động bất an hoài. Nỗi khổ lớn của con người phần lớn đều do tưởng tượng suy đoán hoặc lãng xăng ngược xuôi theo các cảnh duyên bên ngoài mà ra. Như vậy nỗi khổ do chính ta gây tạo cho mình, chứ không phải ai gây cho ta cả.

Do đó muốn hết khổ phải ngay nơi mình chuyển đổi, chớ không khẩn cầu ai giải quyết giùm ta hết. Mình tự gây thì bây giờ cũng phải gan dạ tự bỏ. Tóm lại, khổ hay không khổ, giác ngộ hay mê đều do tự mình. Muốn hết khổ thì tự chúng ta dứt khoát cắt đứt sẽ hết khổ, còn đeo đẳng dây dưa thì nhất định còn khổ. Hoặc là ngay đây chúng ta sống được với cái thường biết rõ ràng hồn nhiên giải thoát, hoặc là ta bị mắc mứu bởi cái này cái kia, lãng xăng ngược xuôi cả đời. Đó là việc của chúng ta, mình hoàn toàn có quyền quyết định, không có ai chen vào đó cả. Tu là tự tu nơi nội tâm, tự chiến thắng mình, tự nhận lại cái thực của mình, chứ không phải gì khác ở bên ngoài.

“Thật thể của thân tâm là không tướng mạo, cũng gọi là pháp thân. Hằng giác không mê thì gọi là Bồ-đề. Vĩnh viễn không sanh không diệt thì gọi là Niết-bàn. Nó cũng là chân lý tuyệt đối không bàn nói đến được, gọi đó là đạo. Thể chân thật không đổi gọi là chân như. Cái ta chân thật ngàn đời gọi là bản lai diện mục”. Như vậy cái rõ ràng thường biết đó có nhiều tên gọi. Ở đây nói là thật thể của thân

tâm không tướng mạo, tức chỉ cái chân thật của mình không có tướng mạo, gọi là pháp thân. Ta thường nghe nói pháp thân của chư Phật hay pháp thân của mình, đó là cái thật thể của mình. Còn thân này không phải, nó là tứ đại giả tạm. Hằng giác không mê gọi là Bồ-đề. Nghĩa là trong mỗi chúng ta có cái hằng giác không mê, tức là tánh giác. Trong giai đoạn này chúng ta chưa nhận hoặc đã nhận mà chưa sống liên tục với tánh giác, nên có khi giác có khi mê. Vì vậy ta chưa thể sống thực với tánh giác của mình.

Tu tức là phát huy kiện toàn chỗ này, nếu chưa liên tục, chưa hoàn bị ta phải cố gắng tinh nhiều hơn. Tánh giác có sẵn mà chưa sống thực với nó là tại mình mê, giống như người có của cải rất nhiều mà quên không biết để ở đâu. Vì chưa nhận lại được nên chưa làm chủ hoàn toàn tài sản ấy. Phật, Tổ dạy chúng ta có tánh giác thường biết thường tri ngay trong mỗi hành động, mỗi cử chỉ oai nghi của mình. Tánh giác ấy tuy không hình tướng nhưng được hiển lộ qua sáu căn, người nhậm lẹ có thể nương đây mà có chỗ vào. Vĩnh viễn không sanh không diệt gọi đó là Niết-bàn, tánh giác này không bị sanh diệt chi phối nên thường ở chỗ vô sanh, rõ ràng như vậy.

Ví dụ như tánh nghe của chúng ta, có khi nào chúng ta không nghe đâu? Có âm thanh thì nghe có âm thanh, không âm thanh thì nghe không âm thanh, chứ không khi nào mình không nghe, trừ khi căn nghe này bị hư ta mới không nghe. Không nghe nơi lỗ tai thì cái hằng biết ấy sẽ hiển lộ rõ hơn ở căn khác, những căn còn tốt, chớ nó đâu có mất. Cho nên quý vị để ý người mù rất thính, người điếc rất nhạy cảm với các cử chỉ hành động do mắt thấy. Tánh thấy, tánh nghe thường trực liên tục, lúc nào cũng như vậy, sẵn sàng trong chúng ta. Đó là gì? Là tánh giác chân thật của chính mình.

Vì tánh giác ấy không có hình tướng, không có ngôn ngữ nên khi được hỏi đến, các Thiền sư thường cho ăn đòn, hoặc trả lời bằng một hình ảnh nào đó, khiến người hỏi không thể vọng tưởng, bám víu thêm vào điều mình đã hỏi. Ví dụ như hỏi: “Thế nào là đạo?”, hoặc “Thế nào là bản lai diện mục?” Ở đây tôi có thể theo dấu các Ngài tạm trả lời: “Bản lai diện mục là cây điều ở trước sân”. Nói để chặn ngang dòng vọng tưởng, chớ không phải nói để bám víu, suy tính ngược xuôi thêm. Đó là lối trả lời của các Thiền sư.

Người tu thiền nhận ra được tánh giác của mình gọi là ngộ. Tôi không khuyên quý vị phải tụng kinh gì, lạy Phật hoặc ngồi thiền ra sao hết, mà chỉ yêu cầu tất cả chúng ta phải nhận ra mình có tánh giác, tức là nhận ra được mình có cái thường biết rõ ràng, đó là tu. Như vậy dễ quá, ai tu cũng được hết. Công phu tu hành này vượt qua tất cả những hình thức, nghi lễ, lễ thói thông thường. Nếu nhận ra được nơi mình có tánh giác, đó là quý vị đã ngộ. Biết được ông chủ rồi thì không còn làm mê nữa.

Lục Tổ Huệ Năng khi xưa nhận ra được bản tâm, Ngài liền thốt lên một loạt những lời thế này: “Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh. Đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt. Đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ. Đâu ngờ tánh mình vốn không dao động. Đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp ...” Nghĩa là khi Ngài nhận ra cái thường hằng của chính mình, Ngài mới biết nó vốn tự thanh tịnh, vốn không sanh diệt, không dao

động, vốn tự đầy đủ và lại hay sanh muôn pháp. Bản chất của tánh giác, của tâm chân thật là như vậy.

Thiền sư Qui Tĩnh, có vị tăng vào thất hỏi về “Cây bá trước sân” của Triệu Châu, Sư bảo: “Tôi nói với ông, ông lại tin chăng?” Tăng thưa: “Lời của Hòa thượng là quý trọng, con đâu dám chăng tin”. Sư bảo: “Ông nghe giọt mưa rơi ở thềm nhà chăng? Vị tăng bỗng nhiên khai ngộ, bất giác la: “Chao!”. Sư hỏi: “Ngươi thấy đạo lý gì?” Tăng thưa trình kệ:

Thiền đầu thủy đích,
Phân minh lịch lịch.
Đả phá càn khôn,
Đương hạ tâm tức.

Dịch:

Giọt mưa mé thềm,
Rõ ràng từng giọt.
Đập nát càn khôn,
Liên đó tâm dứt.

Khi các Ngài đã nhận ra cái chân thật ấy rồi thì tâm sáng rõ nhi nhiên, không còn gì làm lạc nữa, tất cả các pháp hiện ra trước mắt rõ ràng, không lẫn lộn cũng không ồn náo. Bởi khi tâm tịnh thì cõi nước và cảnh giới chung quanh cũng thanh tịnh.

Nói về tánh giác, khi nhận ra rồi thì thật đơn giản. Nhiều vị nói tu hành phải trải qua biết bao khó khăn, chịu đựng gian khổ mới chứng đắc. Thưa đó là vì ta chưa nhận ra được tánh giác của mình thôi, nếu nhận ra rồi sẽ thấy tất cả công phu đều là phương tiện, là hình thức. Người tu không khéo sẽ bị chính sự tu hành cột trói lấy mình. Nếu không nắm vững yếu chỉ tu hành, những phương thức sẽ làm rườm rà thêm, che lấp bản tâm chúng ta. Ví dụ thế này, quý vị lạy Phật thường mặc áo tràng, trước đó thì tắm rửa sạch sẽ rồi mới dâng hương lễ Phật. Nghi thức này đã thành truyền thống, coi như ai cũng chấp nhận. Bây giờ có người tới lạy Phật, họ chẳng mặc áo tràng, cũng không thắp nhang, chỉ lạy bằng tâm thành của họ. Song với những người nặng về hình thức, nhất định không chấp nhận như thế, phải đầy đủ nghi thức đàng hoàng. Đây gọi là bị kẹt vào hình thức, chuyện của người ta mình cũng bị phiền não!

Đạo Phật lấy tâm làm chuẩn. Tâm thành thì Phật chứng, tâm thành thì đạt, vượt lên tất cả hình thức. Có những pháp tu diu dẫn kẻ sơ cơ bước vào đạo. Nhưng cũng có những pháp tu phá dẹp tất cả các hình thức, để đưa người sống thẳng, sống thực với tâm. Ngày xưa, thời Phật còn tại thế, các vị Thánh đệ tử cũng được Phật chỉ dạy rất giản dị chứ không rườm rà như chúng ta bây giờ.

Trong sử còn ghi lại, một hôm Phật ở tại nước Xá Vệ, rừng cây Kỳ Đà, Tinh xá Kỳ Viên. Phật bảo các thầy Tỳ-kheo: “Chúng sanh từ vô thi mãi xoay vần, chẳng biết cội gốc của khổ. Nếu tất cả cây cỏ trên mặt đất này chẻ ra làm thè, dùng để đem cha mẹ của các thầy đã trải qua trong vòng sanh tử, con số thè cây hết, con số cha mẹ kia vẫn không hết. Nay các Tỳ-kheo, chúng sanh cứ xoay vần sanh tử, nói tiếp mãi từ vô thi như thế là do chẳng biết cội gốc của khổ. Vì thế các thầy nên

học, nên siêng năng tinh tiến đoạn trừ các hữu, chớ khiến tăng trưởng”. Đó là đoạn được gốc khổ.

Đây là bài kinh Phật dạy các thầy Tỳ kheo về gốc khổ. Ngài nói nếu đem chẻ tất cả cây cỏ trên mặt đất này ra làm thê, dùng để đếm số cha mẹ của các thầy, thì số thê đó hết mà số cha mẹ của các thầy đã trải qua trong vòng sanh tử không hết. Ý nói rằng luân hồi sanh tử của chúng sanh nhiều vô cùng vô tận. Phật dạy: “Cứ xoay vần sanh tử nối tiếp mãi từ vô thủy như thế là do chẳng biết cội gốc của khổ. Vì thế các thầy nên học, nên siêng năng đoạn trừ các hữu, chớ khiến tăng trưởng”. Siêng năng đoạn trừ các hữu, tức là Phật dạy tất cả chúng ta đừng chấp trước. Siêng năng tức là tinh tấn. Chúng ta đừng chấp trước, đừng bám víu, đừng ngược xuôi nữa thì gốc khổ sẽ hết. Gốc khổ trừ rồi chúng ta sẽ được giác ngộ. Rất là giản dị, không có gì rườm rà.

Cho nên chỗ cứu kính của sự tu hành rất đơn giản, hết sức bình thường, không nặng về hình thức. Nhưng không hiểu tại sao chúng ta không làm, mà lại mắc kẹt vào những hình thức rườm rà, đòi hỏi nhiều công phu, mất thì giờ mà chẳng đi tới đâu? Bây giờ muốn trừ được gốc khổ như Phật dạy, chúng ta đừng chấp, đừng bám víu nữa. Bám víu cái gì? Bám víu thân này, thế giới này, danh vọng này, cuộc sống này... Còn bám víu là còn khổ, buông ra là hết khổ, Phật nói rõ ràng như vậy. Người nắm lại, người bám víu Phật gọi là người mê. Người buông ra không vướng kẹt vào bất cứ thứ gì, Phật gọi là người giác. Cho nên ngay bây giờ chúng ta siêng năng nỗ lực đoạn trừ các hữu, sống với tánh giác, thì nhất định sẽ được an vui giải thoát. Đó là một pháp tu hiện thực, không có gì quá khó khăn cả. Phải tin mình làm được thì quý vị mới có thể tiến tu một cách vững vàng, không yếu mềm nhút nhát.

Một bài kinh nữa, cũng tại Tinh xá Kỳ Hoàn, Phật bảo các thầy Tỳ-kheo: “Chúng sanh tử vô thủy mãi xoay vần, không biết cội gốc của khổ. Nếu đem bùn đất trên khắp cõi đất này vo lại thành viên để tính số cha mẹ của các thầy đã nương tựa trong vòng sinh tử đến nay, con số viên đất đã hết mà số cha mẹ các thầy nương tựa vẫn không hết”. Bài kinh này cũng tương tựa như bài kinh trên. Chúng sanh tử vô thủy xoay vần, không biết cội gốc của khổ, con số ấy vô lượng nên bây giờ muốn hết khổ, Phật dạy: “Phải siêng năng nỗ lực đoạn trừ các hữu chấp của mình là hết khổ”. Như vậy từ bao lâu rồi, chúng ta đã chấp chặt những thứ chung quanh, cuộc sống, quan niệm, sản nghiệp, gia đình v.v... đều nắm chặt hết. Nắm lại cho nên chúng ta mê lầm, từ đó mà tạo nghiệp, cứ lằng xằng trôi giạt.

Phật nói chúng sanh trôi giạt vô cùng vô tận, dọc dài đó chúng ta sống trải qua không biết bao nhiêu thời gian, không thể tính kể. Cho nên từ vô thủy hoặc là ta hưởng thụ khoái lạc, hoặc là chịu khổ não vô lượng, hoặc trong quá khứ đã từng làm việc sát sanh, tổn thương đến chúng sanh,... sanh tử xoay vần không biết cội gốc của khổ. Nên ngày nay phải nỗ lực học Phật pháp, trừ bỏ tất cả những làm chấp đó đi, như vậy chúng ta mới chuyển khổ gốc khổ được. Tinh thần của người tu là làm sao được hết khổ, làm sao được giải thoát.

Trong nhà thiền thường nói đến tu nội tâm, tức là từ sự tỉnh giác ta phát huy được trí tuệ, cuối cùng nhận được tâm, sống được với cái thường biết rõ ràng của

mình. Đó là tu, người ta thường bảo Tu Tâm. Nên nhớ, nói tu tâm là phải chiến thắng nội tâm. Chiến thắng nội tâm bằng những công phu, những nội lực hiện tại đối với vọng tưởng trong lòng và ngoại cảnh chung quanh nữa. Thành ra pháp tu tuy giản đơn nhưng đòi hỏi chúng ta phải có năng lực thật mạnh. Như chúng ta đều biết, tâm mình quen chạy theo những loạn tưởng lăng xăng, bây giờ muốn chiến thắng nó tức là tự chiến thắng mình. Phật cũng nói “Tự chiến thắng mình là chiến công hiển hách nhất”.

Chiến thắng mình là chiến thắng gì? Chiến thắng vọng tưởng chứ không có gì lạ. Quý vị thử ngồi xem trong mười lăm phút thôi, trong tâm ta xét ra bao nhiêu vấn đề, bao nhiêu tư tưởng? Tưởng tượng, suy xét phân biệt, thương ghét, buồn vui đủ thứ. Bây giờ muốn chiến thắng những thứ đó, chiến thắng bằng cách nào? Bằng cách là mình phải tĩnh. Buồn ta cũng chẳng buồn, vui ta cũng chẳng vui, khởi lên cái gì ta cũng chẳng theo, nó dụ hoặc cái gì ta cũng chẳng màng. Người được như vậy là người bất động, người bất động là người tự chiến thắng mình. Người tự chiến thắng là người tu nội tâm thành công. Chiến thắng được nội tâm là làm chủ được mình và mọi hoàn cảnh chung quanh. Cho nên năng lực của một nội tâm định tĩnh rất lớn.

Ví dụ cái buồn nó làm cho mình héo hắt sầu khổ. Muốn bỏ rất khó, như trong gia đình mình buồn những người thân, có khi cả năm chưa bỏ được. Cứ lâu lâu gặp mặt là tức giận, nó dính hoài, rồi lại liên tục chùng chất, chứ không phải buồn một lần. Buổi sáng gặp mặt buồn, buổi trưa gặp mặt buồn, buổi chiều gặp mặt buồn. Quý vị nghĩ coi, một ngày ba bốn lần buồn, một tháng một năm biết bao nhiêu là buồn. Nó chùng chất riết chắc là bẽ tim chết. Chúng ta buông không được thì phải dẫn tới khổ đau thôi. Đó là nói về buồn. Bây giờ tới cái vui, mình có buông được không? Có khi ngồi một mình, nhớ điều gì vui ta cười hả hả, cười sáng lên. Niềm vui đó cứ vương vấn dư hưởng hoài cũng khó bỏ nữa. Cho nên tu là phải thức trước những tâm trạng ấy. Vì vậy người chiến thắng được nội tâm đâu phải là chuyện thường.

Cho nên nói tu nội tâm là người có một sức mạnh tinh lực lớn. Buồn cũng tu, vui cũng tu, đói cũng tu, no cũng tu, người ta khen cũng tu, người ta chê cũng tu, xem mình như đất như cỏ vậy. Không tu mà muốn được hết khổ, được giải thoát, chuyện đó không bao giờ có. Bây giờ chúng ta thử kiểm lại xem mình có tu chưa? Chưa tu. Bởi chưa tu nên ta còn khổ còn buồn, còn lo còn giận đủ thứ. Nếu có tu rồi chắc chắn những thứ đó sẽ vơi đi. Bởi vì pháp của Phật chắc thật, không bao giờ gạt ai cả. Hễ có tu là có an lạc, nên pháp của Phật còn được gọi là “Biệt Giải Thoát”, nghĩa là tu được pháp nào thì giải thoát pháp nấy, cụ thể như vậy.

Sở dĩ chúng ta gặp cảnh buồn vẫn cứ buồn, người ta chọc giận vẫn cứ giận, lo lắng đủ thứ chuyện trên đời, là vì mình chưa chịu tu, hoặc là tu chưa đúng pháp. Bởi tu chưa đúng pháp Phật nên chưa giải trừ được phiền não. Nếu ta thật sự hiểu và áp dụng đúng pháp Phật dạy thì tất cả những vọng tưởng đều sẽ được giải trừ hết. Phật dạy không sai, chỉ tại chúng ta thực hành không đúng thôi. Có tu là có an lạc, đó là điều tất yếu, chớ không mơ mộng gì cả. Vì vậy người tu luôn luôn tự

kiểm, xem mình đã tu ra sao, có đúng không. Nếu thấy tu mà không an lạc là biết đã đi lạc đường rồi, cần phải chỉnh lại.

Thường ta nghe nói tu nhân, tu tâm. Tu nhân như thế nào? Tức là mình biết rõ nhân như vậy duyên như vậy, điều đó nó sẽ đưa đến kết quả như vậy. Biết thế rồi người con Phật không khi nào mê mờ gây nhân xấu để phải gánh hậu quả khổ. Chính nhân ấy ta đã gây tạo, bây giờ quả đến mình không gan dạ chấp nhận, thì ai thế đây? Nhân đó chúng ta gây thì bây giờ phải tự mở ra, quả đến ta phải chịu trách nhiệm. Mình là chủ thì phải can đảm đứng ra giải quyết mới ổn chứ.

Ví dụ trong hoàn cảnh khó khăn, quý vị vay mượn của ai đó một trăm nghìn. Trải qua thời gian hai ba mươi năm, trăm nghìn ấy kể như mất tiêu. Nhưng từ cái vốn trăm nghìn ấy quý vị gây dựng được cả hàng loạt tài vật. Đến một giai đoạn nào đó, người cho mình vay hồi xưa đòi lại. Đối với số vốn một trăm nghìn hồi xưa, mà bây giờ mình làm té ra vạn ức triệu thì trả lại một trăm nghìn có nhằm nhò gì. Do đó chẳng những quý vị rất vui mừng hoàn lại mà còn trả cúng dường thêm nữa. Đó là một trường hợp. Nhưng nếu với một trăm ngàn ấy mà người vụng về không làm ăn được gì, khi chủ nợ đòi họ rất sợ sệt, lo âu muốn trốn vẫn không biết đường nào để trốn. Người này khi nghe đòi nợ rất kinh hãi, đau khổ. Đó là trường hợp thứ hai.

Cũng thế, sở dĩ chúng ta sợ sanh tử, sợ luân hồi đau khổ là vì mình vướng phải trường hợp thứ hai. Ta không chịu tu mà cứ gây tạo nghiệp ác, trong tâm không bao giờ an ổn, trí tuệ tối tăm thì làm sao đối đầu với nghiệp lực được? Bởi khổ nên gặp ai mình cũng bái, xin độ cho con hết khổ. Tất cả đều do chúng ta thôi. Khổ cũng mình, sướng cũng mình, không có ai vào đó cả. Nếu như mình gây dựng được công phu, nội tâm vững vàng giống như người làm ăn có lời, tạo ra muôn vạn bạc thì đối với một trăm ngàn nợ cũ chẳng ăn thua gì. Mình biết đã gây tạo nghiệp với ai từ quá khứ, bây giờ khi họ đòi chẳng những ta vui trả mà còn mừng vì đã trả xong và rất cảm ơn họ nữa. Hai con đường đó, giới Phật tử chúng ta phải nhận định rõ để chọn lấy cho mình một con đường đúng đắn.

Ta nhận thấy nguyên nhân nào đưa đến an vui, không khổ thì chúng ta tu. Còn nguyên nhân nào đưa đến khổ đau thì ta không theo. Chúng ta có quyền lựa chọn mà, rõ ràng không ai bắt buộc mình cả. Với tinh thần của đạo Phật, chúng ta tu ngay nơi nhân, những nhân nào đưa đến khổ, chúng ta đừng gây tạo, đó là một cách tu. Nhân nào đưa đến trầm luân ràng buộc khổ hải, chúng ta đừng gây, đó là một cách tu. Chúng tôi khuyên quý vị như vậy thôi, chớ không bảo quý vị phải xuất gia, phải đi chùa, cúng Phật gì cả, chỉ yêu cầu quý vị tu tập bình thường theo tinh thần nhân quả như vậy.

Thường thì mọi hiện tượng trên cuộc đời này cũng đều tuân theo luật nhân quả. Chúng ta đã không gây nhân xấu thì không sợ gì cả. Tinh thần vô úy bắt đầu từ đó. Sở dĩ chư Bồ-tát có tinh thần vô úy cao cả là vì nhiều đời các Ngài không gây tạo nhân khổ đau cho chúng sanh, nên bây giờ không sợ gì cả. Người Phật tử chúng ta cũng vậy, mình tu từ nhân. Muốn chấm dứt những sự sợ hãi thì đừng gây tạo những nhân sợ hãi. Đó là cách thức hết sức giản dị mà cũng rất căn bản trong đạo Phật, ai cũng có thể áp dụng tu được.

Tu thiền cũng vậy, là trở về tâm, cái thường biết rõ ràng. Sống được với tâm ấy rồi thì không gây tạo những nghiệp nhân nữa, làm gì có khổ đau. Trong cuộc sống hiện tại trang trải cho hết những nợ nần cũ, không tạo thêm nghiệp mới. Hết nghiệp rồi thì nhẹ nhàng ra đi tùy duyên. Đó là nếp sống của người tu thiền. Cho nên các Thiền sư nói “Đói thì ăn, mệt thì ngủ”, giản dị. Đó là sống thiền.

Chúng ta bây giờ, đói tới không ăn mà còn toan tính món ngon vật lạ, ngủ thì mền nệm rất tốt nhưng vẫn gác tay lên trán tính chuyện năm trên năm dưới, vì vậy nên khổ. Bây giờ xin quý vị áp dụng phương pháp đói ăn mệt ngủ, chẳng sợ sệt gì cả, thử xem chúng ta có thể làm được không?

Chúc quý vị thành công.



TRỊ NHỮNG TẬP KHÍ

Buổi sinh hoạt này chúng tôi sẽ nói về tập khí. Đối với người tu, tập khí là chướng duyên ngăn trở bước tiến đạo. Nó chính là những chướng tử từ nhiều đời còn tồn đọng lại trong chúng ta. Muốn trừ nó chúng ta phải có công phu miên mật, liên tục và đặc biệt phải tế nhị mới phát hiện được tập khí của mình.

Hòa thượng dạy “Người tu chúng ta trong giai đoạn công phu phải trải qua những thử thách, những khó khăn”. Giai đoạn ban đầu chúng ta thấy khó khăn, gàn như không thể tiến nổi. Nhưng rồi ta cũng tiến nổi, vượt qua được. Tuy nhiên những thử thách về sau càng nhiều hơn, những thứ cù cặn sâu kín ở trong ta từ từ lộ dạng. Lúc này là lúc ta phải có tâm kiên cố, có sự chuẩn bị thật kỹ lưỡng, phải mạnh mẽ dứt khoát lắm mới được. Như ta đã thấy có những vị tu hành từ thời bé thơ cho đến năm mươi tuổi, vẫn có thể trở lại thế tục, bởi những hình ảnh, những sự kiện thế tục chi phối. Tại sao? Vì không trừ bỏ được tập khí nên cuối cùng bị chúng kéo lôi.

Những hiện tượng này xảy ra không phải ít. Có người tu thời gian ngắn, hoặc có người trải qua thời gian rất dài, nhưng bất thần họ bỏ đạo trở về đời sống thế tục. Có những người trở về thế gian, không phải vì bị cuộc đời mê hoặc, nhưng vì không tiến đạo được nên họ không tu nữa. Đây là do tập khí này chỉ đạo, mà đương sự không có năng lực để đối kháng chống trả lại. Bởi thế nên cuối cùng đành im lặng quay lại con đường ngày xưa mình đã bỏ đi.

Cho nên nói đến tập khí là nói đến những cái gì sâu kín, cù cặn bên trong chúng ta, rất khó bỏ khó trừ. Những loại tập khí vi tế bên trong, ta không thấy đáng dấp nó ra làm sao nên rất khó phát hiện. Nhưng đủ duyên, có điều kiện hoặc do chúng ta sơ hở một chút, nó sẽ ngoi lên. Khi nó hiện ra, chúng ta không tỉnh giác phát hiện được để tiêu dung hoá giải nó đi, dần dần chúng sẽ hiện ra nhiều hơn và dẫn dắt mình đi. Theo Hán tự, chữ “Tập” là nhóm họp, chữ “Khí” là hơi hướm còn tồn đọng lại. Tập khí là những hơi hướm tồn đọng nhóm họp lại, và khi chúng đã kết cấu với nhau thì sẽ tạo ra một xung lực dẫn ta đi theo nó.

Nhân nói về tập khí, tôi nhớ lại câu chuyện này. Một hôm Phật ở tại Tinh xá Kỳ Hoàn, Tôn giả Xá Lợi Phất thấy đức Thế Tôn đi thiền hành, Ngài cũng cùng đi phía sau đức Phật. Bỗng có con chim bồ câu bị con chim cắt đuôi bắt rất gấp. Chim bồ câu liền bay vào cái bóng của đức Phật, tự nhiên nó an lành hết run sợ. Khi bóng của đức Phật đi qua, tới bóng của Tôn giả Xá Lợi Phất đi tới thì con chim lại run sợ, không an lành như được núp dưới bóng của Thế Tôn. Sự kiện này chính ngài Xá Lợi Phất chứng kiến rõ ràng.

Ngài nghĩ “Nói về nghiệp tập, về tham sân si... những thứ này, quả thật trong lòng Ngài không còn nữa vì đã chứng quả A-la-hán rồi. Vậy tại sao con chim bồ câu lại sợ sệt khi đến gần Ngài, nó không an ổn như khi đến gần đức Thế Tôn?” Do đó Ngài đem trình lên đức Phật. Sau khi trình lên, đức Thế Tôn mới nói: “Vì tập khí của ta đã dứt sạch, còn tập khí của các ông chưa hoàn toàn dứt sạch. Bởi vậy nên các loài thú khi đến gần các ông nó vẫn còn sợ sệt”.

Như vậy tập khí gốc từ những chủng sâu dầy, nhiều đời của chúng ta. Đối với các bậc Đại thánh, các Ngài đã thành tựu chánh giác mà tập khí cũ còn chưa hết, chưa hoàn toàn dứt sạch. Thế thì đối với chúng ta như thế nào? Chắc nó dầy lắm, thật là dầy cho nên mình thường sống trong tăm tối. Bây giờ muốn trừ dẹp chúng đòi hỏi chúng ta phải có tâm kiên cường, dứt khoát và phải sáng suốt để bảo vệ gìn giữ tâm tu hành ấy cho đến nơi đến chốn.

Người tu Phật nào cũng phải có trí tuệ sáng suốt mới được. Người xưa nói Tu mà không học là tu mù. Hiện nay trong đạo của chúng ta, có một số vị hành đạo không đúng với chủ trương đường lối của Phật dạy, do đó người bàng quan cho rằng đạo Phật có hiện tượng mê tín dị đoan. Mê tín dị đoan nghĩa là tin mà không biết, tin mà không có trí tuệ, không sáng suốt; từ đó bày đặt ra những hình thức tà vạy làm mê hoặc quần chúng nên gọi là mê tín dị đoan.

Cho nên người tu Phật dứt khoát phải có sự sáng suốt, biết rõ chủ trương đường lối sự tu hành của mình. Không thể tu mà không nhận rõ, không biết pháp tu cũng như công phu tu hành của mình ra sao. Không nên như vậy. Tất cả chúng ta phải có kinh nghiệm, hiểu biết từ sự hỗ trợ của các bậc thiện hữu tri thức trước, kể đó là sự hiểu biết từ kinh nghiệm tu tập của bản thân mình. Muốn vậy bước đầu chúng ta phải học Phật pháp, tìm hiểu, suy gẫm ghi nhớ rồi mới thực hành.

Nói tới điểm này có nhiều vị phê bình: Tại sao tu thiền lại còn phải học? Chúng tôi xin nhắc lại, trước đây Hòa thượng đã từng dạy: Con đường tu học do Ngài hướng dẫn chúng ta là con đường Thiền Giáo đồng hành. Vì vậy người tu thiền trước tiên cũng phải học kinh, luật, luận, sử, ngữ lục... tất cả các lời dạy của các vị thiện hữu tri thức cũng như các Thiền sư. Học để làm gì? Để chúng ta hiểu. Người xưa tu như vậy, làm như vậy, nói như vậy, bây giờ chúng ta cũng tu như vậy, công phu như vậy, sinh hoạt như vậy. Khi học hiểu rồi, bản thân mình hay những người chung quanh ứng dụng tu tập đúng hay sai, ta biết, để trên con đường đạo chúng ta không bị lệch lạc và đạt được kết quả tốt.

Trở về vấn đề tập khí. Muốn trị tập khí sâu dày chúng ta phải có tu. Chỉ có tu mới trị được tập khí của mình. Không thể cầu nguyện mà hết tập khí, cũng không thể làm công kia việc nọ mà hết tập khí, mà bản thân chúng ta phải có công phu. Công phu này bắt nguồn từ chỗ mình nhận hiểu đạo lý, nhận hiểu lời Phật dạy, các bậc thiện hữu tri thức chỉ dẫn. Từ đó chúng ta áp dụng và sẽ được lợi lạc thiết thực. Phần này nói nghe giản dị nhưng thực hành đòi hỏi phải có thời gian nhiều lắm. Đặc biệt chúng ta phải khiêm hạ, sáng suốt mới mong thấy rõ và trị được những tập khí, bảo vệ được công phu tu hành của mình.

Có những tập khí hư xấu mà chỉ ta tự biết, tự nhận thôi. Ta không dám nói với ai hết, kể cả những bậc thầy mà mình nương tựa. Những tập khí ta trình bày được chỉ là dáng dấp bên ngoài thôi. Còn rất nhiều và thật nhiều những cù cặn sâu sắc bên trong, mình chưa dám lộ đầu điểm trán nó trước mặt mọi người, để cầu sự hỗ trợ chỉ giáo của các bậc thiện hữu tri thức, nhằm trị nó một cách quyết liệt nhất. Chỉ khi nào ta bị u đầu chảy máu rồi mới đến trình với thầy con đã lỡ như vậy, như vậy... Khi ấy chuyện đã rồi, còn chỉ dạy được gì nữa. Cho nên chúng ta

thường chỉ trình thầy giải quyết những việc ngọn ngành thôi, chớ nội dung cốt lõi thì không dám trị thẳng. Đó là lý do ta tu hoài mà vẫn không tiến.

Từ đó nghiệm thấy, việc tu hành ta cũng muốn nhưng chưa có thực tâm. Chưa thực tâm để trị bệnh và giải quyết vấn đề sinh tử. Vì yếu đuối nên ta tu học, hành đạo mà còn trong tinh thần lập lờ lập lững. Do đó kết quả thiết thực chúng ta không hưởng được. Người xưa tọa thiền thì được định, chúng ta bây giờ cũng tọa thiền nhưng rất ít người được định. Tại sao? Vì không kiên quyết dứt trừ tập khí. Người xưa cũng là con người, cũng từ cha mẹ sanh, có sự sống như chúng ta ngày nay. Trong tăng đoàn các ngài cũng sống chung đụng, phải đối diện, giải quyết mọi vấn đề theo pháp quy. Chúng ta bây giờ cũng thế. Có điều hồi xưa các ngài được đức Thế Tôn trực tiếp chỉ dạy cách thức tu tập theo từng căn cơ, từng nghiệp tập nên các ngài dễ nỗ lực hơn chúng ta. Tuy nhiên, điều chánh yếu vẫn là sự nỗ lực của tự thân. Các ngài sau khi nhận đề mục thiền quán của Phật rồi, liền vào rừng hoặc đến chỗ nào vắng vẻ, chuyên tâm thiền định, không chạy theo các duyên lự nên công phu dễ thành công. Có nhiều vị chưa đầy ba tháng mùa hạ đã chứng A La Hán rồi.

Còn thì chúng ta bây giờ phát tâm tu hành rất đông, nhưng ít thấy kết quả vì không chuyên tâm như người xưa. Chúng ta bị các việc tạp chi phối nhiều quá. Sáng ra là đi chợ, nấu cơm, sắp đặt việc nọ việc kia, tiếp duyên xúc cảnh đủ thứ. Nghĩa là mình chưa hoàn toàn buông xả nên chưa bình thân an ổn được. Đó là chưa kể còn có những cái mình luôn luôn phải bảo thủ giữ gìn nữa... Duyên lự như vậy thì làm sao dứt trừ tập khí được!

Nói chung trong cuộc sống, trong sinh hoạt này bản thân mình cũng chưa hài lòng với mình nữa, làm sao đối với bạn bè chung quanh ta có thể tha thứ cho họ được. Đó chính là sự tồn tại của tập khí ở bên trong, nó biểu hiện ra ngoài bằng những lo lắng rộn ràng của chúng ta xoay quanh cuộc sống này. Ví dụ ta có một thói quen không thích người khác đi trước mặt mình mà quơ tay, múa chân. Cái không thích đó nằm ở đâu? Trong bụng, cần cổ, đầu gối hay tay chân? Chỗ nào không biết, nhưng bất thần có huỳnh đệ nào đi trước mặt mình mà quơ tay, múa chân là ta tỏ thái độ không thích liền. Đó chính là tập khí. Một lần đi kiểu ấy ta chỉ thấy khó chịu, nhưng nếu hai ba lần liên tiếp là mình tỏ thái độ ngay. Nghĩa là tập có đủ tay, đủ chân, đủ mắt, đủ mũi, đủ lời lẽ để phô diễn ra bên ngoài. Nên biết tập khí chỉ làm khổ nhau mà thôi.

Chư Tổ dạy, ngay khi ông ngồi thiền là Phật hiện ra đó, ta cũng không chấp nhận nữa. Hà huống ngồi đó mà mô xê người này đi cong lưng, người kia đi ưỡn ngực... đủ thứ vấn đề. Qua đó đủ thấy chúng ta còn quá nhiều thứ cù cặn. Tập khí không trừ bỏ được, sẽ mất rất nhiều thời giờ trong đời sống tu hành của mình. Ăn không ngon, ngủ không yên, tiếp duyên xúc cảnh, mọi thứ sắp đặt hằng ngày đều không trọn vẹn, lơ lơ lửng lửng ba mớ, đại khái như thế thôi không có sự tinh táo sáng suốt nào cả. Đó là biểu hiện cho chúng ta thấy bên trong của mình chưa trong sạch, còn cặn bã của tập khí nhiều lắm.

Như câu chuyện con chim bồ câu núp dưới chiếc bóng của đức Thế Tôn, nó hoàn toàn an ổn là vì Ngài đã dứt sạch tập khí từ vô lượng kiếp. Cũng là người, là

cái bóng mà rõ ràng bên trong của đức Phật đặc biệt hơn chúng ta. Đó là công đức của vị đã dứt sạch mầm tạo nghiệp, không gây nhân đau khổ cho chúng sanh nữa nên chúng ở gần bên hoàn toàn được an ổn, không chút sợ hãi. Suy nghiệm hình ảnh này chúng ta sẽ thấy, trong cuộc sống hằng ngày mình còn nhiều chủng tử nghiệp xấu đối với chúng sanh quá, những thứ cù cặn bên trong còn dày đặc, nên con chim gần ta chưa thể tin tưởng rằng mình không bao giờ làm thương tổn nó.

Hòa thượng thường dạy, gốc của sự khổ là vọng tưởng điên đảo. Ở đây tôi muốn nói nguồn gốc của sự khổ là cái thấy ở bên ngoài, không chịu khiêm hạ nhìn lại mình. Người khiêm hạ nhìn lại mình sẽ có nhiều lợi ích, trước nhất là thấy được tập khí của mình. Hoặc ham ăn, ham ngủ, ham nói dóc, ham làm việc tào lao... Ta phải thấy được những tập khí xấu của mình mới có thể khắc trị nó. Ví dụ mình ham ngủ, nhưng nhớ Phật dạy người tu không thể ham ngủ, vì đó là nhân của si mê, nó sẽ dẫn mình đi vào loài súc sinh. Biết rõ như vậy nên phải lo trị bệnh tham ngủ của mình. Tìm cách nào đó cho tỉnh, uống cà phê đen hoặc rửa mặt, chấn chỉnh tinh thần cho mạnh.

Trong sử kể lại, ngày xưa Tôn giả A Na Luật nghe Phật thuyết pháp thường ngủ gục. Một hôm Phật quở: “Này A Na Luật, ông tu để làm gì, ai bắt buộc ông tu? Có phải bị nợ nần nhiều nên ông trốn đi tu không, hay vì làm thuê làm mướn vất vả quá mà đi tu?” Tôn giả thưa: “Bạch Thế Tôn! Không. Con là một hoàng tử nên không làm thuê làm mướn vất vả, cũng không thiếu nợ ai hết. Con tu là vì cảm kích công đức của Thế Tôn, giáo pháp của Thế Tôn”. Phật bảo: “Ông tu vì muốn hiểu biết giáo pháp để khai mở trí tuệ cho được giác ngộ. Vậy tại sao lúc ta đang dạy, ông lại ngủ?”

Từ đó Ngài ăn năn hổ thẹn, nhất định không bao giờ nhắm mắt nữa. Bằng mọi cách Ngài thức để công phu, đến nỗi hai con mắt sưng vù và sắp hư. Trước tình trạng ấy, đại chúng trình lên đức Thế Tôn. Phật đến thăm và hỏi: “A Na Luật, hai con mắt của ông bây giờ thế nào rồi?” A Na Luật thưa: “Bạch Thế Tôn, vì con không hề chớp mắt nên hai con mắt đau”. Bấy giờ đức Phật mới kêu thần y Kỳ Bà đến trị hai con mắt cho A Na Luật. Kỳ Bà xem qua và thưa với Thế Tôn: “Đức Phật lệnh cho A Na Luật ngủ một chút thì con mới trị được. Nếu Tôn giả cứ mở mắt hoài như thế này thì con đành bó tay”. Đức Thế Tôn mới bảo: “A Na Luật! Ông dụng công vừa phải thôi, cần phải nhắm mắt nghỉ một chút, Kỳ Bà mới có thể cứu chữa đôi mắt cho ông được”.

Tuy Phật khuyên thế, nhưng vì trót đã thệ nguyện nhất định không bao giờ nhắm mắt nữa nên A Na Luật dứt khoát không ngủ, dù chỉ một chút. Ngài tuyên thệ “Nếu chưa chứng Thánh quả, thà là tan thân mất mạng, chớ không thể để cho cái tập khí ham ngủ này kéo lôi”. Bởi dứt khoát như vậy nên hai con mắt của Ngài bị hư. Nhưng bù lại, sau đó không lâu Tôn giả chứng được Thánh vị nên không cần đến hai con mắt phạm tục ấy nữa, vì Ngài đã có thiên nhãn. Với lực dụng và thần thông của Lục thông, Ngài có thể thấy suốt vũ trụ vạn hữu rõ ràng như thấy một trái xoài trong lòng bàn tay, không bị một chướng ngại nào. Trong mười vị đại đệ tử của đức Phật, Ngài được danh hiệu là thiên nhãn đệ nhất.

Mùi vị ham ngủ thì chúng ta đã có nếm, nhưng phần đầu dứt trừ nó để đạt được kết quả sau cùng như ngài A Na Luật thì chúng ta không dám sấn sụt. Vì thiếu năng lực, thiếu gan dạ nên chúng ta thua giặc tập khí ham ngủ, danh từ chuyên môn trong nhà thiền gọi là ma hôn trầm. Nói thật, trong huynh đệ mình chưa ai dám làm như Ngài. Ngồi thiền cũng ngồi, buồn ngủ cũng tìm cách này cách kia để vượt qua, nhưng ta chưa bao giờ dám thệ nguyện như Tôn giả A Na Luật, do đó đời này không chứng Thánh quả là phải rồi.

Đức Thế Tôn cũng thế, lúc ngồi dưới cội Bồ-đề, Ngài tuyên thệ “Nếu như không đạt được quả Vô thượng thì nhất quyết không rời khỏi chỗ ngồi này”. Ta cũng chưa có năng lực của người tráng sĩ chặt tay ở Tung Sơn thuở nào để cầu pháp an tâm. Thành ra mình vui vẻ trong giai đoạn bình thường thôi, chớ khó một chút là nhăn mặt, là khóc rồi. Tu khổ quá tu sao tu được! Ai nấy cũng chuẩn bị cơm gạo trong cốc của mình thật đầy đủ, thân thể thật khỏe mạnh, đi bác sĩ hàng tháng theo dõi sức khỏe coi thử có bị u nhọt ở đâu không? Quanh năm suốt tháng ta loay hoay với bao nhiêu đó việc, nên công phu không dám sấn sụt. Nói ra điều này thật là xấu hổ!

Vì không nhận diện hết tập khí, hoặc đã nhận được nhưng không đủ bản lĩnh dứt trừ nó nên việc tu hành của mình luôn gặp chướng ngại. Bây giờ làm sao chúng ta tự phần đầu sấn sụt công phu, thời giờ không đợi chờ chúng ta đâu. Tất cả ai rồi cũng bước tới tuổi xế chiều, gần kề cái chết mà mình không thể làm chủ được thì có phải nguy khốn chưa? Thế nên chúng ta còn đợi gì nữa mà không chịu gắng gổ tu, còn đợi gì nữa mà không lòi đầu những nghiệp tập xấu dở trong tận cùng tiềm thức ra để đối trị nó. Ngay bây giờ mình không an tâm, không làm chủ được, đợi đến lúc hấp hối huynh đệ đến hộ niệm làm sao làm chủ được.

Làm chủ được hay không là ngay bây giờ đây, đối với cơm ăn áo mặc, mọi thứ chung quanh, ta đã buông xả được hết chưa? Ta có mạnh dạn dứt khoát cắt đứt những thứ đó thì đảm bảo ngày ra đi tự tại. Lúc đó dù huynh đệ có đến hộ niệm hay không đến mình cũng an nhiên vui vẻ mà đi thôi. Các Thiền sư ngày xưa sống một cuộc đời rất an nhàn, bỏ nhà không nhà học đạo, lấy trăng sao làm ngọc bích. Không cần phải người thân, không cần phải lễ lượt gì cả. Muốn được như vậy, ngay bây giờ chúng ta phải trị được tập khí. Có năng lực, có nội tại vững vàng chúng ta mới sống an vui và chết nhẹ nhàng thanh thản.

Lúc khỏe mạnh sức lực dồi dào, chúng ta không nỗ lực tu, đến khi già yếu việc làm chủ khó khăn vô cùng. Ăn cơm còn phải có người đút nữa thì làm sao tự chủ nổi với cái thân này, việc công phu nói đến làm chi nữa. Đã như vậy thì đường đi phía trước mờ mờ mịt mịt, không biết sẽ ra sao. Cho nên bây giờ phải tích cực cho chính mình, phải làm sao hoàn bị giai đoạn xuất gia của mình. Cho nên tuổi trẻ là giai đoạn tốt nhất để thực hiện công phu tu tập. Quý vị đừng để trẻ, trẻ thêm một chút nữa là khó khăn vô cùng.

Ngoài việc điều thân, còn phải loay hoay với ba mớ vọng tưởng luôn quấy rầy mình nữa. Nội tập khí của thân thôi trị cũng đã hết hơi, lại còn vọng tưởng tức tập khí của tâm. Dính dấp vào cuộc đời này quả thật có sung sướng gì! Đó là chưa kể đến tập khí tà kiến. Tà kiến là mình chưa hoàn toàn làm chủ đối với các pháp,

mà tự thấy dường như mình đã làm chủ được. Nếu trong giai đoạn tu hành chúng ta rơi vào tà kiến như vậy thì việc tu thật cách xa muôn trùng. Nói gọn lại tà kiến là cái thấy sai lệch đối với chánh pháp.

Người tà kiến tuy miệng nói hết thấy không, nhưng đối cảnh thì thường bị ràng buộc, người này thường tự gạt mình một cách nguy hại mà không biết. Đây cũng là một loại tập khí. Kiểm lại công phu của mình, chúng ta thấy đối với giáo lý thông thường ta có hiểu, có nhận; đối với công phu ta có tu chút chút. Nếu không bị động bởi những thứ chung quanh, cũng không chấp vào công phu, sống bình thường không thấy mình chứng đắc gì hết. Người có công phu tu hành như thế hy vọng hóa giải được những tập khí về tà kiến, nếu có.

Có những niệm dấy khởi ta buông được, nhưng có những niệm ta buông hoài không được. Tại sao? Các Thiên sư thường dạy nêu trí tuệ chưa hiện tiền thì chúng ta chưa trị được những vọng tưởng đó. Quả thực như vậy, chỉ khi nào trí tuệ đầy đủ mới hóa giải được chúng. Ví dụ có người chửi cha mình, nếu không có trí tuệ ta sẽ dùng lời gì đó nặng nề hơn để chửi lại họ. Bây giờ học Phật rồi, ta đừng dùng cách ấy mà hãy nhớ trong kinh Phật có dẫn sự kiện: Như người không có răng, lưỡi ngắn, môi dưới sứt chỉ còn một phần ba thôi, họ sẽ phát âm chửi cha mình ra sao? Nếu phân tích cụ thể như thế, chúng ta sẽ giảm đi ý muốn trả đũa lại. Kể đến cộng thêm công phu buông bỏ nữa thì ta có thể giải quyết ổn thỏa được. Cách này gọi là dùng trí dụng để tu.

Trí dụng kiếm ở đâu? Không thể kiếm ở đâu được hết, mà tự nơi chúng ta có cái nhìn, cái hiểu, sau đó áp dụng giải quyết mọi việc trong cuộc sống hằng ngày, gọi là trí dụng hiện tiền. Phật nói trí này tất cả chúng sanh đều có sẵn, không phải đầu tư vốn liếng bên ngoài, nhưng với điều kiện vọng tưởng lắng xuống nó mới hiện ra. Nếu chúng ta không phát huy được trí dụng này thì phiền não dài dài, tu hành ít có niềm vui lắm. Cứ hướng theo hình thức bên ngoài, chúng ta sẽ thấy cuộc đời này bất bình đẳng, từ đó mình sanh ưu não. Ngược lại dùng trí quán để xem xét thật tướng của các pháp thì tất cả chúng sanh đều bình đẳng như nhau. Thế nên người nào tu sống với trí quán này sẽ thấy cuộc đời an vui, hạnh phúc, không có gì phải muộn phiền thất vọng cả.

Hiểu như vậy tự nhiên sẽ hóa giải được tất cả. Tự quay lại nhìn sâu hơn một chút là cái nhìn trí tuệ, không bị tác động bởi hình thức bên ngoài. Nhà thiền gọi đây là phản quan, từ hiện tượng quay về bản thể, cái nhìn này rất cần thiết đối với chúng ta. Nếu chúng ta có được cái nhìn như vậy sẽ được bình an.

Mỗi người đều có viên trạch thường tính, tức là chơn tâm. Cái viên trạch thường tính đó rất sáng suốt, được cất trong một ngôi nhà có sáu cửa. Ánh sáng đó phát ra sáu cửa tức là sáu căn của chúng ta. Muốn tiếp nhận cái viên trạch thường tính này thì phải ngay cửa sáu căn nhìn lại, mới nhận được cái viên trạch thường tính hay là chơn tâm của mình. Người nào từ sáu cửa mà nhìn ra ngoài thì chỉ thấy đường sá, xe cộ, người thương, kẻ ghét, chớ không thấy được chơn tâm của mình. Đó là tinh thần Phật dạy trong kinh Lăng Nghiêm.

Các Thiên sư đời Trần dạy chúng ta phải phản quan tự kỷ. Chỉ một chút xíu đó thôi, hễ nhìn ra là khổ đau, là tạo nghiệp. Còn quay lại chiếu soi chính mình

thì sẽ được bình an. Lục tổ Huệ Năng khi được Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang tới chỗ “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, Ngài liền nhận ra mình có cái tâm chân thật. Ngay lúc đó Ngài quá thích thú thốt lên “Đâu ngờ tánh mình xưa nay thanh tịnh, đầy đủ, rộng sáng...” Tánh giác này tất cả chúng ta đều có đủ. Nhưng có điều mình cứ lao ra ngoài nên không nhận được của báu trong nhà, chỉ biết ở bên ngoài. Của báu trong nhà không biết, chỉ biết chuyện tào lao của người khác thì cái biết đó không cần thiết, nếu không nói là vô ích.

Từ những hiện tượng trong cuộc sống này, nếu chúng ta quay trở về nhận lại cái chân thật của mình, thì lợi ích trước nhất là trị được các tập khí. Kế đến là loại trừ được tà kiến. Người tu trước nhất là tu cho mình, sửa đổi những gì không hay trở thành hay tốt. Tu sửa mình được rồi mới dạy bảo hay chỉ dẫn người khác tu được. Cho nên ngày nào trị được những bệnh của mình, ngày đó tôi rất vui. Dù cho nhà bếp nấu ăn rất dở, ăn không được gì hết mà tôi cũng thấy vui thích trong lòng. Ngược lại ngày nào có những cù cặn bên trong, mình không đủ lực trị nó thì ngày đó dù mâm cao cỗ đầy, ta vẫn thấy bất lực và buồn bã làm sao!

Đối với tất cả những dấy niệm, ta làm chủ được, không bị nó kéo lôi thì thích thú, cuộc sống của mình có giá trị. Còn mình chưa làm chủ được, bên ngoài bị ngoại cảnh kéo lôi, bên trong bị vọng tưởng vây khốn bởi quá khứ, vị lai, thương ghét tốt xấu v.v... lúc đó cuộc sống của ta thật khốn đốn, thật vô nghĩa, không có giá trị gì cả. Khi sống đã như vậy, nói gì đến lúc chết, tâm thần hôn mê hoảng loạn, khổ sở gấp muôn ngàn lần.

Huynh đệ chúng ta khi họp lại năm bảy người, trước sau gì cũng có chuyện phê bình anh này, chỉ trích chị nọ. Ít khi nào ta gặp nhau chỉ ngồi cười thôi, giữ tâm thanh tịnh không thị phi chuyện thế sự bên ngoài. Ai vừa nêu ra vấn đề gì là ta có ý kiến ngay, phải thế này, thế kia v.v... Thời gian kéo dài bao lâu ta cũng có đủ ý kiến để đóng góp như thường. Tôi mong sao có một buổi họp mà tất cả huynh đệ chúng ta ngồi yên nhập định bất động thì hay biết mấy. Hiện tại bây giờ chúng ta còn ồn ào quá.

Người huynh trưởng dẫn đạo chúng ta thường là người luôn luôn trực tiếp bên mình để hướng dẫn, nâng đỡ chúng ta cùng tu. Người đó không có môi mép, không có răng lưỡi, không phát biểu gì cả mà việc nào cũng đã thông hết. Người này chấm dứt mọi tà kiến. Chúng ta đừng quan niệm tà kiến là những ma mị bên ngoài. Tà kiến là những cố chấp của mình, cho thế này, thế nọ, phải như vậy, như kia. Bỏ hết những ý kiến riêng tư, đừng nghĩ mình là gì hết thì sẽ yên thôi. Như vậy mới giữ được công phu tu hành.

Cho nên chúng ta phải luôn luôn soi rọi xét nét, quán chiếu, công phu thường xuyên. Để tiêu hóa những phiền não, để lòng mình mát mẻ thanh lương như nước cam lồ từ cành dương của Bồ-tát Quán Thế Âm rưới lên, chúng ta phải trừ bỏ hết tập khí mới được. Người tu chúng ta luôn luôn mong mỏi mình được an tâm, vui vẻ mà những điều kiện chính để được an tâm không có thì làm sao thành tựu được sở nguyện. Cho nên chúng ta phải sáng suốt, bình tĩnh trị các tập khí của mình, phá vỡ những quan niệm sai lầm đối với chung quanh, đối với các pháp. Chủ yếu hằng ngày chúng ta hóa giải những bực bội trong tâm bằng sự thiền định

liên tục. Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền, nói nín động tịnh gì cũng thiền. Định cao của người tu thiền là như vậy.

Người có trí tuệ là có năng lực chủ đạo phá tan vô minh. Người có trí tuệ là người đơn độc không bằng hữu, tức là đối với tất cả các pháp không dính mắc, không để nó kéo lôi. Đơn độc là như vậy, không bằng hữu là như vậy. Trên đoạn đường tu hành của chúng ta, sự siêng năng liên tục cũng là một yếu tố mang tính quyết định. Tức là gan dạ và quyết tâm là điều không thể thiếu được. Có nhiều vị nói với tôi: “Tại sao con tu hoài mà cũng trầm trầm như vậy?” Tôi có thể đáp ngắn gọn là tại vì chưa hội đủ điều kiện.

Có ai dám nguyện với Phật cho con nhiều phiền não không? Không ai gan như vậy đâu. Ta cứ tạo duyên cho mình phiền não, rồi lại nguyện với Phật cho con hết phiền não, làm sao mà hết được? Nguyện một đường làm một nẻo, thì đáp số không bao giờ đúng với sở nguyện của mình. Cho nên tôi định nghĩa con người trí tuệ hơi lạ một chút: Người trí tuệ là người sống cô độc, không có bằng hữu. Người tu chúng ta phải sống cô độc nghĩa là quay trở lại với chính mình, không tiếp duyên bên ngoài. Chớ không phải nói sống cô độc rồi huynh đệ về đóng cửa hàng rào hết, như vậy không được. Đơn độc ở đây là đơn độc trong tâm của mình. Những hình ảnh thuộc về quá khứ không thật, quên đi! Những hình ảnh của tương lai chưa đến, đừng nghĩ tới. Sống với chính phút giây hiện tại này, đây gọi là sống đơn độc, sống trí tuệ. Kinh Kim Cang, Phật đã dạy: “Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được”. Thành thử ở đây những dấy niệm nào của quá khứ, ta biết đây là bợn bằng hữu đã qua rồi, cho nó đi luôn. Những ước vọng của tương lai, ta biết nhóm này là bằng hữu của vị lai chưa có mặt, cho nó đi luôn thì yên. Người tu có trí tuệ là phải như vậy, chứ không phải học nhiều kinh, có nhiều bằng cấp. Sống được với tánh giác, làm chủ được mình, là người có trí tuệ.

Định của người có trí tuệ là luôn tỉnh sáng trong mọi sinh hoạt, nấu cơm, đi chợ mua thức ăn, đổ bê tông, làm tất cả công việc mà bất động, không bị lay động mới là định của thiền tông. Trong kinh nói “Na-già đại định” chính là định này. Không phải chúng ta đóng cửa, bịt lỗ tai, che mắt lại, không thấy bên ngoài, không tiếp xúc với ai hết mới được định. Ở trong đại định vẫn sinh hoạt bình thường. Tu nghĩa là sửa đổi cách thức sống của mình như thế nào để đừng bị những lăng xăng bên ngoài kéo lôi, phiền não lăng yên, mọi thứ đều an bày, các pháp là như thế.

Như như bất động đối với các pháp nghĩa là, mình là mình, các pháp là các pháp. Tôi không để tâm vọng chạy theo cảnh duyên, dính mắc cảnh duyên. Cũng không cho cảnh duyên kia ập vào tâm, làm đảo lộn cái bình thường. Tâm, cảnh không dính nhau là như như, là thiền. Chúng ta tu để được như như. Hòa thượng thường dạy chớ vọng tưởng, là đừng bị những cảnh duyên bên ngoài kéo lôi. Bỏ thân này mà chúng ta chưa được như như, thì sẽ bị nghiệp kéo lôi. Chính nghiệp kéo lôi đó là gốc của luân hồi sanh tử.

Như trong kinh Nhân Quả nói: Người gây tạo những nghiệp nhân bất hảo, khi mất thân này, họ thấy bên ngoài trời chuyển sấm sét giống như cọp beo gầm hét rền trời. Họ sợ quá, không biết chạy đi đâu, cuối cùng thấy những chỗ lùm bụi

liền núp vào đê trốn. Vừa vào đó liền thọ thân sau. Mở con mắt ra thì thấy mình mang lông đội sừng hoặc làm bò làm chó, làm rắn làm rít... khổ sở vô cùng. Kinh nói Bồ-tát cách Âm còn phải ngán, huống là chúng ta không chuẩn bị gì hết, tới lúc đó nguy khôn biết bao!

Các huynh đệ thử nghiệm xem mình có được như như không? Hằng ngày công phu tu hành như thế nào? Chúng ta phải chuẩn bị thôi, ông ba mươi không cho hẹn đâu. Những ai ngoài năm mươi, sáu mươi thì thấy gần đến giai đoạn thọ thân sau rồi đó, không chịu chạy nước rút, còn chần chờ gì nữa. Nếu hồi trước có thiếu nợ ai thì bây giờ vui trả hết đi, người ta đòi mình còn mừng nữa, chớ đừng sợ. Trả hết nợ mới thành thoi hưởng an vui chứ! Trong kinh Địa Tạng, Phật nói rõ ràng, chí thân như cha với con gặp nhau cũng là nghiệp. Của ai nấy mang, công ai nấy chịu, đường ai nấy đi, chớ không giúp đỡ gì cho nhau được.

Trả hết nghiệp rồi đừng huân nghiệp mới nữa, là một cách trừ tập khí. Luôn sống trong tỉnh thức, việc nào ra việc ấy. Đừng có ăn cơm mà trong đầu nghĩ lung tung, miệng tụng kinh mà tâm chơi rong. Có lời nguyện thế này “Tâm tôi rộng lớn, siêng năng không biết lười ắt sẽ làm lửa tắt. Nếu như chết thân này mà chưa làm tắt được ngọn lửa, thì thọ thân sau quyết làm cho tắt mới thôi”. Lửa đây là lửa phiền não, những vọng tưởng lăng xăng. Chúng ta tu hành nguyện đời này và mãi mãi, phải dập tắt cho được lửa phiền não thì mới yên lòng.

Lại nguyện thế này nữa: “Nguyện con có chí hành đạo, quyết vượt mọi khó khăn, dù phải dời núi lấp biển cũng không bao giờ thối chí. Lời nguyện này xuất phát từ những ý chí quyết liệt để giúp cho chúng ta có sức mạnh phá tan phiền não, dứt trừ sạch tập khí, thẳng bước tiến đạo. Nếu nguyện thì nên nguyện như thế, chớ không thể nguyện lúc tôi chết có mẹ tôi đứng bên, có người thương tôi tới khóc, bạn bè phúng điệu hương hoa đèn nến thật nhiều... Minh nguyện nương từ lực Bát-nhã của chư Phật mà hành đạo cho đến khi nào đạt đạo mới thôi!

Sau cùng tôi nhắc lại lời Hòa thượng dạy chúng ta: Người tu phải có tâm kiên cố, trường viễn, có ý chí mãnh liệt, không biết mệt mỏi. Hằng ngày thường dùng trí tuệ quán chiếu lại mình, xem công phu có tiến bộ không? Có ý chí, có quyết tâm, có trí tuệ thì nhất định chúng ta tu hành sẽ thành công.



TU TRONG MỌI KHÓ KHĂN

Hôm nay chúng tôi nói về những thuận, nghịch duyên của người tu. Trong số chúng ta, có vị nhờ thuận duyên mà tu tiến, nhưng trái lại có vị lại nhờ sự thúc đẩy của nghịch duyên mà mau thành đạo. Tùy duyên của mỗi người, không ai giống ai hết. Điều này cũng đã được ghi lại trong sử sách, trong hành trạng của các Thánh tăng, các Thiên sư thuở xưa. Cho nên đề tài hôm nay là Tu trong mọi khó khăn.

Lạ một điều, bên cạnh những người gặp thuận duyên tu tiến lại có một số người bị chết chìm trong thuận duyên. Vì thế thuận duyên với những người này trở thành chướng ngại, khiến họ không tu được nữa. Phần nhiều thuận duyên hay dẫn người ta làm những việc sai trái, còn nghịch duyên lại giúp người có ý chí tiến tu phấn đấu. Điều này tôi nghĩ trong huynh đệ chúng ta, chắc ai cũng có chút kinh nghiệm cả.

Lịch sử thiền tông ghi lại rất rõ hành trạng của các Thiên sư xuất cách lỗi lạc, trong số đó có ngài Từ Minh. Lúc còn đi hành khước học đạo, Ngài đã cùng với các bạn đồng môn đến tham vấn Thiên sư Phần Dương. Ngài Phần Dương bình nhật nổi tiếng lạnh như băng. Thiền tăng nào sơ hở một chút là Ngài chửi mắng rất thậm tệ, rất thô tục. Vì thế những vị cùng đi với Từ Minh chịu không nổi, do đó đa số đều từ giã đi nơi khác. Riêng ngài Từ Minh dứt khoát đến đây phải sáng được việc lớn mới đi. Thiên sư Phần Dương cũng chẳng nói gì. Việc ai người đó làm.

Kham nhẫn cuộc sống tu hành khó khổ, ban ngày làm việc, ban đêm tọa thiền. Những cơn buồn ngủ ập đến ngài Từ Minh rất khổ sở. Do đó Ngài chuẩn bị cây dùi nhọn để sẵn bên cạnh đui. Mỗi lần buồn ngủ hơi gục một chút, Ngài liền lấy dùi đâm vào bắp vế non một cái, cơn buồn ngủ tản hồn đi ngay. Nhờ thế mà ngài xong việc ở chỗ Thiên sư Phần Dương.

Trong pháp hội có năm bảy trăm chúng, một hôm ngài Phần Dương kêu thầy Tri sự đến nói: “Bữa nay đám giỗ bố tôi, ông lấy ít tiền mua rượu thịt về đây cho tôi cúng ông già”. Tri sự không dám trái lời, liền theo ý của Ngài mà làm. Cúng kiến Ngài mời các vị chức sắc như Trụ trì, Tri sự ở trong viện, lên nhận một bữa với Ngài cho vui. Bảy giờ không ai dám lên ngôi hết. Sau bữa tiệc, số chúng đi gần hết, chỉ còn lại có mấy người, trong số đó có ngài Từ Minh. Hòa thượng vui vẻ nói: “Ta chỉ cần tốn một ít tiền rượu thịt mà tổng cổ được hết cả bọn mấy trăm người chẳng ra gì. Bây giờ chỉ còn lại hạt chắc”. Quả thật đúng như vậy, các vị còn lại sau này đều kế thừa tổ vị. Thiên sư Từ Minh ngộ đạo như vậy, nên sau này giáo hóa đệ tử cũng y như vậy. Thiền tăng nào không chịu nổi những lời lẽ thô bạo của Ngài là đi hết, không thể sáng được việc lớn của mình.

Câu chuyện trên cho chúng ta thấy, đôi khi nghịch duyên có sức thúc bách mạnh nhất để mình ngộ đạo. Đó là hình ảnh Thiên sư Phần Dương đối xử với ngài Từ Minh. Sau này Thiên sư Từ Minh cũng đối xử như thế với ngài Huệ Nam và đưa Huệ Nam lên ngôi vị Tổ sư truyền thừa tông phái Lâm Tế cho đến bây giờ. Hiện nay hầu hết Tăng Ni, Phật tử Việt Nam chúng ta từ Bắc chí Nam đều tu hành

kế thừa theo hệ Thiên tông Lâm Tế, nên ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng của các vị này.

Chúng ta nên biết, người tu đâu phải lúc nào cũng gặp việc thuận ý. Tới chùa được một lần, bắt đầu ở nhà sanh nhiều việc, kỳ sau đi không được nữa. Như trong pháp hội này có vị tôi quen mặt, nhưng cũng nhiều vị mới đi lần đầu, không biết lần sau có lặn luôn không? Chúng ta nên nhớ, thuận hay nghịch duyên đều giúp cho chúng ta thành tựu đạo nghiệp. Nếu mình biết cách tu, chịu đựng nhẫn nhục thì nhất định thành công thôi.

Người có quyết tâm tu phải tỉnh táo lắng nghe, suy xét cho thật kỹ rồi mới nói, mới làm. Được vậy người ấy tu đạo một cách dễ dàng. Không ai sống trên đời này cũng gặp việc thuận hết. Ngay cả đức Phật là vị Giáo chủ của chúng ta cũng có chuyện bất như ý. Lúc Ngài còn làm Hoàng tử, có cung điện mùa mưa, cung điện mùa nắng, người hầu kẻ hạ không thiếu thứ chi, nhưng Ngài vẫn không vui. Trong lòng cứ ray rứt, băn khoăn về số phận sanh, già, bệnh, chết của con người. Bởi vậy cuối cùng ngài quyết định vượt thành xuất gia. Để làm gì? Để tìm cái thực sự an ổn.

Muốn được thật sự an ổn, ta phải tìm nơi chính mình, từ trong khó khổ mà thành công. Vì vậy đức Phật đã quyết định rút bỏ tất cả, nào là tình thương của Phụ hoàng, của Da Du, của mọi người thân, nào là danh vọng, quyền lực... Ngài đều cắt đứt, dứt khoát đi tìm con đường cho mình, làm sao để được bình yên thực sự.

Trong cuộc sống này có gì an ổn đâu, chúng ta được cái này thì mất cái kia. Như một bữa ăn, có món canh vừa ý thì món kho hơi mặn rồi, hoặc món ăn nào cũng vừa ý nhưng ăn vô lại bệnh, không làm sao vừa lòng chúng ta hoàn toàn 100%. Bởi vì ngay trong lòng chúng ta không ai yên hết, nếu yên chắc mình đã thành Phật hết rồi. Người được yên ổn nhất, nhiều lắm cũng 80% thôi, còn lại 20% để dành cho những việc bất như ý. Nào là con cái hư hỏng, tiền bạc mất mát, rồi xe hư, nhà cửa hư... đủ thứ chuyện tào lao trên đời. Nhưng từ những thứ không như ý này, nếu chúng ta biết tu, biết phấn đấu thì ngay đây mới thấy giá trị của cuộc đời, giá trị của đạo lý. Bởi không như ý nên chúng ta mới tu. Tu để làm gì? Để tìm sự an ổn, một sự an ổn do chính mình gây dựng cho mình.

Ví dụ bữa ăn hôm nay món kho mặn quá, thay vì ta rầy con rầy cháu hao hơi tổn tiếng, bây giờ mình chỉ cần ăn ít lại một chút thôi là hết mặn ngay. Tự mình tìm sự an ổn, tìm cách hóa giải cho cuộc sống yên vui. Đó là ta làm chủ được mình. Phật dạy không có sự an vui nào mà không do chính ta sắp đặt cho mình. Phải dám nhìn lại mình, dám buông bỏ phiền não mới tìm được an ổn cho chính mình. Chiếc phao để chúng ta vượt qua được tất cả khó khăn chính là tâm mình, trí tuệ của mình. Đứng trước những rắc rối, khó khăn, đòi hỏi phải có trí tuệ sáng suốt mới giải quyết được.

Tu hành không được hện, việc gì có thể làm được ngày hôm nay, ta làm ngay. Ví dụ kỳ này muốn đi chùa thì cứ đi, đừng tính tới tính lui “hôm nay ở nhà có chút việc, thôi để kỳ sau”. Biết đâu kỳ sau công việc còn nhiều hơn nữa hoặc bệnh hoạn không đi được. Tu hành là phải biết cách tự an ổn, tự hóa giải cho mình

ngay bây giờ, không được hẹn để từ từ sẽ tu. Từ từ tu thì phiền não còn hoài. Phật dạy mỗi người là cần đảo an ổn nhất cho chính mình. Mọi sự yểm trợ chung quanh chỉ là những phụ thuộc thôi, bản thân chúng ta phải tự giải quyết lấy.

Chỉ như việc nhức răng, đau đầu mà không ai có thể thay thế được cho mình, huống chi những thứ khác. Lúc nhắm mắt, xuôi tay theo nghiệp thọ sanh, đau đớn khổ sở không cùng, đâu có ai thế được cho ta. Vậy nên ngay bây giờ phải sớm thức tỉnh siêng tu, giải quyết việc của mình. Chúng ta nhớ như thân ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của đức Phật cuối cùng cũng phải chịu tan hoại theo luật vô thường. Tất cả các pháp hiện hữu này đều như vậy. Bây giờ nếu mình không sáng suốt sử dụng thân này, phương tiện này để tu tạo các công đức, đời sau mất thân không biết sẽ ra sao. Cho nên người biết tu không ỷ lại, không hẹn hò, tự mình đầu tư vào việc tu hành. Đó là người khôn ngoan biết lo xa.

Quý vị đừng nghĩ rằng người xuất gia gặp thuận cảnh hoàn toàn, làm sao thuận cảnh hoàn toàn được. Khó lắm, thuận cái này thì không thuận cái kia. Diện mạo hơi sáng sửa một chút thì tinh thần yếu kém. Kẻ ham đọc sách thì con mắt cận thị, người lười biếng thì lại sáng mắt. Chúng sanh luôn luôn sống trong cảnh bất như ý. Tuy nghịch cảnh nghịch duyên như vậy, nhưng nó lại giúp chúng ta tu hành được. Vì thế phải biết tu trong nghịch cảnh, trong khó khăn, đừng mong đợi hoàn cảnh thuận tiện mới tu thì sẽ không kịp đâu.

Chúng ta còn sống thế này người ta thương, có thể tới nắm tay vuốt tóc mình, nhưng tắt thở một ngày thôi, đồ ai dám tới gần? Sợ ma. Ma đó là ai? Là cha là mẹ mình hoặc ông nội ông ngoại, chứ có ai lạ đâu. Cho nên con người sống với nhau còn thiếu thật lòng. Bây giờ chúng ta là Phật tử, biết tu rồi phải tập sống lại.

Trong quyển Sơn Cư Bách Vịnh của Thiền sư Tông Bản, tôi có thêm chú một trăm bài thơ ở núi của Ngài. Năm 13, 14 tuổi Ngài sống chung với một người cậu. Hai cậu cháu rất thân tình, vì ông cậu không có gia đình. Họ sống đời thanh đạm, cũng đi chùa, đọc kinh, nghiên cứu sách Phật. Một hôm bỗng Ngài thấy ông cậu nằm im xuôi tay, kêu hoài không dậy. Mẹ Ngài bảo “Cậu con đã chết”. Lúc ấy Ngài chẳng biết chết là gì, nên hỏi lại mẹ: “Chết là sao?” Bà mẹ xúc động quá, không biết nói sao nên đành im lặng. Sau khi đám tang đã xong, bà mẹ thường thỉnh chư tăng đến nhà cúng dường.

Hôm đó, thấy một vị Tỳ-kheo hình dung thoát tục, rất ung dung thanh thản, Ngài liền hỏi vị ấy tu là sao? Thầy trả lời: “Tu là tìm cách giải quyết vấn đề sinh tử.” Hỏi: “Vấn đề sinh tử là gì?” Thầy giải thích sanh tử là sanh ra rồi chết đi, cứ thế tiếp nối mãi. Một khi thở ra mà không hít lại là tử. Ai sống trong cuộc đời này mà không bị động, không chạy theo những cảnh bên ngoài thì kẻ ấy không còn khổ sở bởi vấn đề sanh tử nữa. Nghe có lý quá, Ngài liền xin theo vị tăng tu. Bà mẹ rất thương con nhưng vì hiểu đạo nên cũng đồng ý cho Ngài xuất gia. Đó là duyên xuất gia của ngài Tông Bản. Thời gian sau Ngài sáng được việc lớn và có viết quyển Sơn Cư Bách Vịnh rất hay.

Tôi kể câu chuyện này để thấy rằng đôi khi nghịch duyên giúp chúng ta tu tiến rất nhanh. Cho nên chúng ta đừng bao giờ bị lui sụt bởi nghịch duyên. Hầu hết ai cũng gặp nghịch duyên nhiều hơn thuận duyên, đó chính là cơ hội để ta tu tiến,

đừng sợ, đừng bỏ qua. Phải phấn đấu tu trong nghịch duyên. Như tôi đã nói, Thiên sư Huệ Nam là một Thiên sư mô phạm, Ngài là người điềm đạm, mẫu mực. Cho nên khi gặp ngài Từ Minh nói ra những thô tháo, mắng nhiếc, Ngài sanh bất bình ngay. Nhưng thành công là nhờ Thiên sư Từ Minh biết khai thác chỗ nghịch duyên này, từ trong đó đưa Huệ Nam thoát ra khỏi kiến chấp sai lầm, nhận được đạo lý, thành tựu việc lớn của mình.

Như tất cả chúng ta đều biết thị giả của đức Phật là Tôn giả A Nan. Ngài A Nan sinh nhằm ngày đức Thế Tôn thành đạo, nên được đặt tên là Khánh Hy. Chữ “Hy” là vui mừng, chữ “Khánh” là tốt đẹp. Về sau A Nan xuất gia, gia nhập tăng đoàn và được chọn làm thị giả. Điểm đặc biệt của Ngài là nhớ rất giỏi. Tất cả lời giảng của Phật rót vào tai rồi giống như ly nước này được rót qua ly khác, không sót, không rớt một giọt nào hết. Những gì Phật nói ra, qua tai rồi Ngài nhắc y hết như vậy, nên được gọi là đa văn đệ nhất trong Thập đại đệ tử của Phật. Tuy đa văn nhưng chưa chứng Thánh quả.

Hai mươi mấy năm trời làm thị giả, sống một bên Phật như hình với bóng. Phật đi hóa đạo ở đâu, A Nan luôn luôn kề cận một bên hầu Phật. Cho đến những ngày sau cùng Phật sắp nhập Niết-bàn, A Nan cũng hầu cận một bên. Nhưng vì chưa chứng Thánh quả nên nỗi đau xót mắt Phật, A Nan không cảm lòng nổi. Vì vậy lúc đó, tinh thần của Ngài gần như suy sụp hoàn toàn. Ngài bi lụy khóc lóc khô sở điều đứng, không còn nhớ gì nữa hết. Trong hàng đại đệ tử, người kế thừa Phật thống lãnh tăng đoàn và cũng là người đầu tiên truyền thiên tông cho tới bây giờ là Tôn giả Đại Ca Diếp. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, A Nan khóc mê mẩn, gần như chết giấc vậy, Tôn giả Đại Ca Diếp về muện nhưng nhờ bản lãnh của một vị đã chứng Thánh quả, nên Ngài đã đứng ra tổ chức, điều hành chu tất Thánh lễ trà tỳ cho đức Phật.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn rồi, một số Tỳ-kheo trẻ tuổi rất vui mừng, từ đây không còn ai kèm chế Giới học nữa, tha hồ phóng túng. Chính vì thế nên Tôn giả Ca Diếp quyết định phải kết tập kinh điển, chư Thánh tăng cùng nhau đọc lại Kinh, Luật Phật đã dạy để răn nhắc chư Tăng Ni tu hành. Thế là phải có người trùng tuyên. Trong số các đại đệ tử của Phật, người có đủ khả năng để trùng tuyên kinh tạng chỉ có Tôn giả A Nan, nhưng Ngài lại chưa chứng Thánh. Suốt hai mươi mấy năm làm thị giả cho Phật, chạy theo công việc, mà công phu tu chỉ mới chứng Sơ quả thôi. Thật đau xót! Nói tới đây, đôi khi tôi cũng cảm thấy hổ thẹn nữa. Nhiều anh em nhập thất tu công phu tiến bộ rất nhiều, có niềm vui này niềm vui nọ. Còn tôi làm Trụ trì, tới ngày cứ thấy cây cảnh, thấy khách khứa, xử lý nội vụ ngoại vụ, rồi giảng dạy, làm việc Giáo hội v.v... Công phu chẳng được gì hết, dụng tới là tham sân si ùng ùng, tu hành làm sao bằng các thầy ở trong thất?

Đứng trước hoàn cảnh như thế, ngài Đại Ca Diếp dùng phương tiện nghịch duyên, thống trách A Nan với những lỗi như sau:

Lỗi thứ nhất, không chịu thỉnh Phật trụ thế. Lỗi thứ hai, đã biết người nữ nghiệp nặng, tại sao lại cố xin Phật cho họ xuất gia, gia nhập Giáo đoàn, làm giảm tuổi thọ Giáo pháp của Như Lai. Lỗi thứ ba, khi giặt y Tăng-già-lê của Thế Tôn, đã vô ý đập lên chéo y, làm ô nhiễm mất sự tôn nghiêm của đại y. Tăng-già-lê là y

lớn nhất. Lỗi thứ tư, không chịu trình bạch với Thế Tôn rằng sau khi Phật nhập Niết-bàn, những giới luật nào cần giữ nguyên, những giới luật nào có thể lược bớt. Lỗi thứ năm, tại sao để nước mắt nữ nhân làm ô nhiễm đôi chân của Phật khi Thế Tôn vừa nhập Niết-bàn. Do năm lỗi kể trên, nên A Nan không đủ tư cách vào dự hội nghị kết tập kinh điển.

Sau khi nghe cử tội, A Nan hổ thẹn đau buồn quá. Sư phụ mới nhập Niết-bàn có mấy ngày, mà Đại sư huynh bắt nạt đủ điều, bây giờ phải làm sao? Chỉ còn cách chứng Thánh mới dự được hội nghị này. Từ sự bức xúc ấy A Nan cố gắng vượt lên để thành tựu Thánh quả. Cuối cùng Ngài tìm đến một hang núi nỗ lực thiền quán, lắng đọng tất cả tâm tư điên đảo loạn tưởng xuống hết. Đến khi mệt mỏi quá, Ngài định ngã lưng nằm xuống thì hoát nhiên dứt sạch lậu hoặc, trí tuệ khai mở chứng A-la-hán, vĩnh viễn không còn sanh tử nữa. Khi ấy Tôn giả liền đi đến hội nghị kết tập kinh điển, cửa đá đã đóng kín. Ngài không cần gõ, tự nhiên cử hé ra, Ngài đi vào với sự hoan hỷ vô cùng của Tôn giả Đại Ca Diếp.

Bây giờ Tôn giả Ca Diếp nhìn toàn thể hội chúng và nắm tay A Nan tuyên bố: “Đức Thế Tôn đã ân cần căn dặn lại, chánh pháp từ thầy mà phát triển. Nay thầy đã xong việc rồi, ta mừng cho thầy”. Thế là A Nan bước lên tòa, vì tất cả chúng sanh đời sau mà trùng tuyên lại tạng Kinh của Phật một cách thông suốt, hoàn bị nhất.

Chúng ta thấy từ trong nghịch cảnh, Tôn giả A Nan đã thành tựu được đạo nghiệp của mình. Sở dĩ Tôn giả Ca Diếp bày ra những điều lỗi là để tạo nghịch duyên giúp A Nan chứng quả, chớ không phải vì ác ý. Đọc sử tới đây, tôi rất cảm động với đạo tình của ngài Đại Ca Diếp. Vì muốn nhắc động viên sư đệ, tạo điều kiện cho A Nan phấn chấn vượt lên, sớm thành tựu được việc lớn của mình, buộc lòng Tôn giả Ca Diếp phải lập bày phương tiện như vậy. Tôn giả thật xứng đáng với lòng tin cậy của đức Phật và thật đầy đủ tư cách để thống lãnh Tăng đoàn.

Câu chuyện trên là một tấm gương sáng, giúp chúng ta nỗ lực tu tập trong hoàn cảnh khó khăn. Cho nên huynh đệ phải nhớ sự khó khăn rất cần thiết cho việc tu hành của chúng ta. Tu hành không gặp khó khăn thì không thể nào trui luyện được ý chí, không thể nào thành tựu công phu được. Ngạn ngữ có câu “Không có giá trị thiết thực nào mà không có sự khó khăn cả”. Chúng ta tu hành cũng vậy, muốn đạt thiền, đạt đạo, muốn sáng được việc của mình, phải ngày đêm tu hành nghiêm chỉnh, nhẫn chịu và vượt qua mọi thử thách gian khổ.

Kinh nghiệm tu hành chẳng những tạo được giá trị cho chính mình, mà còn giúp chúng ta tạo duyên tốt cho mọi người. Nhờ có khó khổ và vượt qua được khó khổ nên chúng ta biết cách hướng dẫn những người đồng cảnh ngộ với mình. Người đời ai cũng gặp khó khăn, nếu chúng ta tu được trong khó khăn thì lợi ích cho mình cho người sẽ rất lớn, duyên độ sinh rất rộng. Ta đem giá trị đạt được truyền bá hướng dẫn người sau. Tu mà muốn cái gì cũng dễ dàng hết thì không có giá trị đâu, nếu không muốn nói là không hiện thực.

Bằng chứng như ngài A Nan, chịu sự khiển trách trong nỗi đau khổ vừa mất thầy. Đại Ca Diếp chỉ lỗi giữa đại chúng, làm cho Ngài không còn mặt mũi nào

nhìn huynh đệ nữa. Phải chi ngài Ca Diếp kêu vô thất nói nhỏ nhỏ cho một mình Ngài nghe thôi, thì đâu đến nỗi xấu hổ như vậy. Nhưng chính nhờ sự hổ thẹn tội cùng ấy, Tôn giả mới nhất quyết vươn lên và đạt được thành công. Nếu ngài Ca Diếp nhỏ nhẹ với A Nan, có lẽ Tôn giả sẽ không đắc đạo đâu. Thời Phật còn tại thế, gần gũi Thế Tôn biết bao lâu, nghe những lời dịu dàng và A Nan đã chết chìm trong đó, nên mới không chứng Thánh. Phải vực Ngài dậy bằng nghịch duyên mới thực sự đưa Ngài lên ngôi vị tối thượng. Đây chính là phương tiện thiện xảo của ngài Đại Ca Diếp.

Tóm lại, khi đã quyết chí tu hành chúng ta đừng bao giờ nguyện Phật cho con gặp toàn là thuận duyên. Thuận tu cũng được, mà nghịch tu càng hay. Nhưng cũng đừng mong nghịch quá, với người yếu sức đôi khi nghịch quá cũng làm thoái chí. Điều cần thiết là người tu phải có nghị lực, phải sáng suốt. Thuận tu cũng được, nghịch tu cũng được. Gặp thuận gặp nghịch, lúc nào cũng giữ tâm thanh tịnh tiến tu.

Tôi thành tâm hướng về Tam bảo cầu chúc toàn thể quý vị luôn luôn phát huy được tâm thanh tịnh của chính mình. Tâm thanh tịnh phát huy được rồi thì thuận nghịch, khó khăn hay dễ dàng, chúng ta đều có thể vượt qua được hết. Xin quý vị nhớ cho: không tu thì thôi, tu thì nhất định phải thành công.



KHỎE MẠNH ĐỂ TU

Khi nói đến việc tu hành, phần nhiều chúng ta nghe có những khó khăn, do đó không ít người sợ tu, không dám tu. Thế nên hôm nay tôi muốn nói đến một số cách thức đơn giản, để cho việc tu hành của chúng ta dễ dàng hơn. Tâm lý con người thường sợ khó, thích dễ dàng, cho nên nghe khó thì ngán tu, nghe dễ mới ham tu.

Trước hết tôi nói tu thì phải khỏe mạnh. Từ khỏe mạnh của thể lực, tâm trí chúng ta mới sáng suốt và có quyết tâm thực hiện đúng theo lời Phật dạy. Được vậy việc tu có kết quả không khó. Trong kinh kể lại, một hôm có vị cư sĩ đến thăm Tôn giả Xá Lợi Phất. Về mặt ông ta hết sức tươi tắn, vui vẻ. Tôn giả Xá Lợi Phất hỏi:

- Trước khi đến đây, cư sĩ đã đến đức Thế Tôn rồi chăng?

Cư sĩ đáp:

- Vâng, thưa Tôn giả sáng sớm tôi đã đến thăm đức Thế Tôn rồi. Đức Phật đã khai thị chỉ dạy cho tôi về phương pháp tu hành, tôi nhận ra được yếu chỉ Phật dạy nên trong lòng rất hoan hỷ.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi:

- Đức Thế Tôn đã dạy cư sĩ những lời gì?

Cư sĩ thưa:

- Đức Thế Tôn nói với tôi thế này: “Tuổi của ông đã lớn, mọi việc sắp đặt cũng đã ổn, tất cả những gì trên đời ông đã biết qua hết rồi. Lâu nay ông đã tạo dựng mọi thứ nhưng tất cả những thứ đó đều không thật, bây giờ nếu muốn an vui thanh thản thì hãy buông hết đi, đừng trách mình thì hết khổ”. Lời đức Thế Tôn nói tôi nghe thấm sâu tận đáy lòng, giống như cây khô lâu ngày được gặp dòng nước mát. Nghe xong tôi tự cởi mở tất cả, thấy thân này không thật, tâm này cũng không thật. Nhờ nhận ra như vậy trong lòng tôi khắc tỉnh, bao nhiêu tâm trạng rối bời đều dứt bật hết, từ đó niềm vui phát khởi.

Niềm vui ấy phát khởi và lớn mạnh hơn nên từ giả đức Thế Tôn rồi, đến thăm Tôn giả Xá Lợi Phất vị cư sĩ ấy rất hoan hỷ. Nhân đó Tôn giả Xá Lợi Phất nhắc nhở thêm cho vị cư sĩ tinh thần tu học. Nếu người đã được uống pháp nhũ hay dự vào dòng Thánh, làm chủ được thân tâm mình, không bị buộc ràng bởi những giả cảnh giả duyên bên ngoài, nhất định người này sẽ được hưởng hoàn toàn pháp vị thanh tịnh giải thoát. Sau khi nghe pháp nơi Tôn giả Xá Lợi Phất rồi, vị cư sĩ ấy càng phấn khởi hơn nữa.

Lâu nay cái chúng ta gọi là tâm của mình đó, chẳng qua chỉ là suy tư nghĩ tưởng hay là bóng dáng của ngoại trần. Mình đã lầm nhận những thứ không thật cho là thật nên khổ. Khổ như thế nào? Khổ vì mình nhận bóng dáng bên ngoài không thật làm mình, nên lúc nó thay đổi hay biến mất ta cũng cảm thấy mất mình. Vị cư sĩ kia đã trình bày với Tôn giả Xá Lợi Phất: “Bạch Tôn giả, giả như bây giờ thân con có bệnh hoạn, con thấy đó chỉ là bệnh của thân hư giả. Dĩ nhiên cái giả thì phải rã mục thôi. Trước khi rã mục nó phải bệnh hoạn nhưc nhồi đu chổi. Tuy thế nhưng tâm con vững vàng, không bị lay chuyển, không vì bức xúc

của thân mà tâm thọ khổ.” Do đó Tôn giả Xá Lợi Phất khen: “Như vậy là ông đã nếm được pháp vị giải thoát thanh tịnh của đức Phật”.

Ngày nay nói về nhân duyên tu hành, tôi tin Phật tử chúng ta có nhiều duyên tốt hơn ngày xưa. Ví dụ như trong pháp hội của Hòa thượng Viện trưởng ở đây, số băng giảng và số sách sáng tác dịch thuật của Ngài nhiều lắm. Không ít Phật tử trong cũng như ngoài nước nghe băng giảng, đọc sách của Hòa thượng có cảm ngộ, phấn khởi vui vẻ và đạt được nhiều an lạc. Nhưng vấn đề là làm sao chúng ta gìn giữ được nguồn an vui này, tức là bảo nhiệm cái mình đã được. Như người con sau khi được ba mẹ giao lại tài sản, cái khôn khéo của anh ta là làm thế nào chẳng những gìn giữ được sự sản ấy mà còn phát huy rực rỡ hơn nữa. Việc tu cũng thế, làm sao để gìn giữ nguồn an vui hạnh phúc chân thật nơi mình, đó là việc chính của chúng ta.

Những bậc thiện hữu đi trước có trách nhiệm hướng dẫn, đã khó khổ sắp xếp cho chúng ta được như vậy rồi, từ đây về sau chúng ta muốn được an ổn lâu dài, chính mình phải có sự nỗ lực khắc tĩnh khắc tiến một cách thiết thực cụ thể. Việc tu dễ ở giai đoạn đầu là chúng ta hữu duyên gặp được thầy tổ chân chánh, qua sự hướng dẫn của thầy mình liền nhận ra có cái quý báu bên trong, còn các pháp bên ngoài hư giả không thật. Nhưng bây giờ làm sao để trí tuệ của mình phát triển, ta luôn luôn sống, nhận như vậy mới được. Sống được với trí tuệ chân thật thì không còn khổ nữa. Nhờ có niềm vui đạo lý, sự tu hành của chúng ta mới tăng tiến, từ đó mình vững tâm khắc tĩnh hơn trong công phu.

Phật tử cũng nên nhớ, tuy bước ban đầu học Phật không khó nhưng chưa có sự thành công nào, thành quả nào có giá trị mà không đánh đổi bằng mồ hôi nước mắt. Muốn tu tập, muốn gìn giữ gia phong nhà mình, nhất định chúng ta phải có sự nếm trải. Như Đường Tăng muốn thỉnh kinh từ Tây Trúc về Trung Hoa phải trải qua bao nhiêu gian khổ, thử thách, trở ngại. Người tu là tuyên thệ chiến đấu với ma quân nên không thể nhát gan được. Phải gan dạ cương quyết mới có thể khắc phục được tất cả những cam go, thử thách. Có thể mới thành tựu được bản nguyện giác ngộ giải thoát của mình.

Như chúng ta đã biết thân này không thật, tâm này không thật, nghe dễ dàng quá nhưng làm sao để ta luôn luôn nhận biết như vậy lại là một vấn đề khác. Đó là việc tu, chớ không còn là việc suy luận trên ngôn ngữ kiến giải nữa. Sự tu này, nói dễ thì cũng không phải dễ, nhưng nói khó thì cũng không hẳn là quá khó. Nếu quyết tâm, chúng ta cũng có điều kiện thực hiện được, chớ không phải chúng ta bất lực. Bất cứ việc làm nào, dù người đời hay người tu đều cũng đòi hỏi sự quyết tâm. Chúng ta tin tưởng và khẳng định tâm nguyện của mình chắc chắn sẽ thành tựu, dù thời gian bao lâu cũng không nản lòng. Đó là yếu thuật của sự thành công.

Ở thế gian muốn gây dựng sự nghiệp, muốn thành tựu được những điều như ý mà không có ý chí, không có kiến thức, không có sự quyết tâm thì cũng không làm gì được. Trong đạo cũng thế, tuy chúng ta cạo đầu mặc áo nhuộm, bỏ hết chuyện đời nhưng phải có ý chí mạnh mẽ, nuôi dưỡng thân tâm tráng kiện mới có thể trải dài thời gian giữ vững lập trường, giữ được màu áo, giữ được lý tưởng

của mình cho đến khi thành tựu viên mãn tâm nguyện. Người biết tu không luận khó hay dễ, còn nói khó nói dễ là chưa chịu tu, chưa bắt đầu công phu.

Chúng ta học Phật pháp để giải quyết những nỗi khổ của mình. Trong các nỗi khổ, lớn nhất là nỗi khổ bị trôi giạt trong luân hồi sanh tử. Thế nên ta tu Phật là để thoát khỏi nỗi khổ ấy, chứ không phải để giải quyết việc cơm ăn áo mặc hay vì thiếu tình thương. Dù phải đối đầu với những bức xúc hay trở lực nào, nhất định chúng ta cũng phải khắc phục, vượt qua. Phật dạy người Phật tử là người tự chiến thắng mình, cho nên chúng ta phải khắc phục được những cái dở cái xấu của mình. Chúng ta không thể là người thua cuộc bỏ giáp chạy dài hay yếu đuối bạc nhược chỉ biết chảy nước mắt khi gặp khó khăn. Gặp khó khăn chừng nào ta càng phấn đấu vững mạnh hơn chừng ấy, như vậy mới xứng đáng gọi là con của đấng Pháp vương.

Phật tử nên nhớ mỗi khi khắc phục được một phiền não là mình có thêm một sức mạnh. Ví dụ bây giờ ai chửi mình mà ta vẫn tỉnh táo, thấy cái miệng của người chửi là giả, những lời của người chửi là duyên hợp không thật. Thấy rõ như thế rồi thì tâm mình không bị động bởi những lời chửi đó, tự nhiên ta an lạc bình thường. Dù người đó có bắc ghế ngồi chửi cả ngày, mình cũng thấy bình thường. Như vậy mỗi lần nghe chửi, quý vị có thêm sức mạnh chịu đựng. Đó là sức mạnh của tâm lực, định lực, trí lực. Thấy được các pháp không thật là thấy được Phật rồi, không mạnh mẽ sao được! Trí tuệ này ai cũng có sẵn hết, chỉ tại chúng ta không dùng tới thôi. Và vì thế ta đã tự đánh mất một năng lực phi thường của chính mình.

Cho nên chỉ cần mở sáng mắt trí tuệ, thấy rõ các pháp không thật là chúng ta có đủ sức nhẫn nại, đủ sức bình tĩnh trước tất cả các duyên thuận cũng như nghịch. Từ đó ta sẽ thấy lời Phật dạy là sự thật, tự nhiên mình bình an thôi. Người xưa làm được bây giờ chúng ta cũng làm được, điều này mình phải tự hào như vậy. Tự hào để tu, chứ không phải tự hào để lên mặt với thiên hạ. Người tu không có lên mặt lên mày, không có tự cao tự đại bao giờ. Người tu là người khiêm hạ bình tĩnh để trị những cố tật của mình. Đó là những điều cần thiết phải nhớ để chúng ta bảo nhiệm được gia phong nhà mình.

Thủ thuật ban đầu để bước vào cửa Phật là phải nhẫn. Bình tĩnh, sáng suốt nhẫn nại thì mọi việc sẽ an bài. Khi chúng ta có lực đó rồi mới thấy Phật pháp nhiệm mầu. Thiền sư khi đã đầy đủ tĩnh lực, tâm đã an thì đứng trước đường gươm lưỡi kiếm như dạo trong hoa viên. Các Ngài thường thức tất cả như hưởng một cơn gió xuân. Chúng ta còn vọng động, tâm luôn bất an thì đừng nói là lưỡi kiếm, mà khúc gỗ đập nhẹ cũng gục nữa. Người tỉnh ngộ có diệu lực phi thường nên tất cả pháp đối với các ngài đều là Phật pháp huyền diệu. Diệu lực đó tiềm tàng nơi mỗi chúng ta, nếu phát huy được thì mình tự tại, thấy gươm chém vào cổ như chém gió xuân.

Phật dạy chúng ta trì tụng kinh Bát-nhã là để phát huy diệu lực nơi chính mình. Ông Phật thật bên trong thành hình thì ta đủ sức hóa giải tất cả những tà nguy chung quanh. Người tu thiền phải phát huy cho được ông Phật đó của mình. Có được lực dụng ấy rồi, ta sẽ bình thân an nhiên, tự tại đi trong sanh tử. Đó là

kinh nghiệm thân chứng của các bậc đạt đạo, chớ không phải do tôi dám bịa đặt ra đầu. Nhưng làm sao để sống lại được với ông Phật thật của chính mình mới là điều đáng nói.

Tôi muốn nói chỗ dụng công tu hành của chúng ta là phải có năng lực bên trong. Nếu không có công phu miên mật thì không thể phát huy được năng lực này. Dù người ấy có nói thao thao bất tuyệt, nói cho trời mưa hoa, cho đá gặt đầu mà không chịu tu thì cũng chẳng ăn thua gì. Việc này đòi hỏi chúng ta phải từng bước từng bước đi vào công phu. Như tôi đã nói, mỗi lần khắc phục được nghiệp xấu của mình là mỗi lần ta có sức mạnh. Sức mạnh ấy được tích lũy liên tục thì sẽ năng lực bên trong được phát sinh. Ví dụ tai mình nghe một âm thanh chói chang mà ta dùng được sự khó chịu là đã có sức mạnh. Dùng được là đóng cửa lỗ tai, không cho tâm chạy ra bên ngoài, như vậy phải là người có sức mạnh mới làm chủ mình như thế.

Chủ trương của đạo Phật là nhằm cho người ta phát huy được sức mạnh làm chủ của chính mình. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, biết rõ mà không chạy theo các trần là người có sức mạnh. Hằng ngày chúng ta thường kẹt vướng trong những điều đó. Không luận là nam hay nữ, những gì ta thích thú, dĩ nhiên mình đều chạy theo, đắm trước, tìm cầu hưởng thụ. Bây giờ muốn tu, yêu cầu trước tiên làm sao chặt đứt được việc đó. Nếm vẫn cứ nếm nhưng chặt đứt tất cả những gì đằng sau cái nếm đó thì tức khắc ta được an lạc. Điều chúng ta có thể làm được, không quá khó khăn đâu.

Nếu chúng ta không chịu tu, để tâm ngược xuôi dong ruổi nhiều chùng nào thì khổ nhiều chùng ấy thôi. Ở thế gian, người hiểu nhiều biết nhiều thì khổ đau nhiều. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta mờ mịt, không biết không hiểu gì cả. Với tâm định tĩnh, tự nhiên trí tuệ rất sáng suốt, nhưng cái hiểu biết sáng suốt ở đây không phải do học hỏi, do va chạm, do kinh nghiệm từng trải trong khổ đau. Cái biết này tĩnh lặng, trong sáng, an bình.

Ví dụ quý vị đang ngồi đây nghe tôi nói chuyện, có âm thanh nào ngoài kia vang lên hợp với sở thích của quý vị, thì dù cho tôi có nói hết nước miếng, quý vị cũng để tai ngoài kia, chớ chẳng nghe tôi chút nào cả. Đó là do tâm dong ruổi dẫn quý vị chạy theo âm thanh. Còn người nào định tâm, tập trung vào những gì có trong hiện tại, cụ thể như đang nghe pháp, thì mọi âm thanh bên ngoài không thể tác động đến họ được. Phật đã nói ai làm chủ được các giác quan là sống với ông Phật thật của mình, sống được với cái Viên trạm thường tánh độc lập sáng suốt của mình. Nhưng nếu tâm dong ruổi ngược xuôi thì nó không bao giờ hiện.

Người tu phải làm sao, làm việc gì thân ở đâu thì tâm ở đó, có sự chủ động không lơ lửng. Trong đạo Phật không chấp nhận một việc làm nào, dù lớn dù nhỏ mà tâm bị chi phối, thân ở đây mà tâm ở chỗ khác. Nếu ta tập trung, làm việc bằng thân tâm của mình, chính trực chủ động, đó là có năng lực. Người có năng lực giải quyết mọi vấn đề một cách rất êm đẹp, không phiền lụy, không bực dọc ai; gặp cảnh khó khăn hay bị người hủy nhục cũng thấy bình thường. Các Thiên sư thường nói “Những cái khổ của thân tâm huyền mộng này chúng ta chịu không nổi thì nói gì những cái khổ dưới địa ngục. Người ta kéo lưỡi hoặc nấu mình trong

chảo dầu sôi... Những sự khổ thống thiết kia làm sao chịu nổi”. Nên khi ta nhận định chính xác phương thức tu hành rồi thì thẳng bước tiến vững vàng, đừng do dự chần chừ gì nữa.

Hằng ngày, trong cuộc sống của chúng ta luôn luôn có những bức xúc. Tuy nhiên từ những bức xúc như thế mình gắng gổ tu hành, dần dần nó sẽ hết. Phật nói có thân thì có khổ. Trong kinh Niết Bàn, Phật nói thân này hư giả, do bốn tướng hợp lại giống như bốn con rắn độc được nuôi chung trong một cái lồng, làm sao chúng không cắn nhau. Chúng ta thấy rõ ràng, nóng lạnh bức xúc, lúc nào cũng làm cho mình bất an bất ổn. Nóng quá không được, lạnh quá không được, cái gì mà quá là mình khùng liền. Người tu là biết điều hòa các duyên ở mức bình thường. Muốn thế chúng ta phải nhận được yếu chỉ của pháp tu. Người biết tu không dám để cái gì quá cả. Ví dụ như buồn thì cũng buồn vừa phải thôi, hoặc vui cũng vui vừa phải.

Tu Phật không nên trì hoãn nhưng cũng rất kỵ gấp gáp. Tu Phật thì phải tiến hóa dần dần từ thấp lên cao, không nên tu tập quá sức hoặc giải đãi quá đà. Chủ động là cái tâm bên trong. Vì vậy các Thiền sư nói gánh nước, bửa củi, cuốc đất hoặc ăn cơm, ngồi thiền, tụng kinh, mọi việc đều tu được hết. Nó không có gì khó khăn nhưng ta phải nắm được chủ động bên trong. Đừng mong cầu gấp gáp, nghe nói mình bị luân hồi sanh tử lâu đời quá, bây giờ sợ hoảng lên muốn làm sao rút rút đừng bị luân hồi sanh tử nữa. Đó là bệnh, chỗ đó quý thần thấy tâm sẽ phá hỏng công phu của chúng ta. Có những Phật tử sợ quá, nên luôn niệm danh hiệu Bồ-tát Quan Thế Âm. Muốn Bồ-tát lúc nào cũng có mặt bên mình, để ma quỷ đừng xâm nhập. Bởi tâm đầy niệm mong cầu như thế nên ma quỷ ộp vô. Khi mình khởi tâm ấy lên liền nghe có tiếng trả lời “Có Bồ-tát đây rồi”. Lúc đầu ta ngạc nhiên, nhưng dần dần nghe quen và tưởng Bồ-tát nói chuyện với mình thật. Thế là sau này thế lực ma sai khiến làm gì ta cũng làm theo. Cứ nghe có tiếng làm nhảm trong lỗ tai hoài, cuối cùng kết thúc là sao? Khùng.

Hòa thượng kể hồi đó ở Chân Không có một Phật tử chạy lên cũng bị tình trạng như vậy. Ông luôn được Bồ-tát nói trong lỗ tai, biểu phải đi đây đi đó, phải tu như vậy như kia, phải thuyết pháp nữa. Biểu riết phát mệt, ông này muốn dừng lại nhưng không biết làm sao dừng được. Nhiều khi đang ăn cơm Bồ-tát biểu phải chạy thì đứng dậy chạy. Đang ở Sài Gòn Bồ-tát biểu chạy xuống Vũng Tàu. Chạy riết trong gia đình cũng sáng theo, cho người theo giữ nhưng cuối cùng cũng không giữ nổi, vì còn phải lo làm ăn nữa chứ. Hôm đó không hiểu sao Bồ-tát biểu ông chạy lên Chân Không. Quý thầy nhà khách thấy là biết rồi, tay này đã quá đà, nên trình với Hòa thượng xin cho ông nghỉ lại một đêm.

Ông nói Bồ-tát dạy chỗ ông nghỉ không được có ai hết. Quý thầy nhìn qua nhìn lại thấy chỉ có thiền đường là không có ai, ngoại trừ đức Phật ngồi bất động trên tòa sen đó thôi. Thế là ông được đưa vào thiền đường, mấy thầy đóng cửa lại rồi đi nghỉ, chớ làm sao theo dõi nổi. Tới khuya lên thiền đường, quý thầy tá hỏa khi thấy ông đã cởi hết quần áo ra. Sự việc được trình Hòa thượng ngay. Sáng Ngài xuống biểu ông bình tĩnh kể lại tại sao như thế. Ông nói: “Con ham tu quá nên niệm danh hiệu Bồ-tát và được nghe Bồ-tát dạy các việc như thế, như thế”.

Hòa thượng bảo: “Bây giờ ông đừng nghe nữa, buông bỏ đi. Đừng nghĩ có Bồ-tát gì hết, dù cho Phật hiện ra cũng bỏ đi, không theo”. Lời của Ngài có đạo lực nên đủ sức tác động lên tâm ông. Từ đó, ông dừng được và dần dần tĩnh lại, bắt đầu trả về vị trí bình thường.

Quý vị thấy, tâm niệm ban đầu đâu ai muốn mình khùng như thế! Tu vì sợ khổ, sợ ma sợ quỷ, sợ luân hồi sanh tử. Nhưng vì ham tu quá, tôi muốn nói đến chữ “quá”, thành ra quá đà. Cũng may ông còn duyên lành chưa đến đời “đi bứt” luôn nên mới gặp Hòa thượng. Nhờ Ngài hướng dẫn kéo ông trở lại được với chánh pháp. Sau này ông nói chính Hòa thượng là người đã cứu tử, đã khai sinh ra ông, nếu không ông đã trở thành quyến thuộc nhà ma mất rồi.

Cho nên việc tu hành, chúng ta làm sao giữ được ở mức thường và nhớ nghiệp tập của mình đã nhiều đời, đừng đời một đời này phải dứt sạch nghiệp. Tu tập quý ở tâm thành và sự kiên trì, tu bao lâu cũng được hết, quan trọng đừng để rơi vào lưới ma. Nghiệp dứt bên ngoài thì còn bên trong, dứt cái này còn cái kia, giống như nhà có nhiều cửa, nhiều ngõ ngách, hễ lấp chỗ này thì nó hở trống chỗ kia. Phải chịu khó lấp nhiều lần nó mới hết lỗ hở. Chúng ta làm sao tạo được thể chủ động bên trong, mình là ông chủ nợ trong nhà, phải sáng suốt thấy rõ tất cả mọi sinh hoạt bên trong. Từ đó tự nhiên ta làm bất cứ việc gì cũng ở trong thể tinh táo, không có tà ma quỷ mị nào có thể làm hại hay xâm nhập vào được hết.

Khi truyền Tam quy Ngũ giới cho Phật tử, Hòa thượng thường nhắc: “Nếu những điều giới nào tôi hỏi mà quý vị thấy còn khó khăn, nhất thời chưa giữ trọn vẹn được thì cứ im lặng. Nhưng im lặng không có nghĩa là đầu hàng bỏ cuộc. Im lặng và ghi rằng nhớ rằng hôm nay mình còn yếu đuối chưa giữ được, nhưng ngày nào đủ duyên hoặc mình mạnh mẽ hơn, nhất định sẽ cố gắng giữ cho được”. Chúng ta phải có cách thức tu hành như thế. Bởi vì giáo pháp của Phật không phải là luận lý triết học hay những tư tưởng được trình bày nghe cho vui. Mà đây là những phương pháp sống, nếu chúng ta hiểu nhận và làm thì sẽ hết khổ. Hiểu nhận, làm đúng thì đời sống hiện tại thanh tịnh, đảm bảo giải thoát chắc chắn trong tương lai.

Khi nhận hiểu được giáo pháp một cách chân chánh rồi, chúng ta hành trì với quyết tâm của mình. Dù thế, nên giữ việc tu tập hết sức bình thường, chậm nhưng chắc. Cứ như thế công phu dần dần sẽ thấy kết quả tốt đẹp. Đừng nên nôn nóng, vì nôn nóng là tham lam mong cầu, còn tham là còn gốc phiền não, làm sao thành tựu Phật quả được. Cho nên đừng sợ gì cả, người con Phật còn sợ là còn mong cầu trông cậy vào thế lực khác. Cứu kính của sự giác ngộ phải do mình tự khai phóng chính mình mới được. Người con Phật phải sống theo tinh thần của Phật dạy. Tất cả chúng sanh đều có chủng loại Phật, đó là chủng loại anh hùng, gan dạ, sáng suốt, có thể khắc phục được những thứ xấu dở, điên loạn lạng xăng ngược xuôi của mình. Tôi nói điều này để chúng ta có đủ niềm tin và tự hào. Tự hào để làm gì? Tự hào để vui tiến tu hành, chớ không phải để tăng trưởng ngã chấp. Nhờ vui tu ta mới quyết định trải dài kiếp số, khó khăn cỡ nào mình cũng không lùi bước. Như vậy mình mới xứng danh là con Phật.

Lịch sử cho thấy trước khi thị hiện làm Hoàng tử ở Ấn Độ, xuất gia tu hành cho đến thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đức Phật đã trải dài công phu tu hành trong ba vô số kiếp. Công đức, phúc trí đầy đủ vô lượng vô biên. Vậy mà ngay trong đời rốt sau, Ngài cũng phải nỗ lực tối đa để chiến thắng ma quân, tập trung định lực để triển khai tuệ giác, cuối cùng chiết phục được ma oán thành tựu Phật vị. Đây không phải là chuyện ngồi đó uống trà, ngâm thơ, tán vịnh hay nằm võng đong đưa mà có thể thành tựu được. Phải hành tâm nhất ý tu hành trải qua thời gian lâu xa, bền gan bền chí quyết không xao lãng mới được.

Điều này nghe qua thấy như khó nhưng thật ra chúng ta có thể làm được, không phải quá khó. Có một thầy suốt 12 năm ở trong núi, chuyên tâm làm một việc thôi, đó là khắc phục vọng tưởng lăng xăng, nhưng vẫn chưa thành tựu. Phật biết tâm nguyện và lòng nhiệt thành của thầy nên hôm đó Ngài đến. Đức Phật nói: “Ta nghỉ lại đêm nay để xem công phu của ông, nếu có chỗ nào chưa thông, ta sẽ hướng dẫn cho ông”.

Vì chỗ ở gần dòng sông trong rừng, nên tôi đến các loài cầm thú bắt đầu sinh hoạt. Một con chó sói đi ra kiếm ăn gặp một con rùa bò lên cũng để kiếm ăn. Chó sói liền vồ vào đầu con rùa, con rùa thụt đầu vô cái mai. Chó sói vồ tới cái đuôi, nó lại thụt đuôi vô mai. Cứ thế mỗi lần chó sói vồ tới đâu, con rùa thụt vô tới đó. Thế là chẳng những không làm gì được rùa mà chó sói còn đau điếng vì vồ trúng cái mai cứng như đá của nó. Giận và nản quá, cuối cùng chó sói bỏ đi.

Nhân sự kiện này, Phật nhắc thầy Tỳ-kheo kia phải phòng hộ tâm mình như con rùa phòng hộ đầu mắt tay chân và đuôi của nó. Phải có chỗ phòng hộ, có cơ sở đảm bảo như vậy mới không bị xây xát do thế lực bên ngoài tác động vào. Đừng để các căn tiếp duyên với các trần sanh các thức. Khi căn trần gặp nhau liền biết giữ gìn lấy mình, đừng chạy theo bên ngoài, mà phải biết đưa các căn vào chỗ an ổn nhất. Được thế chắc chắn giặc bên ngoài không làm gì được mình. Từ đó vị Tỳ-kheo ấy nhận được cách tu và phát triển công phu đạt được kết quả tốt đẹp.

Phật dạy, người tu hành chúng ta phải giấu các căn của mình như con rùa phòng hộ tay chân đầu đuôi của nó vậy. Các giác quan này khi đối duyên tiếp cảnh, chúng ta đừng không chạy theo, cắt được như thế thì mình không bị nó kéo lôi ra ngoài, không mất mình. Phật dạy “Chiến đấu với ma dữ, không lo sợ bụi trần”. Pháp tu này cũng dễ, đâu có gì khó khăn quá, phải không? Nghĩa là mình phải biết phòng hộ các căn bằng cách thụt vô trong ông Phật của mình. Chỗ đó an toàn nhất. Mỗi một niệm dấy niệm, mỗi cái lao ra mình chặt, giống như con rùa bị chó sói vồ ở đâu, nó thụt vô ở đó. Được vậy chắc chắn an ổn mà không tốn công tốn sức gì nhiều. Chỉ nhớ thụt vô là được, đừng lao ra. Người thực hiện được như thế là người có đời sống tương đối thánh hạnh, đảm bảo hiện đời thanh tịnh giải thoát, tương lai còn tốt đẹp hoàn hảo hơn nữa.

Nếu chúng ta tu không ra gì, đừng nói 12 hay 13 năm như vị Tỳ-kheo kia, có khi suốt đời ta vẫn chìm trong tối tăm, không gặp Phật, không gặp Bồ-tát, không gặp thiện hữu tri thức nào nhắc nhở cả. Cho nên hôm nay chúng ta hữu duyên gặp Phật pháp, được thầy bạn nhắc nhở, mình cố gắng áp dụng tu tập. Hóa giải phiền não bên trong, gìn giữ thành trì của tâm kiên cố, không để ngoại ma bên

ngoài xâm nhập. Bản tâm của chúng ta giống như cái mai rùa, nó sẵn có chứ không phải cầu viện ở ai hết, chỉ cần nhận và sống lại là ta có thể bảo nhiệm gìn giữ gia phong nhà mình. Gia phong nhà mình là gì? Là định tuệ, là tâm, là ông Phật của chính mình. Cho nên việc tu nghe như khó nhưng không phải khó, vì ta đã có sẵn vốn liếng rồi.

Người có trí nghe pháp của Phật liền nhận định và áp dụng, đều có thể tu được, đều hưởng giá trị thiết thực của Phật pháp. Giống như lưỡi tiếp cận với thức ăn ngon bổ, ta ăn vào cảm thấy sáng khoái, khỏe khoắn trong người. Còn kẻ không khéo, không nhận được gì thì muôn đời có tiếp cận với pháp vị cũng chẳng có chút pháp lạc nào. Trong sinh hoạt tu tập nếu gặp duyên tốt, chúng ta được tiếp cận với Phật pháp, tự nhiên có an lạc. Song pháp lạc của người này không giống pháp lạc của người kia. Tùy trình độ, căn cơ mỗi người có một kết quả khác nhau. Có người họ nói nghe kinh sao mát mẻ quá. Có người nói nghe kinh tự nhiên thấy giải thoát, không còn gì ràng buộc hết. Đó là những lợi ích thiết thực của Phật pháp nhưng còn cạn bên ngoài, phải thực tập tu mới có những nguồn an vui sâu lắng hơn.

Làm sao sống nhận được Phật pháp bằng cái tâm của mình, chứ không phải bằng những hình thức bên ngoài. Muốn như vậy thì ngay trong hiện tại, trước nhất mình phải làm chủ được thân này. Làm chủ được thân này rồi, đồng thời phát huy làm chủ tâm của mình. Làm chủ được thân, phát huy được tâm của mình thì việc tu sẽ rất dễ dàng. Trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ như thế này:

Chẳng phải chỉ nghe suông,
Mà vào pháp Như Lai.
Ví như bị nước trôi,
Sợ chìm mà chết khát.
Nghe suông cũng như vậy,
Không bằng đúng pháp tu.

Người con Phật, người học Phật pháp không phải chỉ nghe suông, nghĩa là chúng ta phải nghe bằng tâm. Khi pháp vị đã thấm sâu trong tâm, toàn cả thân tâm chúng ta đượm nhuần vị pháp, do đó đi đứng nằm ngồi đều ở trong chánh pháp. Bởi vì tâm là gốc, tâm thông thì mọi thứ đều thông. Nghe pháp rồi thì phải tu và tu cho đúng, tức là làm sao điều trị bên trong tâm của mình.

Ví như nhiều thức ăn,
Toàn các món ăn ngon.
Nhưng nếu chẳng chịu ăn,
Thì phải chịu chết đói.

Điều này quá rõ ràng, không cần phải giải thích nhiều. Thức ăn dù cao lương mỹ vị tới đâu mà không chịu ăn thì cũng chết đói mà thôi. Cũng vậy, việc tu không phải chỉ nói mà là thực hành. Thực hành chính là ăn, thường thức thức ăn. Còn nói suông giống như đọc tên thức ăn, dù món ấy cực phẩm tới đâu kẻ đọc cũng chẳng biết gì.

Như thầy thuốc thật giỏi,
Biết đủ các phương thuốc.
Bệnh mình không thể chữa,

Nghe sông cũng như vậy.

Như ông thầy thuốc biết thuốc giỏi lắm, chữa trị cho người nào cũng hết bệnh. Nhưng khi có bệnh, ông không chịu uống thuốc thì sẽ không bao giờ trị được bệnh của mình. Không trị được bệnh thì sẽ chết vì bệnh thôi. Việc ấy hiển nhiên như vậy.

Như một người thực nghèo,
Đêm ngày đêm của người.
Mình không có nửa đồng,
Nghe sông cũng như vậy.

Giống như quý vị làm ở ngân hàng. Từ sáng tới chiều đếm không biết bao nhiêu là tiền, đếm hết giờ chớ không hết tiền. Vậy mà đến chiều về vẫn hoàn tay không, chẳng có một xu dính túi. Phật dạy thật là hay làm sao. Đếm của báu cho người, chớ mình không hưởng được gì của báu đó. Nghe sông cũng như vậy, trọn chẳng đem lại lợi ích cho mình và người.

Như một người tai điếc,
Có tài tấu âm nhạc.
Người thích mình chẳng nghe,
Nghe sông cũng như vậy.

Ở đây mượn hình ảnh người điếc mà đàn hay. Họ đàn người ta thường thức được, trong khi chính anh ta chẳng nghe được gì. Vậy mới đau. Nghe sông Phật pháp cũng vậy, trọn chẳng thưởng thức được gì. Phải thấm nhuần pháp vị bên trong, mới biết được sự an lạc ấy như thế nào.

Như có người đui mù,
Xưa học nay vẽ khéo.
Người xem mình chẳng thấy,
Nghe sông cũng như vậy.

Như một người mù có năng khiếu vẽ rất tuyệt, tác giả của những bức tranh nổi tiếng nhưng hai mắt anh ta chẳng thấy gì. Những tuyệt tác đó ai xem chứ anh không thấy chi, làm sao hạnh phúc được. Chúng ta học Phật đừng xếp mình vào những trường hợp như thế. Phải là người mắt sáng, thấy và làm chủ được, sống được với tâm mình.

Như người dẫn đường hiểm,
Độ được rất nhiều người.
Cứu họ chẳng cứu mình,
Nghe sông cũng như vậy.

Như người ở ngã ba ngã tư đường dẫn dắt cho người ta đi qua những chỗ hiểm nghèo. Chỉ cho người thôi chứ bản thân mình không có cách gì tự cứu khi gặp hiểm nạn. Cũng thế, trong đạo có những người nghe Phật pháp, hiểu Phật pháp, nói Phật pháp rất hay nhưng không áp dụng được Phật pháp vào đời sống của mình. Do không áp dụng được nên khổ vẫn cứ khổ, phiền não vẫn cứ phiền não, luân hồi sanh tử vẫn cứ như thế mà chông chất, không có cách gì giải thoát được. Người nghe sông, không áp dụng đúng tinh thần Phật dạy, phát huy nội tâm của mình cũng như vậy.

Ví như trước đại chúng,

Khéo nói việc nhiệm màu.
Chính mình không có đức,
Nghe suông cũng như vậy.

Nghe những câu này, thiệt là xấu hổ! Trước mọi người mình nói những cái nhiệm màu của Phật, Bồ-tát v.v... nhưng bản thân thì mù tịt chẳng có chút kinh nghiệm nào trong chuyện mình nói hết. Như vậy ta có khác nào cái máy ghi âm và phát âm đâu. Chính mình nói Phật pháp mà mình không lợi ích gì hết. Phật pháp không phải như vậy, mà pháp của Phật là nhằm để cứu khổ chúng sanh. Đó là cứu cái khổ sanh già bệnh chết, cái khổ tận tụy tận tim trong trầm luân sanh tử. Nếu mình không tự chủ, không sống được với Phật của mình thì chúng sẽ lôi ta đi đời đời kiếp kiếp.

Quý vị nhớ không ai đỡ để mình bị trôi giạt mãi trong luân hồi sanh tử. Ngày nay chúng ta có duyên gặp Phật pháp rồi, bây giờ chỉ cần khôn ngoan sáng suốt áp dụng Phật pháp trong đời sống của mình để chấm dứt khổ đau. Như vậy mới là người hành trì, là đệ tử của Phật khéo điều trị, hóa giải những bệnh tật của mình. Chủ yếu của đạo Phật là tập giải quyết khổ đau của chúng sanh. Cho nên mong rằng tất cả chúng ta luôn luôn chuẩn bị tinh thần tinh sáng, áp dụng Phật pháp bằng tâm, bằng trí lực, định lực của mình để gìn giữ phát huy gia phong sẵn có lâu đời. Phải làm sao chính mình được hưởng gia phong ấy và duy trì phát triển cho tất cả mọi người cùng hưởng gia phong ấy.

Bài giảng hôm nay tôi muốn nói khỏe mạnh để tu. Sự khỏe mạnh đó không chỉ khỏe mạnh trên thân, mà chủ yếu là khỏe mạnh trên tâm. Bởi vì nếu tâm không khỏe mạnh thì việc tu rất khó. Thân tâm cùng khỏe mạnh hỗ trợ nhau thì việc tu không khó. Chúc tất cả quý vị đều có được một thân tâm tráng kiện ngay trong hiện đời, để hưởng được nguồn an vui hạnh phúc hiện tiền.



NHẬN LẠI TÁNH GIÁC

Trong kinh nghiệm tu hành, cái vướng mắc nhất của chúng ta là vô minh, các Thiên sư gọi là vọng niệm, do đó công phu không tăng tiến được. Vọng niệm là gì? Nó có sức mạnh như thế nào mà làm đảo loạn công phu của chúng ta? Nó có sức mạnh che lấp tánh giác. Đây là những vấn đề người tu Phật, nhất là tu thiền cần phải hiểu cho đến nơi đến chốn, như vậy công phu mới có thể tăng tiến hơn. Cho nên đề tài chúng tôi nói hôm nay là Nhận lại tánh giác.

Các Thiên sư thường nói đến từ vọng tâm hay vọng nghiệp. Song có khi các Ngài cũng nói vọng tâm tức là Bồ-đề. Bồ-đề là giác, vọng tâm là mê, nó cũng là cơn khát của vô minh. Vô minh làm cho chúng ta mờ mịt, từ đó không vững tâm nên dễ thoái bước trên con đường tu tập. Do đó vọng tâm là đối tượng chánh yếu của người tu chúng ta.

Thiền sư Huệ ở viện Hoa Nghiêm - Quảng Châu, có một vị tăng đến hỏi: Người xưa nói vọng tâm không chỗ nơi, tức là Bồ-đề. Vậy chính ngay khi vọng lại có Bồ-đề chăng? Thiền sư đáp: Lời đáp đã rõ. Tăng thưa: Chẳng hội. Thiền sư nói: Vọng tâm không chỗ nơi tức là Bồ-đề.

Qua vấn đáp này, chúng ta nhận ra như thế nào? Nghĩa là ngay khi chúng ta biết được vọng niệm tức là Bồ-đề, chứ gì nữa. Chữ “biết” là giác. Nếu chúng ta hằng sống được với tánh giác là sống với Bồ-đề. Vì vậy Thiền sư Huệ ở Quảng Châu trả lời vị thiền tăng này: Trong lời đáp đã rõ ràng. Tất cả chúng ta nhận được vọng tâm không chỗ nơi tức là tánh giác của chúng ta có cơ hội phát triển được. Sở dĩ ta không sống được với tánh giác vì lâu nay mình bỏ quên nó đi, nên cứ lầm lũi mê muội trải dài kiếp số. Trong cuộc sống này, chúng ta đã tạo tác đủ thứ việc, nghĩa là gây ra bao nhiêu nghiệp thiện ác rồi. Bây giờ có phút giây nào đó, cơ hội nào đó ta chợt nhận lại, những động tác thi vi từ lâu nay xuất phát từ vọng tâm. Cái chợt nhận biết đó là giác, là tâm chân thật của chúng ta.

Người tu nhất là tu thiền, làm sao nhận và sống được với tánh giác đó. Thiền sư đáp, nghĩa ở trong lời đáp đã rõ ràng. Vọng tâm không chỗ nơi tức đó là Bồ-đề. Phật tử hiện giờ trong tất cả thời dù buổi sáng, buổi chiều hay cuối đêm, bất cứ lúc nào chúng ta chợt nhận rằng, tất cả những động tác thi vi của mình từ lâu đều từ vọng niệm hay là nói cách khác từ vô minh tạo ra, là ta có cơ hội mở cửa sống lại với tánh giác rồi đó. Chúng ta có thể hiểu, nhận và sống được với tánh giác của chúng ta.

Thật sự nó luôn hiện tiền, không có phút giây nào xen hở cách ly mình cả. Nhưng có điều chúng ta bỏ quên nên Phật nói chúng sanh mê tánh giác. Bởi bỏ quên nên ta chạy theo những vọng trần, sống với nó và lầm tưởng nó thật, nó là mình. Nếu ta cứ một bề lầm lũi chạy theo vọng trần mãi thì không có cơ hội sống lại với tánh giác đâu. Phải dừng lại. Chỉ bao giờ ta dừng lại, nhìn và kiểm soát từng động tác của mình, nhận ra cái gì đúng cái gì sai thì mới mong thoát khỏi vô minh. Người nào có cơ hội nhìn lại, sống lại với mình thì sẽ an ổn thôi.

Tôi kể một câu chuyện có liên quan đến việc nhận ra tánh giác của mình như thế này. Cư sĩ Phạm Trung làm Tả Thừa Tướng, ông có hiệu là Trí Hư. Ông

đến yết kiến thiền sư Mân tức thiền sư Viên Thông. Vì là một vị quan to trong triều đình, đồng thời cũng đã từng qua lại với các Thiền sư, nên ông đến đây rất tự nhiên và được mời uống trà. Uống trà xong ông than với Thiền sư: “Con sắp già rồi mà còn rơi vào đường quan nên cách việc này hơi xa”. Thiền sư Viên Thông gọi: Nội Hàn. Ông liền ứng thính: Dạ. Ngài Viên Thông bảo: Có xa đâu! Ngang đó cư sĩ nhận lại được tánh giác của mình.

Là một vị quan to, hằng ngày công việc rất bề bộn. Cho nên đến được thiền hội là những phút giây rất quý hiếm. Sau khi uống trà xong ông than với thầy: Con già rồi mà còn vướng vào con đường quan chức thế này, nên việc tu hành còn cách xa quá. Nghe thế, Thiền sư liền gọi: Nội Hàn. Tức là kêu thẳng chức của quan Tả Thừa Tướng, ông ứng thính: Dạ. Thiền sư kết lại: Có xa đâu. Ông vừa nói xa nhưng thực sự đâu có xa, nghe kêu liền “Dạ” là ngay một bên rồi. Nếu xa thì ai ở đó mà nghe. Biết nghe, biết nói là tánh giác hiện tiền. Nó sẵn sàng nhưng chúng ta không dám nhận, đó là tại mình chớ đâu phải tại ai.

Qua những sự kiện người xưa nhận được, chúng ta thấy tánh giác không xa, nếu chúng ta luôn sống được với tánh giác ấy thì an ổn. Hồi xưa những Phật tử có trách nhiệm nặng, bận rộn với công việc quốc gia như vậy mà vẫn tu được, có kết quả tốt. Thế tại sao chúng ta ngày nay rảnh rang hơn lại không tu được? Chỉ vì mình không dám nhận, không dám tin khả năng giác ngộ của chính mình mà thôi. Tánh giác đó luôn luôn sẵn sàng, chỉ cần nhận lại thôi, chớ đâu phải làm gì nữa. Cho nên việc chánh yếu nhất của người tu chúng ta là phải làm sao nhận lại được của báu lâu đời này.

Qua sự kiện trên, chúng ta thấy việc nhận sống và tu của người xưa quả thực không khó. Nhưng công phu của chúng ta hiện giờ chưa được như vậy, tánh giác của chúng ta còn lẫn khuất ở đâu đó là vì mình còn bận rộn công kia việc nọ nhiều quá, chưa buông bỏ được. Vọng tâm không là gì nhưng nếu ta thiếu sức tỉnh giác thì nó sẽ làm chướng ngại việc tu hành của mình rất lớn. Ở một mặt nào đó vọng niệm có sức hấp dẫn ghê gớm, nó kéo lôi rồi đẩy ta vào thế quên bằng mình đi, lãng xăng xuôi ngược cả đời, không phút giây nào tỉnh được. Như vậy cũng đáng sợ chứ, nhưng không có nghĩa là mình không thể chiến thắng nó. Thành ra đối với vấn đề này, đòi hỏi chúng ta phải có tỉnh, có trí tuệ sáng suốt. Để làm gì? Như vị Tả Thừa Tướng ở trên, phải tỉnh sáng để khi nghe Thiền sư gọi đến tên mình liền ứng thính dạ.

Nếu chúng ta sống trong trạng thái lơ lơ lửng lửng, giống như quên lãng, lúc đó ai gọi mình đâu có nghe. Hoặc ngồi trò chuyện với huynh đệ mà không biết họ nói gì, mình nghe gì. Đang tính việc này, việc nọ xen vào, đang nói chuyện con lại nhớ chuyện cháu v.v... Đó là lúc ta bị hụt hẫng, quên mất ông chủ của mình. Nếu cuộc sống như vậy thì quả thực ta bị lưới mê mờ phủ kín rồi, không sáng suốt để thấy rõ việc gì hết. Người luôn bị quần quật trong những trường hợp như vậy thì chỉ sống bằng vọng niệm, không sống được với tánh giác của mình.

Phật nói tất cả chúng sanh từ lâu đến giờ bị các thứ điên đảo nhiễu loạn cũng như người làm bốn phương đổi chỗ. Do làm nhận bốn đại làm thân tướng mình, duyên bóng dáng sáu trần làm tâm tướng mình, như người bị bệnh mắt thấy

trong hư không có hoa đốm lăng xăng. Chẳng những làm nhận tánh của hư không mà cũng quên luôn chỗ sinh ra hoa thật. Từ đây vọng có sống chết trôi lăn nên gọi là vô minh. Trong câu này, ý đầu tiên Phật dạy tất cả chúng sinh từ lâu đến giờ bị các thứ điên đảo cũng như người làm nhận bốn phương đổi dời. Nghĩa là tất cả chúng ta từ đời thuở nào tới bây giờ làm nhận các tướng sanh diệt cho là thật mình. Từ cái gốc làm ấy dẫn dắt mình dài dài, hết làm này đến làm khác, tiếp nối nhau mãi. Cũng giống như người bị bệnh mắt thấy trong hư không hoa đốm bay loạn, mà thật ra hư không đâu có hoa đốm.

Nếu chúng ta biết từ bệnh phát sanh những sự kiện đó, thì ta cũng biết nó không thật, từ bệnh mà có. Nếu con mắt không bệnh, nhìn vào hư không ta thấy rỗng rang sáng suốt. Nếu mình không lấy tay ấn vào con mắt, thì sẽ thấy không mặt trăng thứ hai, chỉ thấy mặt trăng thật thôi. Như vậy yêu cầu đối với người tu là làm sao thấy được mặt trăng thật, đó là người sáng suốt, không bị vô minh vây phủ. Bây giờ cái làm nhận thứ nhất của chúng ta là thân này không thật mà cho là thật, suy nghĩ phân biệt hư dối không thật mà cho là tâm mình thật. Ai đụng tới mình liền nói đụng tới thân tôi, tâm tôi, không được. Bởi làm nhận như vậy nên bỏ quên tánh giác. Từ đó mọi vấn đề rắc rối liên tục xảy ra, trôi lăn sống chết không có ngày cùng.

Quý vị thấy rõ ràng ta lo cho thân này biết chừng nào mới rồi. Còn vọng tâm thì vẽ vời dẫn dắt đi hết chỗ này tới chỗ kia. Đây là gia đình tôi, sự nghiệp của tôi, danh dự của tôi... đến lúc hắt hơi bỏ thân này cũng chưa buông được. Bây giờ những người thân có tâm đạo ngồi kề một bên nhắc nhở: “Anh (Chị hay Thầy,..) hãy bỏ đi! Chuyện thế gian là hư dối, giờ này chỉ nhớ Phật”, nhưng có nhớ được đâu. Những gì đã làm đã quen sâu dày cứng chắc, cạy bỏ là cả một vấn đề. Cạo đầu mặc pháp phục là hình thức bên ngoài rất dễ làm, nhưng cạo bỏ hết các thứ cố chấp si mê, làm nhận thân này tâm này là mình thật khó khăn vô cùng.

Cho nên tu không gì khác hơn là bỏ những tâm niệm mê lầm ấy đi. Đó là cách thức tu gần gũi nhất, đúng đắn mà ai cũng có thể áp dụng được. Dù cho hình thức bên ngoài có to lớn, đẹp đẽ bao nhiêu trong tâm đầy ấp vọng tưởng tối tăm thì cũng thể nói là người tu Phật, hướng là hằng sống được với tánh giác của mình. Sự tu thật ra rất giản dị bình thường, nhà thiền gọi là trực chỉ nhân tâm. Nó gần gũi với chúng ta lắm, bởi vì mình áp dụng thường xuyên trong đời sống này. Đối trước mọi hoàn cảnh, lúc nào ta cũng có thể sống và áp dụng được cái sẵn có sáng suốt ấy.

Tóm lại Phật dạy chúng ta đừng làm mê để phải vướng vào vô minh. Là người con Phật lúc nào chúng ta cũng phải “minh”, dám nhận cái làm của mình tức là dám tu. Chữ “tu” có nghĩa là sửa chớ không gì khác hơn, sửa được những gì không hay, những gì làm dở của mình thành hay thành tốt. Được vậy gọi là tu chân chánh, chưa được vậy thì phải cố gắng lên. Phật đưa ra ví dụ như trong hư không, thật không có hoa đốm nhưng người mắt bệnh làm thấy có hoa đốm bay loạn trong đó. Vì làm chấp như vậy nên không nhận được cái thật, cũng không biết luôn cái không thật nữa. Trong kinh Viên Giác, Phật nói như ngón tay chỉ mặt trăng, người sáng nhân ngón tay này mà thấy được mặt trăng. Người không sáng

chẳng những không nhận được mặt trăng thật mà còn cho ngón tay là mặt trăng, như vậy là làm hư luôn cả ngón tay.

Rõ ràng người không tỉnh sáng làm hỏng đi việc tu hành của mình. Chẳng những không thấy được cái thực mà còn làm hỏng luôn cái phương tiện. Thành thử với người tu chúng ta, nhất định phải tỉnh mới được. Tỉnh để cái gì thật chúng ta biết nó thật, cái gì không thật chúng ta biết nó giả, buông đi. Thấy được thật chất của thân năm uẩn này theo đúng tinh thần Bát-nhã là “soi thấy năm uẩn đều không liền vượt qua hết thảy khổ ách”. Cho nên người không làm thân ngũ uẩn này là hết khổ. Chúng ta cứ khư khư chấp thân này thật, tâm này thật thì ai mà gỡ ra cho được. Tự chúng ta không gỡ, không ai có thể cứu mình được cả. Cho nên Phật dạy Phải soi thấy thật chất đối với thân ngũ uẩn, mới hết khổ. Giản dị như thế thôi.

Rõ ràng mình tu là muốn hết khổ. Khổ của sanh già bệnh chết, khổ trầm luân sanh tử kéo dài lê thê từ vô lượng kiếp đến nay. Khổ của điên đảo vọng tưởng, cái không thật mà cho là thật, đây là nỗi khổ trầm thống nhất, điêu đứng nhất. Bây giờ làm sao ta tỉnh sáng để thấy thủng vấn đề thì hết khổ ngay. Như Thiền sư vừa kêu, vị quan kia liền dạ, đâu có xa xôi gì. Ngay đó nếu chúng ta nhận được, chẳng những vừa hết khổ mà cũng vừa tu được pháp trực chỉ của Tổ sư. Đối với những suy nghĩ vọng tưởng nếu ta buông được thì sẽ thanh tịnh dần dần, chừng đó mới thấy được năng lực của tâm siêu việt. Tâm đó rỗng rang sáng suốt, không phải tưởng tượng hay cảm thụ, không phải suy nghĩ hay chạy ngược chạy xuôi, bám cái này vướng cái kia. Chỉ khi nào buông hết những thứ đó, ta sẽ thể nhập tâm rỗng rang sáng suốt ấy.

Trước khi muốn biết làm sao để phá trừ phiền não, ta nên biết nó xuất phát từ đâu. Phật bảo các lậu là hạt giống phiền não, nên nói chúng sanh hữu lậu. Lậu là lọt. Tức chúng sanh còn phiền não rơi rớt lại nên mới trầm luân sanh tử trong ba cõi. Có mấy thứ lậu:

Thứ nhất là Dục lậu. Kinh nói cõi dục phiền não sâu nặng mà tham dục là căn cội. Tham là những ham muốn. Quý vị nghiệm lại trong sinh hoạt hằng ngày của mình, không khi nào ta hoàn toàn bất động với tất cả các hiện tượng bên ngoài. Không ham muốn cái này cũng ham muốn cái khác, không ham muốn nhà lầu xe hơi cũng ham muốn địa vị. Cho đến tu cũng ham muốn, nhưng là những ham muốn ngược đời; ham muốn được sống trong rừng núi, trong hang đá như các loài dã thú, đừng ai biết tới... Nhìn kỹ tất cả hoàn toàn từ những dấy niệm ham muốn, chớ không gì khác. Nên chư Tổ dạy buông hết những dấy niệm là giải thoát an ổn.

Dục lậu này rất khó trừ diệt. Đôi duyên xúc cảnh tâm liền khởi tham muốn, không kèm chế kịp. Ví dụ nhìn một nhánh cây thấy thích hợp, ta liền muốn nó về chùa mình, mọc ngay trước sân chánh điện. Tham vọng ghé gớm lắm, những cái bình thường thôi mà còn như vậy, đừng nói những thứ tệ hại hơn. Bởi vậy tâm mình lăng xăng cả đời, không lúc nào mình yên được. Người thế gian có khi vất vả cả đời vì danh vọng hão huyền. Còn người xuất gia phải khổ công chiến đấu với loạn quân vọng tưởng. Không chạy theo những tham vọng thế gian, nhưng lại

kẹt cổ chấp trong đạo nên cũng mất hết tâm thể sáng suốt. Tai họa của Dục lậu ghé góm như thế, đâu phải thiên tăng mà yên!

Thành ra đối với Dục lậu làm sao làm chủ được, đừng để bị lọt thì ta thoát được một nỗi khổ. Giống như người đi thi đậu tức là không rớt, người đó sẽ được bái tổ vinh quy. Còn lọt tức là thi rớt, không được bái tổ vinh quy. Tu là ta có được tinh lực để hóa giải tất cả phiền não, được thế dù không ở trên núi rừng mình vẫn yên. Nếu buông được những dục lậu trong lòng, chúng ta ngồi đâu cũng thấy yên. Đi trên danh vọng như đi trên những đóa sen. Chúng ta tu hành cần phải chứng tỏ diệu dụng của đạo lý thanh tịnh giải thoát là như thế.

Thứ hai là Hữu lậu. Hữu lậu có ba cõi hay theo thế giới quan của Phật giáo có tới 25 loài. Chúng sanh lần quần trong vòng luân hồi sanh tử, theo nghiệp sanh đây thác kia. Như người tu Thập thiện hoàn bị thì được sanh lên các cõi trời an vui, còn người tạo những nhân khổ thì rơi vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Do căn nghiệp của chúng ta mà lần quần trong ba cõi, căn bản từ phiền não lậu hoặc mà ra. Nếu chưa sạch phiền não thì quả báo đến với ta, nên gọi là lọt hay lậu. Dù sanh lên trời vẫn gọi là hữu lậu, vì còn rơi rớt lại trong ba cõi. Chỉ khi nào hết lậu hoặc, chúng ta mới hoàn toàn thoát ly sanh tử, chấm dứt khổ đau.

Chúng ta là đệ tử Phật, sống theo tinh thần Phật dạy, tu để được giải thoát như Phật chớ không ham muốn gì khác, thậm chí ham muốn sanh lên thiên giới rục rờ. Bởi vì lên đó hưởng phước đến lúc nào hết phước, nếu ta không biết tu thì sẽ bị rơi vào các cõi thấp hơn, vì nhân phiền não hữu lậu vẫn còn. Cho nên được sanh lên cõi trời đâu hẳn là sướng, nó nguy hiểm trăm phần. Vì lên đó chỉ thụ hưởng, giống như người vung vãi tài sản của mình một cách phung phí thì giàu có bao nhiêu cũng hết. Người ta nói “Tọa thực nhi sơn băng”, dù của cải bằng núi mà ngồi không ăn thì cũng bứt hết. Lên được cõi trời tuy phước báo không thể kể xiết, nhưng cứ hưởng hoài cũng giống người ngồi không ăn, của bằng núi cũng phải sạt lở. Hôm nào hết phước lại phải rơi xuống những cảnh giới thấp hơn, chịu nhiều khổ đau.

Chỉ khi nào bám chân Phật sống ở thế giới của Phật mới được hết các lậu. Chúng ta là đệ tử Phật, theo chân Phật tu hạnh giải thoát thì trước phải dứt hết lậu hoặc. Không sự thành công nào có giá trị tuyệt đỉnh với người ngồi đó chờ nó đến. Không có con bướm bướm nào mang vinh dự đến cho chúng ta như thế đâu, phải có công phu tích cực mới được.

Thứ ba là Vô minh lậu. Vô minh lậu là gì? Phiền não tế vi ẩn mật gọi là vô minh lậu, tức là những phiền não nhỏ nhiệm sâu sắc bên trong rất khó dứt trừ. Hành giả muốn trừ loại lậu này phải có công phu thiền định rất thâm hậu, mới có thể phát hiện và loại trừ nó. Thành ra vô minh lậu là gốc của các phiền não, những phiền não tế vi ẩn mật cực độ bên trong của chúng ta.

Ví dụ cái sân không ai biết nó ở đâu, trong tim trong phổi hay trong tay trong chân, trong bụng trong cổ mình mà đụng tới là nó vọt ra liền, nhanh nhẹn vô cùng. Dù lúc đó quý vị đang đứng trước bàn Phật hay đang ăn cơm, hoặc chuẩn bị ngủ nhưng nghe ai nói câu gì trái tai thì anh sân nhảy ra liền, phá hủy hết tất cả các chương trình mình đang làm. Nó gắn liền, thân thiết với chúng ta như vậy, cho nên

gỡ được nó không phải chuyện một ngày một bữa. Do đó người tu là người kiên trì, gan dạ, nhẫn lực rất lớn mới phá hết vô minh được. Sự tu học của người con Phật chủ yếu là phải tỉnh táo sáng suốt, đừng để vô minh lậu, hữu lậu, dục lậu chi phối. Hay nói gọn hơn, chúng ta đừng để vô minh tăm tối làm mờ tánh giác của mình.

Nói về vô minh không thật thể này, Phật dạy: Tất cả chúng sanh trong chỗ không sanh vọng thấy có sanh diệt thế nên bị luân chuyển sanh tử. Chúng sanh sống trong chiêm bao, bỏ quên tánh giác, nhận làm đồ giả cho là thật để rồi lăn quẩn trong sanh diệt không có ngày cùng. Bây giờ thấy được lẽ thực của mọi vấn đề chúng ta cố gắng vươn lên. Thấy tận nguồn gốc thân, tâm và cảnh bên ngoài đều không thật, đều là hoa đóm trong hư không, thì mình đừng bám víu vào nó nữa, buông bỏ hết đi. Chúng ta thấy rõ do lậu hoặc vô minh che đậy, mà mình không phát huy được tánh giác rỗng rang sáng suốt của mình nên bây giờ nhất định phải xé tan màng vô minh ấy đi. Phải sử dụng đến trí tuệ, phục hồi được trí tuệ của chính mình mới đủ sức phá tan vô minh.

Muốn thế trước tiên chúng ta nên thực hành pháp Chân quán. Chữ “quán” tức là phân tích, quán sát thấy rõ. Ví dụ như trước mắt chúng ta thấy có quạt máy, đồng hồ, bức tranh... Bây giờ ta quán chiếu phân tích cái quạt này có những cánh, rồi do nguồn điện xuyên qua những động cơ khiến các cánh quạt quay v.v... Nếu thiếu một bộ phận một nhân duyên nào thì cái quạt không hoạt động được hay không thể gọi nó là quạt. Dùng chân trí quán sát như vậy để biết tự thân mình cùng tất cả chúng sanh đều bình đẳng như nhau, nên ta sẽ không còn phân biệt đây kia, có thương có ghét nữa. Hai bên đối đãi không còn thì phiền não cũng chấm dứt. Đó là chỗ khởi nguyên của đồng thể đại bi.

Điều này cần lắm, nhất là đối với người tu chúng ta. Lúc nào chúng ta cũng sử dụng đến chân quán này. Để làm gì? Từ chân quán chúng ta thấy suốt chân tánh của các pháp. Để làm gì? Để thấy mình và tất cả chúng sanh đều đồng thể, đều bình đẳng như nhau. Từ đó ta mới nhận được lời dạy của Phật: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Lời này chúng ta đã được học lâu rồi, nhưng không biết từ cơ sở nào để nhận được.

Nếu chúng ta chỉ thấy trên hình thức thôi, chưa phải cái thấy quán chiếu thì không thể soi thấu tận gốc rễ của muôn sự muôn vật. Ở đây nói tánh thể hay là chân tánh để thấy được sự đồng thể của nam và nữ, sự đồng thể của chính mình và vạn vật. Thấy được sự đồng thể đó rồi, mình mới tin nhận tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành, ai cũng có khả năng thành Phật. Nghĩa là ai tu cũng có thể thanh tịnh giải thoát được. Trí quán chiếu này rất cần đối với chúng ta, nó không bị hình thức bên ngoài làm mờ chân tánh của mình. Mà người tu phải có cái nhìn thấu thể, nhìn sâu tận nguồn cội bên trong như vậy mới được.

Trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Thường Bất Khinh đời đời kiếp kiếp thị hiện giáo hóa chúng sanh chỉ bằng một bài kinh giản dị. Mỗi khi ra đường ở bất cứ nơi nào, gặp bất cứ ai, Ngài cũng đều bái bái nói: “Tôi không dám khinh các vị, vì các vị là Phật sẽ thành.” Chỉ chừng ấy thôi mà bài pháp của Ngài rạng rỡ, bay khắp và chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Nhưng chúng ta đổ ai làm được, vì nó

giản dị quá nên mình làm không được. Chúng sanh chỉ làm được những gì rườm rà, khó khăn, còn giản dị quá lại làm không được, mới lạ chứ!

Thứ hai là Thanh tịnh quán. Từ chân trí ta quán sát, thấy giữa tịnh pháp và nhiễm pháp, hai thứ không đến nhau. Hai thứ này không đến nhau, không dính nhau. Cũng may, nếu nhiễm mà phá được tịnh thì ta tu không nổi đâu. Rõ ràng dù mình có trôi dạt trong luân hồi sanh tử bao lâu, tâm thanh tịnh vẫn không mất. Chỉ khi đủ duyên bỗng nhiên ta phát hiện được sự có mặt thường xuyên của nó. Rõ ràng như Tả Thừa Tướng Phạm Trung, nghe Thiền sư gọi ông dạ, liền biết mình đâu từng mất. Chúng ta cũng như vậy, dù có luân hồi sanh tử, bị nhiễm ô gì chẳng nữa, cái tịnh vẫn không mất.

Như câu chuyện trong kinh Niết Bàn, nói rằng: Mùa hạ, mùa thu nhiều người đi chơi ở một đầm nước thật trong, thấy nước trong quá nên lượm viên đá thả xuống, do viên sỏi rơi vào nên nước hơi đục, viên đá lặn mất. Người thông thường nói viên đá mất nhưng người có trí biết không mất. Chờ lúc đầm lắng trong trở lại, chỉ cần lặn sâu dưới đáy đầm là lấy được nó. Chỉ cần dùng trí nhìn rõ xem nó ở đâu, ta lượm nó lên không khó.

Hiện tại chúng ta còn nhiều phiền não, lậu lậu đầy đầm nên nước đục không thấy viên sỏi ở đâu. Bây giờ phải ngồi tĩnh lặng, xem gốc phiền não từ đâu mà có. Thấy được căn cội của phiền não rồi thì nhổ nó lên không khó. Tóm lại chúng ta phải tỉnh mới tu được, chớ sỏi đùng đùng với những trận phong ba lôi đình thì làm sao tu được. Nhờ tỉnh mới thấy phiền não do vô minh si mê mà có, vô minh này vốn không thực thể, do đó ta không chấp không kẹt nó nữa. Như vậy là nhổ bỏ gốc phiền não được rồi. Đó gọi là biết tu, biết quán thanh tịnh. Dùng chân trí thanh tịnh quán thì chúng ta luôn sống với pháp tịnh hay tánh giác không ô nhiễm của mình.

Trong kinh Phật dạy vô minh chẳng có thật thể, như người trong mộng thấy có các cảnh, nhưng khi thức giấc hoàn toàn không có gì. Phật muốn chỉ cho chúng ta thấy vô minh hay dục lậu không có thật thể. Giống như người ngủ chiêm bao thấy cái gì cũng thật hết, nhưng thức giấc tất cả đều không. Thấy đồ Trạng vinh quy bái tổ, vợ đẹp con ngoan đủ thứ chuyện trên đời, nhưng giật mình thức giấc tìm không ra mộng. Vô minh lậu hoặc cũng như thế, nó không có thực thể. Khi mê thì có, lúc ngộ liền không.

Chúng ta biết tu rồi cố gắng làm sao đừng để những giác chiêm bao mê hoặc mình, đừng kéo dài tô vẽ thêm cho những giác chiêm bao. Mình phải làm gì? Phải biết cuộc đời là chiêm bao, chỉ như thế thôi. Khi biết rõ thế gian chỉ là chiêm bao, tức là mình thấy được lẽ thực của các pháp, sống được với tánh giác phần nào rồi. Cho nên Phật Tổ dạy: Cuộc đời là chiêm bao, thế giới là chiêm bao, là mộng mị, là giả huyền. Ta biết như thế, sống thực như thế, tức là ta có trí tuệ và hằng sống với tánh giác của mình. Ta nhận được vô minh lậu hoặc không có thực thể, giống như giác chiêm bao thì ta hết khổ, vì như vậy là bắt đầu sống lại với tánh giác của mình.

Phật tử biết đi chùa là có tỉnh, biết lạy Phật, biết tu là có tỉnh, biết làm lành lánh dữ là có tỉnh. Chúng ta đi trên con đường sáng trở về với tâm rỗng rang là có

tỉnh. Dù tỉnh ít nhưng vẫn có tỉnh chớ không phải đang mê mệt với những giấc chiêm bao. Quý vị nhớ dù trong chiêm bao, mình là vua, là tể tướng quyền uy tột đỉnh, giàu sang tột đỉnh... tất cả đều là mộng, không có gì thật cả. Ai nhận được như vậy sẽ thấy xót xa cho chính mình. Tại sao xót xa? Vì đường về nhà thật là ngắn nhưng vì mình cứ ngủ vùi trong chiêm bao nên thành ra dài không biết bao nhiêu đời kiếp! Chúng sanh cứ khổ hoài mặc dù cái khổ ấy không thật. Như vậy không xót xa sao được?

Rõ ràng nếu chúng ta chịu học, chịu tu đâu có trôi lăn đến ngày hôm nay. Chỉ khi nào mình nhận ra cuộc sống lâu nay ta mê đắm là huyền mộng thì mới nhẹ nhàng thoải mái buông bỏ nó. Cũng như hoa đóm trong hư không tự diệt trong hư không, chẳng thể nói nó có chỗ diệt. Tất cả những giấc mộng của chúng ta đều giống như hoa đóm trong hư không vậy. Do con mắt bệnh nên mới sanh sự như vậy, một khi con mắt hết bệnh rồi, ta không thể tìm được hoa đóm đó diệt ở đâu. Bởi đó là chuyện không thật, chợt sanh chợt hiện làm gì có chỗ nơi. Nếu chúng ta nhận được thấu suốt điều này thì sẽ bình an, vui vẻ vô cùng. Chúng ta yên lòng hành đạo, yên lòng làm tất cả việc công đức, khỏi phải lo lắng gì cả.

Vì khi biết rõ thân này không thật thì danh vọng địa vị, sự còn mất của nó đâu có gì quan trọng nữa. Nếu làm nó thật ta sẽ lo sợ đủ thứ, sợ mất tài sản, địa vị, danh vọng, hạnh phúc gia đình... Đến nỗi sợ mai một mình chết, không biết có hòm tốt chôn xác không, nếu hòm xấu sẽ bị nhục. Đủ thứ lo sợ vẩn, tội nghiệp như vậy. Đó là từ những cái lầm căn bản về thân và tâm mà ra. Cho nên khi đã biết tất cả đều không thật thì sự còn mất không làm gì được ta nữa. Chính chỗ đó là chỗ các Thiền sư tự tại khi ra đi. Các Ngài còn nói chết như cởi được cái áo nóng bức giữa mùa hạ, nghe khỏe khoắn nhẹ nhõm vô cùng. Chúng ta chưa được thế là vì lầm chấp trong chiêm bao sâu quá, nên ôm khổ dài dài.

Người làm chủ được mình, sống với tánh giác, tự tại trước vấn đề sinh tử là người thanh tịnh giải thoát hoàn toàn. Điều này chúng ta có thể làm được, nhưng quan trọng là mình có chịu làm hay không? Đôi khi vì giản dị quá nên ta xem thường, cứ để ngày qua ngày. Chúng ta đâu biết thời giờ trôi qua nhanh lắm. Như mới hồi sáng đây mà bây giờ đã trưa, rồi tới chiều tới tối hồi nào không hay. Thời gian trôi vun vút không ai bắt nó dừng lại được. Thế mà chúng ta cứ để duôi qua ngày qua tháng, đó là điểm các Thiền sư thường quở trách kẻ học đạo thời nay. Ngồi đó nhìn thời gian qua suông là đánh mất chính mình, mà ta đâu hay biết gì. Thế nên chư Tổ thường nhắc kẻ tu hành phải mãnh tỉnh cố gắng công phu, đừng để vô thường kéo đến trở tay không kịp, bọn chúng không tha cho bất cứ ai đâu.

Buổi sinh hoạt đạo lý hôm nay, tôi xin nhắc tất cả chúng ta cùng nhớ, sở dĩ mình chưa sống được với tánh giác là vì chưa chịu bỏ những thứ lậu hoặc mê lầm, chưa chịu sáng, chưa chịu nhận lại tánh giác của mình. Do đó cái rất gần, rất quý báu mà mình không nhận được. Bởi vậy nên chúng ta khổ. Đó là điều thứ nhất. Thứ hai, niệm tướng lậu hoặc không thật, như chiêm bao ta không nên đeo bám theo nó, cho là thật. Điều thứ ba, người tu Phật phải dùng trí để nhận ra những thứ không thật và tánh giác chân thật. Có trí tuệ ta không bị những hình thức bên

ngoài chi phối, không bị ái kiến trói buộc, thấy được lẽ thực của các pháp, thấy tất cả chúng sanh đều là Phật sẽ thành, đều bình đẳng như nhau vì cùng có tánh giác.

Đó là những gì tôi muốn nói với quý vị.



ĐỪNG CHẤP THỦ ĐỂ TU

Hôm nay chúng ta sẽ bàn về những mắc mứu thuộc phần tinh thần mà người tu nào cũng đều có trải qua. Từ đó chúng ta rút kinh nghiệm tu tập cho bản thân, đồng thời hỗ trợ cho các bạn đồng hành vững bước trên con đường tu đạo.

Mắc mứu thứ nhất là những chấp thủ về hình thức. Danh từ chuyên môn chữ Hán nói “thủ tướng tùy động”, nghĩa là còn vướng còn chấp bất cứ một hình tướng nhỏ nhặt nào là còn bị động. Còn bị động là còn tạo nghiệp nhân, nhất định phải chuốc lấy nghiệp quả. Nếu ai buông được, lắng yên những thủ chấp này thì sẽ như như bất động. Bao giờ chúng ta không còn những mắc mứu thì tự tại giải thoát. Cái không mắc mứu này chẳng phải đợi đến lúc ta lễ Phật, tụng kinh, ngồi thiền, thuyết pháp... mới có. Nó hiện hữu liên tục, mãi mãi bên chúng ta không lúc nào vắng thiếu. Chỉ có điều chúng ta còn dính dáng một chút mắc mứu nên trở thành ngăn ngại.

Chúng ta thương mình nên tự dành dụm, đầu tư trí tuệ thế nào để triệt tiêu những thủ tướng, những mắc mứu trong lòng ta. Nếu thiên hạ thấy được trong ruột, trong bụng ta chắc là xấu hổ lắm. Tại sao? Vì những mắc mứu cù cặn nhiều quá, rất là nhiều... Có những thứ đáng lẽ không nên tồn tại, mà nó cứ nằm ì ra đó, ta không làm sao vứt bỏ đi được. Bây giờ mình phải tu tập như thế nào để buông xả được, đừng chấp thủ nữa thì mới an ổn như như bất động.

Phật dạy tất cả các pháp đều do nhân duyên sinh, nếu hiểu rõ như thế tự nhiên những chấp thủ của ta sẽ tan loãng, không còn keo sơn đan kết một cách cứng chắc như trước nữa. Người tu là người có con mắt trí tuệ soi thấu tánh tướng của muôn pháp. Biết nó do duyên hợp thì cũng sẽ do duyên tan, không có gì thật, không có gì cố định nên chấp giữ làm gì? Giờ ăn cũng chẳng dính dáng, giờ nghỉ cũng chẳng dính dáng gì, đối với sự sống, đối với con người, đối với tất cả đều không dính dáng gì cả. Mỗi pháp đều trở về bản vị của nó, tự tại bất động thôi.

Ví dụ như quý vị ở am thất trong đạo tràng này, tối thiểu mỗi vị có một thất nhỏ, một hũ gạo, một chai tương, nhang đèn... Bình an trong tối thiểu là vậy. Nhưng nếu quý vị không dùng được, mỗi ngày thêm một thứ, cuối cùng những thứ này sẽ quấy rầy lại quý vị. Rồi còn các mối quan hệ chung quanh nữa, thầy tổ, huynh đệ, gia đình... liên tiếp thay nhau quấy rầy hoài. Chỉ khi nào ta dám cắt đứt, dám buông bỏ, đừng để liên hệ nữa thì mới yên. Như quý thầy quý cô muốn ngồi thiền yên chừng năm phút có dễ không? Không dễ. Hòa thượng thường dạy chúng ta chuyện quá khứ không thật bỏ đi. Chuyện tương lai chưa tới bỏ đi. Niệm hiện tại đang sống liên tục đây, phải ý thức một cách sâu sắc cái giây phút hiện tại.

Không thể nào có sự thiên định với những dữ kiện phức tạp trong cuộc sống như vậy. Bất cứ một vấn đề gì còn nắm lại là còn mắc mứu, cho nên chúng ta phải buông xả hết mới tự tại giải thoát. Có vậy mình mới thật sự hiện hữu trong lúc sống cũng như bình an trước lúc chết. Ta là người tu mà lúc ra đi không tự tại, không dám cười từ giã mọi người trước khi đi, mà trần trọc lẫn lộn nhớ người này thương kẻ kia tiếc cái nợ v.v... Như vậy hóa ra Phật pháp đối với ta không có tác

dụng gì cả, giá trị thiết thực của lời Phật dạy không dính dáng đến việc tu học của chúng ta.

Trong một gia đình, một đạo tràng, một ngôi chùa có huynh đệ nào tu học giới đức trang nghiêm, công đức đầy đủ thì quý hóa vô cùng. Người dám buông bỏ hết, ngôi yên vững vàng trong thế định tinh sáng suốt, làm chủ mình trong mọi thời khắc mọi sinh hoạt, người này rất khó tìm. Thật ra ai cũng có thể làm được, nhưng vì chúng ta không quan tâm đến việc này thôi. Chúng ta quên rằng mọi thứ sẽ đổi thay, vô thường chi phối nhanh chóng. Một phút giây nào đó không biết trước, ta sẽ nhắm mắt qua đời khác, chừng đó muốn tu cũng không làm sao tu được. Vô thường mãnh liệt vô cùng, không có ông thầy kiện, ông thẩm phán nào có thể cãi cọi với bản án này. Tất cả chúng ta đều bị tuyên án, thế tại sao ta không lo việc của mình?

Người tu hạnh hỷ xả sẽ bình thản an nhiên đối với vấn đề này. Bởi vì họ có thể đương đầu với mọi sự việc sẽ tới, đủ sức làm chủ mình được sáu bảy mươi phần trăm. Nếu chúng ta không bị chấp thủ khổng chế, buông được, làm chủ an nhiên tự tại đối với những sinh hoạt thì chắc chắn ta sẽ được như vậy. Ngược lại ta thấy mình có chút vương vấn gì đó, thì con đường này còn cách xa lắm. Tôi xin nhắc lại: Chấp thủ thì động, nếu không chấp tướng chấp thủ thì như như bất động. Đây là đề án tu hành của chúng ta. Giản dị như thế.

Người tu hành chân chánh biết rằng có sự hỗ trợ của chư Phật, tất cả các bậc thánh hiền, thiện hữu tri thức mười phương đều hướng về chúng ta, nhưng chính yếu vẫn là sự tự nỗ lực của mình. Chúng ta không cầu cạnh, không ỷ lại vào những tha lực đó, mà lúc nào cũng phát huy thực lực, phát huy trí tuệ Bát-nhã của mình. Có trí tuệ thì phá tan vô minh, chất cố chấp keo sơn đó liền tan loãng đi. Chúng ta sẽ mở cửa hòa vui với tất cả trong an nhiên tự tại.

Các Thiền sư nói kết quả siêu xuất nhất của người tu hạnh giải thoát là xem sống chết như đắp chăn đông, như cởi áo hạ. Mùa hạ nóng bức mà cởi được chiếc áo như nhớp ra, thật thoải mái thích thú vô cùng. Muốn đến được đỉnh cao ấy, trước tiên chúng ta phải quán sát “tất cả pháp hữu vi đều như mộng”. Trong kinh Kim Cang, Phật dạy “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán”. Nghĩa là tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như điện chớp, phải nên quán như thế. Biết chính xác như vậy thì đối với tất cả pháp xung quanh chúng ta không còn chấp thủ nữa. Đây là một sự chuẩn bị cho mình.

Nếu nhận định một cách sâu sắc những điều này chúng ta sẽ thấy Phật pháp hay vô cùng, thiết thực vô cùng. Nó hỗ trợ cho việc buông xả và tiêu trừ những chấp thủ của chúng ta, giúp ta có cái nhìn bằng trí tuệ chân thật. Một cái nhìn không do sự cù cặn, bảo thủ, cái nhìn thông thoáng, khoan dung nhẹ nhàng. Một khi ta biết các pháp hữu vi là mộng huyễn, là bóng là bọt, như điện chớp v.v... là biết sự tồn tại của các pháp do duyên hợp, giòn bở dễ tan vỡ. Biết được như vậy, tức chúng ta đã tỉnh sáu bảy mươi phần trăm rồi.

Một hôm nào đó tôi nghe người ta diễn tả về sức công phá của bom nguyên tử, của tia la-de thật kinh khủng. Nó có thể làm vỡ tung tường vách núi non, biến

tất cả thành tro bụi chỉ trong nháy mắt, xuyên qua tất cả tế bào tiêu diệt những loại vi trùng cực vi nhất. Cũng thế, năng lực của một người có trí tuệ, có công phu buông xả cũng lớn như vậy hay còn lớn hơn nữa. Có thể ta mới làm chủ được mình trước ma lực của vọng tưởng, phiền não, ngũ dục. Chúng ta ngồi đây khỏi phải đi đâu, tất cả những sự kiện chung quanh đủ sức kéo lôi mình rồi.

Ví dụ trước mắt chúng ta có nhà cửa, cây cảnh, người mình thương kẻ mình ghét v.v... đủ cả. Nếu không có trí lực, ta ngồi đây mà bị các thứ ấy dẫn đi, không nghe được chút pháp nào cả. Thấy cái nhà liền nghĩ cái nhà này nhỏ hay lớn, đẹp hay xấu, cất hồi nào, ai cất? Hoặc thấy cây cảnh thích hợp, tâm liền duyên theo không biết làm sao để được một chậu kiểng như vậy. Nhìn người thương muốn gần gũi nói chuyện, thấy kẻ ghét bực bội chướng mắt chướng tai, họ làm gì mình cũng xem không được v.v... Như vậy là mất hết thời pháp sáng nay rồi.

Bao giờ ta gỡ được, buông được những thứ đó nó mới không quấy rầy mình nữa, không làm trở ngại đoạn đường chúng ta đang đi. Cho nên trí lực làm tan loãng những cố chấp, giúp chúng ta gầy dựng được công phu tu hành vững chắc. Nếu gầy dựng, phát huy được như thế thì mình bình an, có thể đương đầu với mọi thứ mà không sợ sệt, vẫn giải quyết một cách nhẹ nhàng êm đẹp. Nếu chúng ta biết thương mình thì nên chuẩn bị cho việc sắp tới như vậy đó. Huynh đệ ở đây có thầy, có Phật pháp, có tất cả những điều kiện thuận lợi để chuẩn bị. Nếu còn lận đận lao đao là tại mình thôi.

Trong công phu hàng ngày, chúng ta đã được Hòa thượng chỉ dạy rất kỹ, bây giờ chỉ cần cố gắng thực hành một cách siêng năng tinh tấn thì kết quả chắc chắn tốt đẹp. Thời gian qua mau, nhìn lại trong chớp mắt, chúng ta không nỗ lực tu là bỏ lỡ cơ hội ngàn năm. Ở đây nhiều cụ ngồi lại nói chuyện, mới hôm nào dọn xuống Thường Chiếu phá cỏ, đánh gốc cây, cắt chòi, làm rẫy, làm thiên thất, tu học... nhưng vì một cái tính lại đã trên hai mươi năm, xem như một phần tư thế kỷ. Một phần tư thế kỷ hình thành, những vết tích còn lại trên thân này tâm này chỉ là những chiếc bóng mà thôi. Thế gian gọi là kỷ niệm, nhưng nhà Phật bảo nó là vọng tưởng không thật, nhớ giữ đeo mang làm gì những thứ cù cặn đó cho khổ.

Phật dạy tất cả pháp thế gian như mộng huyễn bào ảnh. Bào là bọt bóng. Chúng ta thấy trời mưa, giọt nước trước rơi xuống biển thành bọt rồi vỡ ra, giọt thứ hai cũng rơi xuống thành bọt, vỡ ra. Hoặc là chúng ta đi biển thấy đợt sóng này vừa nhô lên thì đợt sóng khác đập tới, cứ như vậy nối tiếp nhau hình thành. Cuộc sống của chúng ta cũng thế, liên tục chất chồng bởi những chiếc bọt dễ vỡ, mà mấy ai nhận ra, mấy ai chấp nhận. Bởi không chấp nhận nên chúng ta khổ. Cắt một cái thớt cũng muốn nó tồn tại trăm năm. Mua xấp vải cũng phải đồ ngoại, đồ xịn mới được. Nghĩ cho cùng chúng ta khổ là tại mình quá mê lầm, đại dột.

Hàng đệ tử Phật gọi là Thích tử, chỉ có con trai con gái của Phật mới dám nghĩ, dám buông bỏ những cái thế gian đắm say mê lầm. Sống hành trì và hóa giải mọi thứ cù cặn đó. Chỉ có người tu mới thấy thủng mọi vấn đề bằng con mắt trí tuệ Bát-nhã. Nhờ thấy biết một cách như thật nên không còn đắm trước, cố chấp vào những thứ ấy, nên hoàn toàn tự tại an vui. Chúng ta nghiệm kỹ bài kệ vừa rồi

trong kinh Kim Cang sẽ thấy Phật dạy thật thấu đáo, nếu chịu thực nghiệm lập tức ta sẽ tận hưởng nguồn an lạc ngay trong hiện đời và cả đời sau.

Học Phật mà không áp dụng được giáo lý Phật dạy là một thiệt thòi lớn. Ví như ta đang mặc một chiếc áo thật đẹp, bỗng có người bạn thân đến thăm. Hai tay như của họ chụp lên áo mình, khi ấy ta thế nào? Phiền não, trong lòng không vui dù đó là bạn thân của mình. Cái phiền não đó không va chạm người bạn, nó chỉ tự đốt trong lòng mình, tự loạn trong tâm mình. Cứ thế ta không hóa giải được và cứ nuôi nó lớn dần thành nổi bức xúc riêng, mất đi cái an nhiên tự tại bình thường. Chỉ một việc nhỏ thôi cũng đủ cho chúng ta thấy sự cố chấp đem đến bao nhiêu họa hoạn cho mình, huống là những cố chấp keo sơn cứng chắc hơn thế nhiều.

Nếu bình tĩnh ta biết cái áo này giả, dù hiện tại nó trắng đẹp, mình rất thích nhưng lâu ngày nó sẽ bạc màu, sẽ rách. Dù bây giờ anh bạn không lấy tay như chụp lên thì mai một nó cũng sẽ đen xấu vì bụi bặm của thời gian không gian ở đâu không có. Bởi biết tương lai nó sẽ như thế nên bây giờ có dơ cũng chẳng sao. Hiểu như vậy ta không đặt thành vấn đề gì cả, như vậy là hết phiền não, hết khổ. Đơn giản quá chừng. Nhưng muốn sống như thế cũng phải chịu khó huân tập. Cái biết của người có trí tuệ chỉ được nuôi dưỡng bằng trí tuệ, chớ không thể nuôi dưỡng bằng si mê điên đảo. Nếu ta không tỉnh sáng thì không thể sống một cách trí tuệ như vậy đâu!

Giải quyết phiền não, những cù cặn bên trong bằng hình thức thôi thì chẳng tới đâu. Ngay trong nguyên nhân chúng ta không hóa giải được thì cả ngày mình sống trong bất an, bất như ý. Hoặc buồn hoặc vui chớ không yên định. Buổi sáng thì buồn, trưa chút lại vui, chiều đến không mấy gì hoan hỷ, tối bỗng không vui v.v... mở mắt ra là nhiệm vụ, bổn phận. Cứ như thế. Cuộc đời ta vô tình mất mát hết, sống như đã chết, không an trú trong cái hiện hữu bao giờ.

Thế nên chúng ta phải nhớ thật kỹ lời Phật dạy: Người tu phải có trí tuệ, người tu phải có định tĩnh, người tu phải buông bỏ được tất cả pháp. Nhật Bản có câu chuyện này. Một hôm hai thầy trò nọ đi ngang qua đoạn đường có khúc sông chắn lối. Bấy giờ một cô gái cũng muốn qua bên kia con sông nhưng cô không biết làm sao qua được. Bấy giờ vị thầy liền cõng cô gái lên vai lội qua khúc sông. Lên đến bờ ông ta bỏ cô gái xuống và bình thân đi tiếp tục. Nhưng người trò lại có vấn đề, mặt mũi méo xẹo không thềm làm bổn phận của người đệ tử đối với thầy nữa. Chú mang tâm trạng nặng nề ấy đi vào phố thị, rồi lên núi lên non. Cuối cùng chịu hết nổi chú lên tiếng với Sư phụ: Tại sao Sư phụ là người tu hành lại vác cô gái trên vai qua sông, như vậy là phạm giới rồi? Vị thầy thân nhiên nhìn người đệ tử rồi cười nói: Ta đã bỏ cô ấy xuống ngay tại bờ sông, không ngờ chú còn vác lên tới tận trên đây!

Thưa quý vị, tất cả chúng ta đều là người học thông đạo lý, nhưng mình cũng mang nặng như người đệ tử kia vậy. Kinh nghiệm cho thấy chúng ta còn chấp thủ nhiều lắm, có khi còn nặng hơn vị đệ tử đó nữa. Chúng ta học thuộc kinh điển, nhớ hết, hành trì chút chút nữa nhưng mang vẫn cứ mang. Nhà thiền gọi bệnh này là “Biết mà cố phạm”. Nếu ai có thiên nhãn thấy được ruột gan của mình, chắc là họ cười vỡ bụng. Lẽ ra trong bụng mình có ngũ tạng là đủ rồi, nhưng

ta còn chứa trăm ngàn thứ khác, toàn là gai góc. Vì vậy cái bụng nó chịu hết nổi nên phải trướng lên, vỡ ra. Những thứ cù cặn tạp nhạp do chúng ta cất chứa lâu ngày biến thành nội kết, tích tụ khí độc như vậy làm sao không đau đớn thống khổ chứ? Ngẫm kỹ lại chính mình tự hại mình mà thôi, không có ai vào đó cả.

Bây giờ nếu chúng ta không chịu buông tay thì phải nín thở vì vỡ bụng thôi. Người tu Phật cốt để được giải thoát mọi sự ràng buộc, nếu chúng ta không hóa giải nội kết được thì không đủ gọi là đệ tử Như Lai. Phải trực tiếp giải trừ cội gốc si mê ấy mới an lạc, tự tại được. Hôm nào đó các huynh đệ quỳ dưới bàn thờ, dưới tượng Phật hoặc quỳ trước ân sư của mình trình bạch: Kính bạch Phật, bạch Tổ, bạch Thầy, con nguyện sẽ giải trừ hết những thứ không cần thiết trong lòng, để được an lạc. Dám phát nguyện như thế, chúng ta mới đủ sức mạnh giải trừ những thứ linh kinh đó. Lời nói, hành động, việc làm của mình hôm ấy sẽ thành chí nguyện, có Phật Tổ hoặc thầy chứng minh, chúng ta không dám xao lãng. Nhờ thế chúng ta thực hiện chí nguyện được hoàn bị, tới nơi tới chốn.

Người tu đến được chỗ giải thoát mọi buộc ràng, sống an vui tự tại rồi thì còn gì có thể không chế vây hãm được nữa. Người đó thật sự là người dũng mãnh nhất, hạnh phúc nhất, thống khoái nhất trên đời. Sống chết sẽ không còn làm gì nổi những bậc đạt đạo như thế. Trong sử kể lại câu chuyện của tổ Sư Tử thế này. Một hôm vua Kế Tân nghe lời sàm tấu của nịnh thần, cho rằng tổ Sư Tử là ngoại đạo tà kiến đến Trung Hoa mê hoặc quần chúng. Vua sợ ảnh hưởng đến việc trị dân nên xách gươm đến gặp Tổ. Đến nơi gặp Tổ, vua lăm lăm thanh gươm trong tay hỏi:

- Trẫm nghe Hòa thượng nói năm uẩn vốn không. Vậy Ngài có thể cho Trẫm mượn cái đầu được chăng?

Tổ Sư Tử ung dung đáp:

- Năm uẩn đã không, sá gì cái đầu!

Vua Kế Tân liền đưa gươm chặt bứt cái đầu của Tổ. Bấy giờ một dòng sữa trắng vọt lên khiến nhà vua biến sắc, quỳ xuống tạ tội thì mượn rồi. Nghiệp dữ đã tạo, phải chuốt quả báo thôi, không ai có thể cứu được. Phần Tổ thì Ngài vẫn an nhiên tự tại, tứ đại năm uẩn có hợp có tan, dính dáng chi tới Ngài đâu. Tổ sư đã siêu xuất sanh tử rồi, sống chết làm gì được tâm thể bất sanh bất diệt của Ngài.

Trở lại việc tu hành của chúng ta. Trong kinh Bát-nhã Phật dạy thân này không thật, chúng ta đọc tụng hằng ngày hẳn ai cũng biết như thế. Nhưng giả dụ có người đến xin mình một ngón tay hoặc một cánh tay, ta dám đưa ra như Tổ không? Chắc là không. Bởi chấp thủ quá chặt nên mình bị đau khổ điều đứng bởi thân này. Chúng ta không thấy được pháp thân chân thật, cứ bị gò bó hạn hẹp nơi thân này. Nó làm cho mình lao lung giống như con khỉ bị nhốt trong lồng, lằng xằng chạy tới chạy lui mà cửa lồng đã khóa kín. Nếu thoát ra khỏi lồng năm uẩn, nhận được chân thể thì đạo Vô thượng Chánh-đẳng Chánh-giác đâu có xa.

Việt Nam có một ông vua Thiên sư đã nói thế này:

Tương đầu lâm bạch nhãn.

Du như trăm xuân phong.

Tôi tạm dịch:

Đưa đầu kẻ gươm bén,

Dường như chém gió xuân.

Đó là lời của vua Trần Thái Tông. Cái nhìn, cái sống của các ngài như thế. Việc đưa đầu vào grom bén giống như dùng dao bén chém gió xuân vậy. Phải là người sống được với tánh giác mới có lời lẽ và tư thái ung dung như vậy. Chúng ta tu thiền nhất định phải thực hiện theo tinh thần ấy, bất luận thời gian bao lâu. Người có quyết tâm thì làm được, không sợ không ngắn khó khăn hay thời gian lâu xa. Nếp sống đó chủ yếu được xây dựng trên tính giác. Nó không bị dính dáng, không bị ràng buộc kéo lôi bởi tất cả các pháp. Vua Trần Thái Tông nếu không ngộ thiền, không phải là Thiền sư, không sống được với tánh giác thì không bao giờ nói được câu này.

Bao giờ chúng ta thể nghiệm được tánh giác, thì cuộc sống này nhẹ nhàng, thanh thoát, bình an ngay lập tức. Chúng ta sẽ không bị mắc mưu bởi nhà cửa, huynh đệ, ăn uống, ngủ nghỉ, bởi tất cả những gì có hình tướng sanh diệt trong cuộc sống này. Muốn thế mình phải buông. Buông cái gì? Buông sự cố chấp. Như khi ta gánh nặng đi trên con đường xa lâu dần sẽ cảm thấy rất mệt mỏi. Khi đó, muốn bớt mệt, đi nhanh hơn thì xem lại hành lý, những gì không cần thiết ta bỏ đi, như vậy mới có thể tiếp tục đoạn đường còn lại. Huynh đệ nghiệm xem mình đã dám buông hết chưa, hay vẫn còn nắm lại? Cứ quán sát chính mình thì sẽ rõ được kết quả, không cần hỏi ai hết.

Nếu là người thật biết tu thì thấy rõ thế gian pháp là Phật pháp. Sinh hoạt hằng ngày là cơ hội, là nhân duyên để quý vị ngộ đạo. Ngộ đạo từ việc đi chợ, cuốc đất, trồng khoai, tiếp khách, hương đăng... Nếu chúng ta là thiền sinh thì đó là những công án, đề án thiền để mình tham cứu. Quý vị đừng nghĩ phải đọc những kinh điển lớn lao cao tột mới nắm được cốt tủy việc hành thiền. Thừa không phải thế đâu. Ngay trong mọi sinh hoạt thường nhật, trong các oai nghi, khi các căn tiếp xúc với các trần là những nhân duyên lớn để chúng ta nhận lại tánh giác của mình. Chư Phật chư Tổ không những đã nói rất rõ về điều này, mà các Ngài còn thân giáo bằng cả cuộc đời hành đạo đạt đạo của mình trong mọi lúc mọi thời. Đó chính là những bản kinh sống.

Tôi tạm ví dụ những bản kinh sống ấy như một sân khấu lộ thiên đủ thứ đề tài, đủ thứ Phật pháp để chúng ta học, chúng ta hành trì chúng ta ngộ đạo. Ngoài những thứ Phật pháp đó không có Phật pháp nào khác. Có người lu bu công việc không hở tay, từ sáng sớm mở con mắt ra lu bu cho tới tối. Kinh kệ nhiều khi không đọc tụng được, trong trường hợp này, họ phải tu như thế nào? Phải hành trì, tham cứu trong những đề án trước mắt của mọi sinh hoạt này. Phật dạy: “Đối với cảnh sân đừng sân”, tham cứu, học tập, áp dụng sâu sắc với sân khấu lộ thiên ấy. Phải mở cửa từ bi hỷ xả, bỏ thí tất cả thì mình mới có thể bình thản. Đó là người biết vận dụng Phật pháp vào đời sống hiện thực, chắc chắn họ sẽ nắm được pháp vị an lạc ngay trong cuộc sống vốn phức tạp rộn ràng này.

Tôi nghĩ một thiền sinh đang ngồi dưới gốc điều hay đi trên đoạn đường có hàng dương hoặc làm công việc gì đó, vẫn tham cứu, vẫn hành trì được pháp thiền nếu vị ấy quyết tâm và có sự tỉnh thức mạnh mẽ. Không đợi thời gian nào cả, đợi là trễ, phải hành trì trong mọi lúc mọi thời như vậy. Bởi ta thấy tất cả đều thật nên

nghe động đến mình hay vật sở hữu của mình là tâm rối loạn hoảng sợ, mất tự chủ hoàn toàn. Tâm rối loạn là mất chánh định, không định làm sao có tuệ? Đã không có trí tuệ thì mờ tối cho nên mê lầm điên đảo làm, nói trái nhau đưa đến quả đau khổ. Đây là bệnh, cần phải điều trị. Cho nên phương pháp biết vọng là phương pháp định tuệ hiện tiền.

Nếu chúng ta không có trí làm sao biết các pháp hư giả mà buông được. Do đó không có tinh lực chắc chắn sẽ bị các pháp kéo lôi. Dù mình ngồi đó tụng Bát-nhã, Kim Cang, Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn... mà định không có, tuệ không có thì nhất định trôi giạt theo các hiện tượng. Giống như ta ngồi trên một dòng thác đang đổ thì không đủ sức cưỡng lại lực của dòng nước tống đi. Đã thế ngày hội ngộ trở về bên cũ biết tới chừng nào? Sự trôi giạt ấy mênh mang quá, buồn quá.

Chúng ta cũng vậy, đời này có duyên sống trong đạo tràng đây, chớ nhắm mắt rồi theo nghiệp dẫn không biết đi đâu? Lỡ rơi vào loài lông lá lù xù thì thôi, không biết chừng nào mới trôi lên được. Đáng thương như vậy mà mình đâu có sợ. Cho nên huynh đệ chúng ta thường phải khuyên nhắc nhau nỗ lực tu hành, khi còn mạnh khỏe không cố gắng tu, về sau ăn năn cũng đã muộn. Nhưng bây giờ làm sao để trở về, làm sao hàng phục được tâm an trụ được tâm?

Điều này trong kinh Kim Cang, Phật đã dạy rõ: Đối với tất cả chúng sanh ta đều đưa họ vào diệt độ mà không thấy có chúng sanh nào được diệt độ, đó là hàng phục tâm. Chúng sanh ở đây là tất cả niệm tưởng trong tâm chúng ta về các loài như thai sanh, thấp sanh, hóa sanh... Nếu ta dừng hết các niệm ấy, không chấp giữ hình ảnh của bất cứ ai trong lòng là hàng phục tâm. Nói gọn lại là buông bỏ những loạn tưởng điên cuồng của chúng ta, những vọng tưởng lăng xăng chạy ngược chạy xuôi dừng lại hết là hàng phục tâm. Còn muốn an trụ tâm là khi sáu căn đối với sáu trần, tâm không dính mắc. Chỗ này Thiền sư Bá Trượng nói “Tâm cảnh không đến nhau là giải thoát vậy”.

Thế nên chúng ta phải thấy rõ phương pháp tu hành là buông xả, đừng để tâm dính mắc với sáu trần. Tâm chúng ta khi đã không dính với sáu trần thì thênh thang như hư không, nên nói công đức như hàng sa. Phật là đáng toàn giác, chúng ta đệ tử của Phật, mang dòng họ Thích chưa được toàn giác như Ngài, thì ít nhất cũng phải phần giác. Tức là giác từng phần, tu tập được phần giác nào tốt phần đó, rồi cố gắng nỗ lực vươn lên, chớ không nên dừng ở một chỗ. Bao giờ chúng ta được giác ngộ viên mãn như đức Phật mới thôi.

Nếu không quyết tâm như thế, cứ để cho dòng lang thang trôi giạt kéo lôi mình đi mãi trong vòng luân hồi sanh tử thì đau khổ không biết tới bao giờ mới chấm dứt. Chúng ta nếu không chịu phần giác thì nói gì đến toàn giác, hóa ra việc tu hành của mình trở thành vớ vẩn, mờ mịt, không có kết quả tối thiểu nào sao? Chẳng lẽ ta đành lòng nhìn cuộc đời mình như thế sao? Dứt khoát không được rồi. Cho nên mỗi ngày chúng ta phải thể nghiệm trong từng bước đi, từng hơi thở, trong sinh hoạt hằng ngày. Chúng ta phải làm sao mãnh tinh, để làm gì? Để dừng được những dây niệm, những dây mơ rễ má dẫn mình trôi giạt trong các nẻo đường sanh tử.

Để kết lại, tôi muốn nêu lên sự kiện chấp thủ, phải làm sao buông ra, bố thí nó hết đi thì chúng ta sẽ được tự tại giải thoát. Và điều quan yếu sau cùng tôi muốn nói là làm sao chúng ta hàng phục và an trụ được tâm. Để từ đó mới thấy được diệu dụng không thể nghĩ bàn khi ta sống lại với tánh giác muôn thuở của mình.



HOÀN THIỆN CHO MÌNH

Buổi sinh hoạt đạo lý hôm nay, chúng tôi sẽ nói về những điều kiện cần thiết để hoàn thiện cho chính mình, làm sao chúng ta phát huy được công phu tu hành đi đến kết quả tốt đẹp nhất.

Là đệ tử Phật, được học hiểu chánh pháp, biết áp dụng Phật pháp vào đời sống của mình, nên biết ta có phước rất nhiều. Bây giờ cố gắng nỗ lực công phu cho đúng với những gì mình đã được học hiểu, sớm hoàn thiện cho mình là mục tiêu chánh yếu của người tu chúng ta. Có rất nhiều phương pháp tu tập, nhưng hành trì được hay không lại là một vấn đề khác. Bởi thế Phật tử cần phải nghiên tầm, xem phương pháp nào thích hợp với mình, ta ứng dụng đạt được lợi lạc thì mới nên hành trì.

Như Phật tử đã biết, mỗi chúng ta đều có nghiệp tập, căn khí, chủng tử riêng, không ai giống ai cả. Muốn hóa giải những nghiệp tập này, nhất định chúng ta phải vận dụng một năng lực dũng mãnh mới đẩy trôi những cù cặn trong lòng mình được. Ở đây tôi muốn nói đến “Đức nhẫn” của người con Phật. Muốn thành Phật, muốn chấm dứt khổ đau, được an vui vĩnh viễn, nhất định chúng ta phải sấn bước, phải có công phu trong mọi hoàn cảnh thuận cũng như nghịch. Bởi từ lâu do ngu mê nên ta tạo nghiệp, chấp nhận sự tăm tối, làm lùi đi trong sự tăm tối. Bây giờ muốn thoát ra phải có thời gian, rất cần đến đức nhẫn nhục, chịu khó bền chí.

Sự vô minh tăm tối đó không phải của ai đưa đến cho chúng ta, mà do chính mình làm mê, không nhận ra lẽ thực nên rồi gây tạo. Đã biết như vậy thì bây giờ nhất định chúng ta không để bị làm nữa, không để mình trôi giạt trong vòng vô minh đó nữa. Nội quyết tâm này cũng tiêu biểu cho đức nhẫn. Nhờ đức nhẫn mình có thể khắc phục được nóng lạnh đói no hoặc những điều bất như ý, những chướng duyên ngăn cản việc tiến đạo của chúng ta. Đó là người khéo sử dụng đức nhẫn trong công phu tu hành. Bây giờ làm sao trong mọi thời, mọi sinh hoạt chúng ta nói năng làm việc, tiếp cận tất cả công việc, mà đầy đủ tỉnh sáng, đừng bị trôi lăn bởi những thứ ăn ngủ, tiếp khách, làm việc, nói năng, sinh hoạt đó. Người nào áp dụng được như vậy, tuy không nói tu nhưng đã là tu rồi.

Hòa thượng thường dạy chúng ta sống với tánh giác. Vậy tánh giác là gì? Tức là năng lực giác biết của mình. Làm sao chúng ta sống được với tánh giác đây? Bởi từ lâu mình bị chao đảo, bị lung lay chạy ngược xuôi theo những hiện tượng lăng xăng, ít khi nào sống được với tánh giác của mình. Tuy nó hằng hữu nơi chính mình, nhưng ta bỏ quên lâu quá, bây giờ nhận lại thấy khó, chớ thật ra việc này không phải khó. Do vậy người nào bảo vệ được, sống được với tánh giác, làm chủ được mình trong mọi thời, mọi sinh hoạt là người có đức nhẫn. Tức là kiên nhẫn, gan dạ bỏ được những thói quen si mê để quay về nhận và sống với tánh giác sáng suốt.

Người thường nhẫn nhịn trong lòng không cur mang tâm ác hay các ý niệm xấu. Trên thực tế tu tập, trước nhất những ý niệm ác giảm thiểu, rồi từ từ nó mới mất hẳn. Người tu hành bất luận trong hình thức nào, xuất gia hay tại gia mà những ý niệm ác, lăng xăng điên đảo giảm thiểu là tốt. Người xưa nói: “Gắng làm

các việc lành, gắng bỏ các điều ác”. Những ý niệm không tốt, những lãng xăng điên đảo, những ác niệm không còn manh nha phát triển nữa là chúng ta bắt đầu có sự chuyển hóa lớn trong tâm thức.

Trong mọi sinh hoạt hằng ngày, chúng ta tụng kinh, ngồi thiền, tiếp khách, thụ trai, làm công tác... những ý niệm ác không có cơ hội ngoi đầu lên, không dẫn ta đi đâu được hết là mình bắt đầu có năng lực, có công phu rồi đó. Tức là phát triển điều tốt, không phát triển điều xấu. Nói thế nhiều người bảo tu như vậy là còn lưỡng nguyên, chưa phải rốt ráo. Thừa quý vị, con đường nào dẫn đến nhà cũng không phải là nhà cả. Nhưng nếu không có con đường đi, làm sao chúng ta trở về nhà được. Mình vốn làm cùng tử lang thang bao đời kiếp rồi, bây giờ quay lại phải lần mò từng chặng từng lối mà đi chứ. Trước không dùng phương tiện, làm sao đến được chỗ rốt ráo? Chỗ cứu kính không có ngôn từ, đối đãi thật, nhưng muốn đến được chỗ đó phải mượn nhiều phương tiện lắm. Chúng ta tu Phật lưu ý đừng làm chỗ này mà trở thành những kẻ lý luận suông.

Chúng ta nói những gì có thể thực tập được, chứ không phải nói để nghe cười chơi. Như vậy lời nói và việc làm mới có giá trị thiết thực. Phải biết mình cần tu như thế nào? Không thể nói ăn chay một tháng năm ba ngày gọi là tu. Một năm đi chùa đôi ba lần gọi là tu hay mỗi ngày tụng kinh, ngồi thiền đôi ba thời gọi là tu. Làm sao đối với tất cả những dây niệm chúng ta làm chủ được, không làm chạy theo nó, đó là tu, là công phu. Hiện tại mình chưa làm được, chưa có công phu thì bây giờ từng bước khắc phục. Như tôi đã nói ở trên, việc ăn, việc ngủ, tiếp khách, tụng kinh, tọa thiền, làm sao đừng bị niệm tướng lãng xăng điên đảo dẫn kéo, tức là mình có đức nhẫn. Nhẫn cái gì? Nhẫn chịu sức lôi cuốn hấp dẫn của các dục bên ngoài và vọng tưởng bên trong. Cho nên đức nhẫn là sức mạnh tinh thần đầu tiên của người tu.

Người gây dựng được tâm thiện có thể phá vỡ ngay sào huyệt của những ác niệm, không cho nó hình thành và phát triển. Hòa thượng thường dạy cho chúng ta thấy rõ ba nghiệp thân, miệng và ý; trong đó ý là gốc. Nó không có hình tướng nhưng lại là chủ trì bên trong, tham mưu cho thân và miệng tạo nghiệp. Nếu chúng ta không tu sửa ngay ý, nó sẽ phát ra nơi miệng và thân những tư tưởng và hành động lãng xăng điên đảo. Sở dĩ cái miệng nói những điều xằng bậy là do ý chủ động xúi bào, thân làm những điều sai trái là do ý ra lệnh. Cho nên chúng ta phải nhắm ngay ý mà tu, làm chủ được ý là làm chủ được tất cả. Người có công phu là người sửa được ý xấu thành ý tốt, sửa ý dong ruổi theo ngoại trần thành ý thanh tịnh trong lặng. Do đó người có công phu tu tập luôn trầm tĩnh, giàu sức chịu đựng, trong mọi hoàn cảnh lúc nào họ cũng bình thản an nhiên. Đó là thể hiện giai đoạn đầu của người có đức nhẫn.

Giai đoạn thứ hai, người phát huy được đức nhẫn thì phát huy được thiện lực, tức là có đầy đủ sức mạnh làm điều tốt. Điều thiện đã được phát huy thì việc ác phải thoái lui, giống như ánh sáng tới đâu thì bóng tối lùi tan tới đó. Tâm thiện đã có năng lực lớn thì mọi vô minh tối tăm không làm gì mình được nữa. Người con Phật xả bỏ, làm chủ được đối với vô minh là một vinh dự, một niềm vui lớn. Không có niềm vui nào sánh bằng. Tôi nói thế để làm gì? Để chúng ta phấn đấu tu

tập cho đạt được sự an lạc nội tại, niềm vui chân thật trong tâm, chứ đừng tu lấy lệ, giẫm chân tại chỗ hoài. Tu phải có tiến chứ!

Như trước kia sự kiện đó đến với mình, ta hoàn toàn bị mất hút, không có chút tự chủ nào, không chịu đựng nổi, nhưng bây giờ nhờ tu tập mình giữ được sự tỉnh táo, làm chủ phần nào, không để nó kéo đi mất hút. Từ nền tảng đó ta gây dựng dần và tiến lên. Tu là như vậy, chớ đừng nghĩ rằng phải biết quá khứ vị lai, phải bay lên trời hay lặn xuống biển, làm chuyện nọ chuyện kia phi thường. Những việc đó quý thần thiên ma ngoại đạo làm rồi, còn chuyện trị bệnh loạn tâm điên đảo, vọng tưởng si mê nó không trị được. Chúng ta tu không làm những việc của quý thần làm, mà nhắm trị cho dứt mầm bệnh si mê điên đảo. Chính các Tổ sư Việt Nam đã dạy chúng ta phải xoay lại quán chiếu mình, đừng chạy theo những thứ bên ngoài. Quan trọng từ nơi mình đây. Thành ra điểm thứ hai, người có sức mạnh công phu là người phát triển thiện lực. Chúng ta gần gũi được những vị này sẽ thấy năng lực lành của họ tỏa ra làm tươi mát cả mình.

Sức mạnh sau cùng là giai đoạn thứ ba, đức nhẫn hoàn thiện trong công phu tu hành. Sức mạnh hoàn thiện đó lạ thường lắm. Lạ thường như thế nào? Vì nó có năng lực rất lớn, lợi ích rất lớn không chỉ cho bản thân chúng ta, mà còn tác động đến mọi người. cũng vì tầm lợi ích lớn lao như thế nên gọi là toàn thiện. Giai đoạn thứ ba này là giai đoạn người đã làm chủ được, đã đầy đủ đức nhẫn, đã có một thiện lực hoàn bị. Bây giờ tư cách của người đó sáng chói. Vì vậy đối với những bậc tôn túc có năng lực, tự nhiên chúng ta kính nể, quý trọng, khi gần gũi cảm thấy yên ổn.

Một con người thực sự hoàn thiện thật là hiếm có giữa cõi đời này. Nên người xưa thường nói: “Nhân vô thập toàn”. Điều này nói lên con người ai cũng còn sự bất toàn. Bởi chưa hoàn toàn nên chúng ta cầu toàn trong vòng thế gian tương đối toàn không bao giờ có. Cái hoàn toàn đó chỉ có thể tìm được ở những người có công phu tu hành, tự khai thác phát huy cái toàn diện chân thật nơi chính mình. Nói rõ hơn, bao giờ chúng ta liễu ngộ thật tướng của các pháp, sáng đạo và sống đạo thì mới vượt lên trên cái bất toàn đối đãi của thế gian.

Sống lại với tâm chân thật không sanh diệt của mình là sống thật với mình và hoàn thiện với tất cả mọi người. Bởi vì lúc đó ta không tạo nghiệp thương ghét, hơn thua thì làm gì có việc bất như ý, bất toàn cho mình cho người? Người có được sức chịu đựng, sức nhẫn thì giai đoạn đầu xả bỏ hết những tâm niệm xấu. Giai đoạn thứ hai là thiện lực của người đó hoàn chỉnh. Giai đoạn ba là hành giả làm chủ mình hoàn toàn, hoàn thiện công phu. Thời gian của ba giai đoạn này dài ngắn không biết là bao nhiêu, không thể tính được, tùy sự tu tập của mỗi người.

Trong khi tu, chúng ta nên nhu hay nên cương, nên cứng hay nên mềm? Thật ra, không nhất thiết phải nhu cũng không nhất thiết phải cương. Nhu hay cương tùy thời, tùy cảnh và tùy mình. Tuy nhiên mỗi thứ đều thể hiện sức chịu đựng, đức nhẫn bên trong, đó mới là gốc gác. Đôi khi sự mềm dịu lại thắng được cứng rắn. Chẳng hạn như chúng ta không cần phải trừng trị với vọng tưởng, bởi vì nó là vọng tưởng mà. Mình chỉ cần biết nó không thật thì nó tự tan, không cần

phải đâm đá hay mắng chửi vô ích. Quan trọng làm sao chúng ta có nội tại vững vàng, trí tuệ và năng lực sung mãn thì điều trị nó dễ dàng, nhẹ nhàng.

Ví dụ như chúng ta đang ngồi đây, chợt trong tâm dấy lên niệm muốn về thành phố, bây giờ phải làm sao? Ta không thể nào lôi niệm đó ra thoi cho nó một cái, mà phải tỉnh táo biết nó là điên đảo loạn tưởng, đừng theo thì được rồi. Nó dấy lên bao nhiêu thứ trong cuộc đời này mình cũng không theo, tâm vẫn bình thường, an nhiên, mềm mại, nhu hòa, bởi vì mình biết nó không thật. Nếu không thực tập được như vậy, chúng ta sẽ rơi vào một trong hai trường hợp này: Một là mất mình vì chạy theo những thứ lăng xăng. Hai là chiến đấu với hư không.

Chiến đấu với hư không thì như thế nào? Chúng ta thử tưởng tượng một người cầm gươm nhắm trong hư không mà vút, chắc kẻ ấy cũng không được bình tĩnh lắm đâu. Hư không là cái gì mà đánh nó? Biết nó là hư không thì được rồi. Cũng như chúng ta không cần đem những món vàng giả đã chế tạo thành vật trang sức đập nhừ hoặc thả nó xuống sông. Điều này không cần thiết. Dù thiên hạ có chế bao nhiêu ngàn tấn đồ giả cũng chẳng có giá trị gì so với đồ thật. Chỉ có điều mình phải có đôi mắt sáng, thiện nghệ, cái nào giả biết giả, đừng đắm theo, đừng muốn hốt về mình thì được rồi. Chớ không cần thiết phải đem nó đi đâu hoặc bằm dập cho khuất mắt.

Chủ yếu của người tu hành là làm sao có năng lực, có sức mạnh để khắc phục chính mình trước ngoại cảnh bên ngoài cũng như vọng tưởng bên trong. Ví dụ nghe người ta chửi mình nhịn được, người ta lấn lướt mình nhịn được. Điều này tuy khó nhưng không hẳn khó lắm. Cái khó là khi đối diện trước những thứ mềm mại dịu dàng, dễ thương, ta không nhẫn được. Ai tu được với các duyên loại này là người có sức mạnh lớn, không phải dễ đâu. Đôi khi những việc khó khăn như trèo đèo lội suối mình làm, nhưng đi qua những vùng đất sũng mềm ta chịu thua. Các trường hợp này xảy ra thường lắm, chúng ta cần nên dè dặt chớ xem thường.

Ở đây người con Phật phải biết sử dụng trí tuệ một cách thiện xảo. Dùng trí tuệ phân biệt biết rõ ràng cái gì thật cái gì giả. Phật nói những gì không thật mình biết, những gì thật mình biết, như vậy mới tu được. Chúng ta nhận và hiểu trái lại với điều Phật nói, xem như việc tu khó thành tựu. Có những điều chúng ta hiểu đúng theo lời Phật dạy mà còn chưa áp dụng được hết, hiệu năng chưa đạt bao nhiêu, huống là hiểu sai và làm sai. Cho nên người tu Phật phải dè dặt cẩn trọng, không thực hành những gì khác với lời Phật dạy, cũng không nên chấp kẹt nơi pháp Phật dạy. Có thể hy vọng chúng ta tu tiến.

Thật ra người sử dụng được trí tuệ nhuần nhuyễn thì việc tu rất nhẹ nhàng mà kết quả lại cao. Lấy nhu nhuyễn đối trị lăng xăng chộn rộn, tuy thấy ngồi yên nhưng lại đang dững cảm cắt đứt muôn duyên bên ngoài. Người này phải có một sức mạnh bên trong rất lớn, có đầy đủ sức tinh táo sáng suốt để khắc phục những tâm tưởng cuồng loạn của mình. Thiếu nội tại vững vàng bên trong mình sẽ bị những thứ bên ngoài nhận chìm tức khắc, không thoát được.

Đối với các cảnh duyên trong thời thường đây, làm sao chúng ta làm chủ được. Sức mạnh ấy không do thần thánh nào đem lại, đó là sự tỉnh và sáng, một

thứ năng lực có sẵn nơi chúng ta. Chỉ cần biết lấy ra dùng thì mình không bị giả duyên giả cảnh sai duyên kéo lôi. Khéo tu tập với trí tuệ chân thật của chính mình, tuy thấy mềm nhưng lại có một sức mạnh phi thường, khắc phục được tất cả những lăng xăng điên đảo của mình. Quý vị thấy, cái răng nó cứng nhưng rụng, cái lưỡi mềm nhưng không rụng. Đó là công dụng kỳ diệu của người biết lấy nhu thắng cương.

Tất cả chúng ta đều biết, do vọng tưởng mà mình luân hồi sinh tử, si mê điên đảo. Từ si mê điên đảo lại phát sanh vọng tưởng, cứ loay hoay lẫn lộn trong đó, không thoát ra được. Bây giờ biết rõ như vậy, chúng ta phải thoát ra như thế nào? Lối thoát đó không chỉ khác hơn là phải thức tỉnh, làm chủ được mình. Do đó tôi mới nhấn mạnh về việc tự hoàn chỉnh cho mình. Tuy điều đó còn mang tính lý tưởng, nhưng không phải là bất khả thi. Chúng ta bị phiền não điên đảo kéo lôi nhưng chúng là hư giả, còn trí tuệ tuy chưa sáng hoàn toàn nhưng đó là cái chân thật sẵn có, không bao giờ mất. Cho nên chỉ cần ta nhớ lại, quán chiếu trở về mình thì vọng tưởng phiền não lập tức tan ngay, chúng không làm được gì mình. Nắm vững yếu thuật đó, nỗ lực công phu thì việc tu không khó lắm. Ngặt nỗi chúng ta cứ quên quay trở lại, mà hay phóng ra ngoài. Quý vị kiểm lại xem từ sáng tới trưa, từ trưa tới chiều, từ chiều tới tối, mình quên mất tiêu, cứ bị trần cảnh điên đảo vọng tưởng kéo đi hết ngày này qua ngày khác, nên rồi tu hoài không thấy kết quả gì. Thế nên huynh đệ nên thường xuyên nhắc nhở nhau, động viên nhau mãnh tình, đừng để vọng tưởng lừa gạt nữa.

Khi thực tập đức nhẫn cần phải có thêm các tùy pháp hỗ trợ. Những tùy pháp đó là gì? Chữ “Tùy” tức là tùy theo, ở đây muốn nói đến những phương tiện bổ sung cho việc tu hành của chúng ta mau đạt kết quả tốt. Tùy pháp thông thường nhất là niềm tin đối với chánh pháp. Bởi vì khi nghiệm lại chính mình, ta chưa tin hoàn toàn lời của Phật thì không thể tu tập theo sự hướng dẫn của Ngài. Ví dụ Phật nói tất cả chúng sanh đều có tánh giác, mỗi người đều có hòn ngọc bảo châu vô giá. Nếu ai tin trọn vẹn như thế thì nỗ lực siêng năng phát huy tánh giác ấy. Song chúng ta thường có bệnh, nghe thì nghe, hiểu thì hiểu nhưng nhận ra để hằng sống với cái Phật dạy thì chưa có niềm tin vững chắc lắm. Đó là một trong những lý do khiến cho công phu của chúng ta trì trệ, có khi còn lui sụt nữa. Do đó niềm tin đối với chánh pháp rất quan trọng.

Khi tu đúng chánh pháp rồi, chúng ta không sợ rơi vào địa ngục, địa ngục, súc sanh. Phật thường nói với chư Bồ-tát thế này: “Các ông không chịu vô địa ngục thì ai vô cứu chúng sanh trong đó”. Nếu không đủ trí lực, dũng lực chắc chắn các Ngài sẽ sợ, không dám vào địa ngục. Thế thì chúng sanh trong đó không bao giờ được cứu thoát và chính các Ngài cũng không thể tròn bản nguyện tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn để tiến lên Phật quả. Cho nên sợ thì làm sao vào địa ngục được! Thành ra niềm tin đối với chánh pháp là điều tiên quyết để chúng ta tiến đạo.

Người tu Phật nếu niềm tin không vững vàng, công phu còn lệch lạc thì khó thành tựu sở nguyện giác ngộ giải thoát. Như tôi thường nói từ đây muốn về Vũng Tàu, thay vì ra khỏi cổng Thường Chiếu rẽ trái, quý vị lại quẹo phải thì nhất định

lạc đường thôi. Đi như vậy chẳng những không về được Vũng Tàu mà còn cách xa Vũng Tàu hơn vị trí mình đang đứng. Cũng thế, tu hành không có đường lối rõ ràng, không có niềm tin vững vàng chẳng những không tiến mà còn cách đạo rất xa. Nên nhớ giữ đức tin nơi chánh pháp không bị sai suyển, như tin rằng mình tu theo Phật thì sẽ thành Phật, nhất định như thế chớ không thành gì khác hơn.

Lập chí tu hành trải qua rất nhiều thử thách, không phải ai tu cũng được như nguyện hết. Có người hồi chưa tu mạnh khỏe lắm, tới chừng phát tâm tu rồi, bệnh thôi là bệnh. Hoặc nhiều thiền khách sau khi xuất gia, bao nhiêu năm đi gõ cửa các vị thiện hữu tri thức để học hỏi, cuối cùng nhận định chỉ có ở yên một chỗ hành trì Phật pháp mới được lợi lạc thiết thực. Vị này sau khi có được chỗ hành trì tương đối như ý mình thì bắt đầu bệnh, bệnh tới đi không nổi nữa. Những lúc nguy ngập như thế, nếu không lập chí, không vững niềm tin đối với chánh pháp sẽ thối lui bỏ cuộc. Niềm tin đó trong kinh gọi là “Tịnh tín”. Chữ “Tịnh” là trong sạch, trong vắt, thanh tịnh không gì làm nhơ nhiễm được.

Xưa có một vị Tỳ-kheo tu hành rất đặc lực, nhưng lại mắc chứng bệnh kiết lỵ. Nó hành thầy tới không còn cát đầu lên nổi nữa. Từ đó thầy phát nguyện: “Nếu như đại nạn đến, con phải bỏ thân tứ đại này, dù có bị rơi vào địa ngục con nguyện vẫn giữ vững chí nguyện tu hành. Bao giờ hết nghiệp trong chốn địa ngục con sẽ trở lên tiếp tục tu hành cho tới ngày viên mãn mới thôi. Con tin chắc rằng con có Phật tánh, con nguyện sống lại với tánh giác đó, không có cái nào khác hơn”. Khăng định như thế, tuy kiết sức nhưng nhờ quyết tâm tu và được sự hỗ trợ của các huynh đệ, sau đó dần dần thầy bình phục, căn bệnh tan biến mất và thầy khỏe mạnh trở lại. Từ đó thầy gầy dựng công phu rất đặc lực và đã đạt được kết quả như nguyện.

Đây là chỗ ách yếu của người tu chúng ta. Bởi vì đôi khi thấy bệnh mệt quá nên ta tự cho phép mình nghỉ tu một bữa. Luôn luôn mệt là chuẩn bị nằm nghỉ. Ví dụ công việc hồi chiều có mệt đó, nhưng tới 6 giờ 30 chuẩn bị tụng kinh, đâu có làm gì mà mệt, nhưng tự nhiên tới giờ đó sao thấy bữa nay mệt quá. Rồi sao nữa? Mệt quá thì nghỉ tụng kinh. Hoặc tới giờ ngồi thiền cũng tự bào chữa bữa nay mệt quá, nghỉ ngồi thiền một bữa. Đó là yếu điểm của chúng ta. Bây giờ làm sao chấn chỉnh công phu, đừng đợi đến lúc bị kiết lỵ, bị bệnh phổi, bệnh gan... không đứng được, không ngồi được, không nằm được. Ngay bây giờ, chúng ta gầy dựng một sức mạnh liên tục để công phu của mình luôn tăng tiến.

Phật tử nên nhớ đối với thân giả hợp này, mình có chiều nó tới đâu cuối cùng nó vẫn phụ bạc mình. Bây giờ tốt hơn hết ta nên lợi dụng nó để gầy dựng công phu tu hành cho mình. Gầy dựng ở đây theo tùy pháp thứ nhất là phải vững niềm tin với chánh pháp. Nghĩa là Phật dạy như thế, thực hành như thế, chúng ta gắng gổ công phu sẽ được lợi lạc. Dù trời mưa bão hay nóng bức nhọc nhằn, tới giờ ngồi thiền mình gắng ngồi thiền, tới giờ tụng kinh mình tụng kinh bình thường, vui vẻ. Mọi cảnh duyên bên ngoài không làm ngăn ngại công phu tu hành của chúng ta. Được ổn định như thế chắc chắn công phu không thôi chuyển mà ngày càng tăng tiến, bảo đảm hiện tại an vui mà mai sau ta làm chủ được.

Phật tử chúng ta có bệnh thường hay đồ thừa, tự viện dẫn lý do này lý do nọ để trốn tu. Như nói giờ giấc, phương tiện như vậy làm sao tu được. Thôi để bao giờ xong việc con sẽ tu. Thừa quý vị, biết đến bao giờ mới xong việc? Và quý dữ vô thường có chịu đợi cho chúng ta xong việc không? Điều này quý vị phải tự hỏi lại mình trước đi. Ta huân nghiệp tập chúng sanh nhiều hơn chúng tử Phật mà muốn thành Phật thì thật không hợp lý chút nào. Huân chúng sanh nhiều thì chúng sanh hiện ra, huân Phật nhiều thì Phật hiện ra. Tùy chúng ta thôi. Thành ra đối với người có công phu tu hành, trong giai đoạn đầu phải có niềm tin thật vững. Niềm tin vững rồi ta sẽ thắng vượt được tất cả những cảnh duyên bên ngoài, không bị chết bởi cảnh duyên, không bị gục ngã bởi cảnh duyên. Đó là tùy pháp thứ nhất.

Tùy pháp này nếu đã vững vàng tiến triển thì chúng ta sẽ gạt hái được thành quả tốt đẹp là trí lực hiện tiền. Trí tuệ của mình khỏe lên, đầy đủ hơn, phát huy mạnh mẽ hơn. Ngược lại nếu ả thứ nhất này mà mình xiu xiu, không làm chủ được, không phát huy được thì trần lao phiền não quấy nhiễu, ta sẽ không tiến được làm sao có thể làm chủ mình. Chỉ khi nào trí lực mạnh, ta tinh táo sáng suốt, không bị những mê mờ tăm tối điên đảo kéo lôi thì mới hoàn thiện được chính mình. Cho nên trong từng phút giây hằng sáng suốt tỉnh giác mới bảo trì được tánh giác của mình.

Tùy pháp thứ hai là tinh thần hướng thượng. Tại sao phải hướng thượng? Hướng thượng cái gì? Ở đây tôi không nói hướng thượng Niết-bàn, giải thoát, thanh tịnh, chân như... Mà hướng thượng ở đây là nhắm vào một hành trình, mà trên con đường ấy chúng ta là người vững vàng hiên ngang đi thẳng, không bị quật ngã bởi bất cứ những sự kiện gì chung quanh, tiến thẳng tới trước. Dứt khoát người tu chúng ta muốn tiến lên phải gây dựng cho được giai đoạn thứ hai này. Nếu không như thế trước sau gì ta cũng sẽ bị thoái chuyển. Sở dĩ người tu bị động, bị thoái chuyển là do tinh thần hướng thượng chưa vững. Một khi sự nghiệp giác ngộ đã thoái chuyển thì gây dựng trở lại quả thật gian nan. Thà là chậm, chứ đừng nhảy vọt sai lệch rồi bị thoái chuyển thì chinh đốn lại rất khó.

Do đó giai đoạn thứ hai là giai đoạn mà Phật tử chúng ta phải chín chắn nhìn nhận thật kỹ. Chín chắn để thấy từng bước, từng giai đoạn công phu của mình, không khéo sẽ hỏng việc trước khi hoàn thành đại sự. Quý Phật tử phát tâm đi chùa, làm phước hoặc học hiểu kinh pháp đều phải ai cũng tăng tiến hết đâu, con số thoái chuyển nhiều lắm. Đôi khi bị một lời nói hoặc sự cố gì đó, tự nhiên buồn lòng bức xúc, không vượt qua được là bỏ cuộc. Thành ra ở đây chúng ta phải phát tâm hướng thượng dũng mãnh, làm sao cho công phu tu hành có một lực tăng tiến. Lực tăng tiến ấy như thế nào?

Giống như trời trưa nắng gắt, một người đang gánh nặng trên con đường xa ngược dốc. Người này không có quyền để gánh nặng xuống ngồi hóng gió hoài. Nếu mệt, chỉ nên nghỉ một tí thôi rồi phải đứng dậy đi tiếp. Biết đường xa thì phải nỗ lực đi mới tới, gánh nặng này cũng nên vớt bớt cho nhẹ. Do đó khách bộ hành phải là người khôn ngoan, muốn gánh nhẹ thì thấy ra hết dù ngọc ngà châu báu cũng không ham. Muốn thâm nhập đoạn đường thì phải bước tích cực, phải đi tới chớ không được dừng lại.

Ở giai đoạn thứ hai, chúng ta phải khởi niệm công phu tăng tiến, không để bị thoái chuyển. Thiếu quan niệm hướng thượng thì việc tu sẽ không đi tới đâu hết. Bởi vì phiền não tập khí, những thứ cù cặn của chúng ta nhiều vô kể, không thể cất giấu ở đâu được, chỗ nào nó cũng lòi ra hết. Ví dụ như đang trong buổi lễ trang nghiêm trước bàn Phật, mọi người đều hoan hỷ tập trung cung kính hướng về đức Phật, nhưng lúc đó có ai kê tai chửi mình là ta nổi sùng tức khắc. Nếu cơn sân bộc phát dữ dội không kiềm được, ta có thể gây tại chỗ. Cái sân nó ẩn đâu không biết, hễ có cơ hội là xuất hiện liền, bất cứ chỗ nào. Nghiệm lại đôi khi mình thấy xấu hổ ghê lắm chứ, nổi nóng những lúc như vậy thiệt là tầm bậy. Nhưng không hiểu nó ở đâu nhảy ra nhanh quá, mình không làm chủ được. Nó vọt ra miệng thì ta nói tầm bậy tầm bạ, vọt ra thân thì vung tay múa chân. Thật đáng sợ!

Bây giờ muốn thắng nó, làm sao chúng ta phải luôn luôn thâm lặng tăng tiến, nhưng tiến mãnh liệt, liên tục mới có năng lực mạnh hơn và dứt trừ được các tập khí. Đó là giai đoạn của tùy pháp thứ hai. Nếu như công phu ở giai đoạn này thành tựu, chúng ta là người đã có niềm tin vững chắc đối với chánh pháp, đã thâm nhập chánh pháp và cũng là người cả quyết đoạn đường tu hành của mình, khẳng định đi lên tới nơi chớ không bao giờ trở lùi lại. Được vậy công phu tu chắc chắn thành công.

Tùy pháp thứ ba là Dũng mãnh. Chữ “Dũng” là dũng cảm, chữ “Mãnh” là mạnh mẽ. Không thể nói tôi đi được đoạn đường đó xong rồi, thôi bây giờ nghỉ một chút. Giả như bây giờ Phật tử đã được tâm an lạc rộng rang, người ta chửi thấy cũng bình thường. Tuy nhiên như vậy chưa phải là xong đâu, phải làm sao tăng lên nữa, không phải bao nhiêu đó gọi là đủ. Cho nên tùy pháp thứ ba tôi muốn nói ở đây là tâm dũng mãnh, tức phải có sức mạnh mà để nhảy vượt tất cả. Bởi vì trong sinh hoạt thời thường của chúng ta, không phải cái gì cũng bình thường. Cũng như trên con đường dài có nhiều đoạn khác nhau, có đoạn tráng nhựa xe chạy bon bon, nhưng cũng có đoạn còn hố bom, nếu chủ quan ta cứ tưởng đoạn nào cũng êm xuôi hết thì bất ngờ lọt vào hố bom một cái rầm là chết. Cho nên người đã vững niềm tin càng phải dũng mãnh tiến lên. Hòa thượng thường nhắc: “Đi lên dốc núi, chưa tới đỉnh thì chưa được quyền liếc ngó và đứng yên một chỗ. Phải tiến bước, chừng nào tới đỉnh rồi tha hồ ngồi yên hóng gió”.

Nhờ dũng mãnh chúng ta mới có sức mạnh vượt qua tất cả những trở lực, công phu nhuần nhuyễn thâm trầm. Ta thường nghe nói ma cao nhất trọng Phật cao nhất xích. Người có công phu nhiều chừng nào, trở ngại càng lớn chừng ấy. Bởi vậy nếu khinh thường, không mạnh mẽ sẽ bị vấp. Thành ra công năng của tùy pháp thứ ba là giúp chúng ta nhảy qua được mọi trở lực, cuối cùng hoàn chỉnh tư cách, hoàn chỉnh công phu tu hành. Từ đó chúng ta hoàn thiện được mục đích cứu kính trong cuộc đời tu hành của mình.

Bây giờ cảnh duyên không làm gì được ta, sự đói no nóng lạnh không còn bức xúc nổi thân này, những danh hư lợi dưỡng không thể tác động đến tâm này, tất cả hiện tượng bên ngoài không làm gì được mình cả. Đối với các cảnh duyên, chúng ta nhẹ nhàng bước lên, không trở ngại gì hết. Nhà thiền gọi đây là người bình thường an ổn trong tất cả các cảnh duyên. Cho nên người thâm đạt thật lý

không bao giờ trốn chạy, không bao giờ sợ sệt trước bất cứ hoàn cảnh nào. Chúng ta thấy các Thiền sư luôn vô úy, vô ngại bởi vì với trí tuệ và thiền định, các Ngài đã tự chiến thắng nội ma phiền não cũng như ngoại ma dục trần cảnh. Noi gương ấy, chúng ta lập chí tu hành quyết không thoái chuyển, thì công phu sẽ có ngày thành tựu, không nghi.

Phật tử nên nhớ trong quá trình áp dụng pháp Phật, quý vị phải thấy rõ từng tâm niệm, từng vấn đề trong từng giai đoạn đề định lượng được sự tiến thoái của mình mà có phương pháp sửa đổi. Giống như một người ngồi thiền trước tấm gương to, ngồi nghiêng hay lệch họ thấy rõ ràng và kịp thời sửa ngay thì không mắc bệnh, lại được kết quả tốt. Ở đây công phu tu hành hằng ngày của mình, ta phải nhận định rõ để thực hiện đến nơi đến chốn. Dĩ nhiên mình phải thấy rõ mình hơn ai hết, do đó không được đổ thừa tại hoàn cảnh hay tại bất cứ nhân duyên nào khác đã ngăn cản việc tu tập của mình.

Phật tử nên nhớ Hòa thượng thường dạy “chúng ta có tu là có tiến”, mình quyết tâm tu thì nhất định sẽ thành Phật. Chỗ này trong kinh Pháp Hoa phẩm Thọ Ký, đức Phật đã thọ ký cho các vị đại đệ tử nhắc đến những người chưa chứng quả, đặc biệt là con gái của vua rồng, tức Long Nữ mới 8 tuổi cũng được Như Lai thọ ký sẽ thành Phật. Đã thế chẳng lẽ chúng ta không thành Phật sao? Phải có niềm tin khẳng định như thế. Một khi nắm vững như vậy rồi chúng ta sẽ không còn thoái chuyển nữa.

Tóm lại muốn hoàn thiện cho mình, trước nhất chúng ta phải có niềm tin với chánh pháp. Từ niềm tin đó ta phấn chấn, không để thoái chuyển tâm cầu đạo giải thoát của mình. Tâm bất thoái đã hình thành đầy đủ rồi thì cần phải dũng mãnh tiến lên, như vậy chắc chắn sẽ hoàn thiện được chính mình. Cuối cùng đến giai đoạn thứ tư, được lược ghi trong mấy câu kệ như sau:

Ta hằng hái tu tập,
Luôn nỗ lực hành trì,
Trong tinh thần tinh sáng,
Tiến trọn con đường đi.
Tâm dũng mãnh đã quyết,
Khó khăn ngàn ngại gì,
Đời thường tâm rộng lặng,
Khói mây tan hề chi.

Cuối cùng chỗ ta phải đến và sống được là tâm rộng lặng. Tất cả chúng ta nỗ lực tu hành ngay trong đời này để thắng vượt được tất cả những vọng tưởng lăng xăng, không bị chúng kéo lôi, đó là bất thoái. Người đã nhận rõ cục diện này, bao nhiêu thứ thịnh suy, hợp tan trong đời thường chẳng còn gì đáng để quan tâm, tất cả đều là khói là mây. Trong mỗi chúng ta chỉ còn lại gì? Tất cả sự việc bên ngoài khi yên lặng hết, chỉ còn lại cái sáng suốt, tinh thần mãnh liệt, làm chủ hoàn toàn trước tất cả mọi điên đảo của thế gian.

Thực hiện được điều này ngay trong đời sống hiện tại đây chính là hoàn thiện cho mình. Chúc tất cả quý vị đều được thành công.

